

VIÊN GIÁC

Bộ mới số **6**
tháng 12, năm 1981



Tranh đấu cho Tự Do của Dân Tộc và Đạo Pháp
Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu năm 1963

tạp chí của Kiều-Bào và Phật-Tử Việt-Nam
tại Cộng-hòa Liên-bang Đức

VIÊN GIÁC

Bộ mời số 6, tháng 12, 1981



Trong số này trang

- Thư Tòa Soạn
- Phật Giáo Việt Nam xưa và nay 01
- PGVN thời Pháp thuộc 07
- Thơ : Giác ngạn chiểu thu 08
- Ảnh hưởng của Phật - Giáo trong thi ca VN 09
- Thiền học 17
- Thơ: Dạ vũ 18
- Phật Giáo thực hành 19
- Cảnh giới Hoa Nghiêm 21
- Trang Giáo lý GĐPT Quốc Sư' tạp lục 24
- Thơ: tiếng gọi quê hương 28
- Việt Nam Phong Sự' 29
- Truyện Hùng Đạo Vương 31
- Đường không biên giới 35
- Thơ: Xưa và nay 39
- Văn tế 40
- Trong cơn lốc đỏ 42
- CS Hà Nội đàn áp PG 45
- Tin tức 49
- Phương danh Quý Đạo - Hưu và Phật - Tư' 50



Thư TÒA SOẠN

Sáu số báo Viên Giác đã d'ến tay Quý vị. Nhìn lại quãng đường một năm qua, chúng tôi cảm thấy được khích lệ rất nhiều. Trong đời sống xa cách quê hương hiện tại, việc gây dựng một cơ sở để liên lạc nhau, chia sẻ cho nhau những nỗi niềm, cùng sách lễ nhau việc tu hành, như vậy, đã đi được những bước đầu. Đó cũng là những bước giannan nhứt mà nếu thiếu, đi sự giúp đỡ của Quý vị chắc hẳn chúng tôi khó lòng vượt qua được.

Sự giúp đỡ quý báu ấy khiến chúng tôi thêm phần tin tưởng để đi tiếp con đường trước mặt. Chúng tôi cũng biết đó là con đường dài vì như quý vị cũng rõ, việc hoằng pháp tại hải ngoại sẽ phải tiếp tục bao lâu chúng ta còn phải sống cuộc đời ly hương. Do đó nó không chỉ là công việc giữa chúng ta, những người đã tới một lứa tuổi nào đó. Mà nó còn là sự mang của tuổi trẻ, của thế hệ tiếp nối. Và có lẽ chúng tôi sẽ không quá lời khi quan niệm đó là một sự mạng quan trọng việc duy trì và phát huy bản chất của người Phật Tử Việt Nam. Cùng với tầm mức quan trọng và cần thiết vừa kể, Viên Giác kể từ số tới sẽ có thêm phần song ngữ Việt Đức để con em quý vị có thể tìm hiểu tôn giáo đã nối kết tổ tiên mình trong quá khứ, đang nối kết chúng ta ở hiện tại và trong tương lai tới lượt các em chung một khối thuận thành.

Trong giai đoạn hội nhập hiện tại, việc vận động tiếng Việt trở thành một sinh ngữ bên cạnh các sinh ngữ khác chưa có dịp thực hiện một cách qui mô, việc đọc và hiểu tiếng mẹ đẻ sẽ đặt ra nhiều vấn đề cho các em đang miệt mài học tiếng Đức để theo kịp các người bạn bạn xứ. Phần giáo lý bằng tiếng Đức kia sẽ giúp các em không phải đứt đoạn với cội nguồn. Ngoài ra nó còn có một lợi diêm khác là, qua đó, sẽ tránh được những ngộ nhận có thể có của những người bạn xứ chưa có dịp tìm hiểu một tôn giáo vốn là quốc giáo của hầu hết các quốc gia ở Viên Đông.

Cũng như đối với những Phật tử khác từ trước tới giờ, việc thực hiện một chương trình như vừa hoạch định cần tới sự giúp đỡ tùy tâm của quý vị. Bên cạnh sự tài trợ của chánh quyền Đức đang có khuynh hướng giảm thiểu vì những khó khăn kinh tế, sự giúp đỡ của quý vị càng thêm phần khẩn thiết để chúng tôi đi tiếp con đường trước mặt.

— VIÊN GIÁC —

Chi Trương:

Đại Đức THÍCH NHƯ ĐIỀN

Thực hiện : MAI VI PHÚC

Kỹ thuật : THỊ CHƠN

cùng sự đóng góp của

HỘI SINH VIÊN và KIỀU BAO
PHẬT TỬ VIỆT NAM tại
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Tòa soạn : Chùa VIÊN GIÁC
Trung tâm VĂN HÓA PHẬT GIÁO
VIỆT NAM tại C.H.L.B-Đức

Eichelkampstr. 35a 3000 Hannover 81

điện thoại : (0511) 86 46 38

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

XƯA & NAY

(Bài giảng trong chuyến công-du tại HOA-KỲ và NHẬT-BẢN)



Viên Giác số 6 lần này đặc biệt viết về Hòa Thượng Tiên Sĩ Thích Thiên Ân, cố Viện Trưởng Viện Đại Học Đông Phương tại Los-Angeles, CA (Mỹ) để tưởng niệm ngày T i ê u Tướng (Giáp năm) của Hòa Thượng nhằm ngày 24 tháng 11 năm 1981.

Chúng tôi vừa sưu tầm được tập tài liệu "Phật Giáo Việt Nam xưa và nay" của Hòa Thượng viết và được xuất bản tại Sài Gòn năm 1965. Nhân lễ kỷ niệm Tiếu Tướng của Hòa Thượng - Ban Biên Tập Đặc San Viên Giác xin trích đăng lại lời giới thiệu của nhà văn Nguyễn Ngũ I trước khi vào sách này.

Nguyên câu Giác linh của Hòa Thượng sớm cao đăng Phật Quốc, thượng phẩm liên đài, hoa khai k iên Phật.



THAY LỜI GIỚI-THIỆU

Thượng-tọa Thích Thiên-Ân không xa lạ gì với bạn đọc Bách-Khoa, vì Thượng-tọa vốn là học-giả Đoàn-văn-An, Tiến-sĩ Văn-chương ở Nhật, người đã từng viết nhiều bài về Phật-giáo, về Thiền-học cho Bách-Khoa. Hiện nay Ông giữ chức Khoa-trưởng của Phân-khoa Văn-học và Khoa-học Nhân-văn ở Viện Đại-học Vạn-Hạnh, và mới công-du sang Hoa-Kỳ và Nhật-Bản.

Sinh-viên, giáo-sư Đại-học Vạn-Hạnh cùng một số nhà báo, nhà giáo, nhà văn, nhà thơ và nhà trí-thức ngoại-quốc và trong nước đã đến đón-đào nghe Ông tường-thuyết chuyến công-du

này, tại giảng-đường của Viện Đại-học Vạn-Hạnh, lúc 4 giờ chiều ngày thứ bảy 29-5-1965.

Sau lời giới-thiệu của Thượng-tọa Thích Minh-Chân, Viện-trưởng, diễn-giã nói mấy lời cảm ơn hội Văn-hóa Á-châu (Asia Foundation) đã bảo-trợ cuộc công-du dài sáu tuần lễ này (bắt đầu từ đầu tháng tư đến giữa tháng năm năm nay). Nhiều người, rất nhiều người nghĩ rằng: Ông đi sang Mỹ-quốc có nhiều lý-do, trong đó có lý-do... chính-trị. Sự thật, vấn-đề chính-trị không thành vấn-đề trong chuyến đi này, mục-đích cốt-yếu của nó chỉ là văn-hóa và giáo-dục. Nên Ông án-cần nhờ thính-giã giải-thích giúp cho những người quen biết hôm nay không có mặt nơi đây, mà đã hiểu lầm như thế. Rồi Ông nói rõ những mục-đích — vì mục-đích có nhiều — của chuyến công-du này.

Mục-đích thứ nhất: Dự các cuộc hội-nghị văn-hóa Á-châu và Quốc-tế ở Hoa-Kỳ tại San Francisco và Colorado Springs.

Mục-đích thứ hai: Chứng tỏ với thế-giới, nhất là với người Mỹ — vì cùng đi với Linh-mục Cao-văn-Luân, nguyên Viện-trưởng Đại-học Huế — rằng: hai tôn-giáo lớn ở Việt-Nam dù có những quan-niệm bất-đồng về tôn-ngưỡng, nhưng ít nhất cũng có thể cộng-tác với nhau trên các phương-diện văn-hóa và giáo-dục.

Mục-đích thứ ba: Thăm viếng thiện-chất các cơ-quan văn-hóa và giáo-dục ở Hoa-Kỳ và Nhật-Bản, và tiếp-xúc với các nhà lãnh-đạo các ngành lý.

Mục-đích thứ tư: Mục-đích quan-trọng hơn hết là giới-thiệu Viện Đại-học Vạn-Hạnh với các Viện Đại-học ở Hoa-Kỳ và Nhật-Bản và đặt liên-lạc với các Viện Đại-học này.

Đây là lần đầu diễn-giã viếng-nước cầm đầu thế-giới Tự-do, nên sau phần mở-đầu, diễn-giã cho biết:

VÀI NHẬN XÉT VỀ HOA-KỲ

Nhận xét đầu-tiên của Ông là :

Hoa-Kỳ là một quốc-gia tiến-bộ về nền văn-minh vật-chất : nào là nhà cao, đường rộng, xe nhiều, nào sự giao-thông tiện-lợi và mức sống dân-chúng rất cao. Ở Hoa-Kỳ người ta ít thấy sự cách-biệt về mức sống giữa thành-thị và thôn-quê. Một cố-gắng của Hoa-Kỳ là làm cho sự cách-biệt này càng ngày càng ít.

Nhận-xét thứ hai là :

Hoa-Kỳ đất rộng mênh-mông : đi từ bên này sang bên kia, giờ địa-phương thay đổi đến bốn lần, và từ tiểu-bang này sang tiểu-bang khác, thường khác nhau hằng ba tiếng đồng-hồ. Người ta nói Hoa-Kỳ là một đại-lục quả không ngoa. Đất đã rộng mà tài-nguyên khoáng-chất lại rất dồi-dào, phong-phú.

Đó là một vài nhận-xét bên ngoài, còn đây là về bên trong :

— Người dân Hoa-Kỳ có trình-độ phổ-thông giáo-dục rất cao, hầu hết đều học xong Nghĩa-vụ giáo-dục (9 năm). Nhờ thế mà họ không dễ-dàng theo những tà-thuyết như dân những quốc-gia mà đa-số dân-chúng còn thất-học.

— Xã-hội Hoa-Kỳ là một xã-hội hoàn-toàn tự-do và dân-chủ. Những người công-dân có một chức-vụ trong guồng máy quốc-gia rất tận-tụy với nhiệm-vụ của mình.

Đến đây diễn-giả kể lại một bằng-chứng : Thẻ thông-hành của Ông Luận và của Ông bị thiếu-hủy trong vụ bom nổ gần Tòa Đại-sứ Mỹ (30-4-65). Bộ Nội-vụ cấp cho thông-hành mới, nhưng tai-nạn vừa xảy ra hôm trước, các nhân-viên ở Tòa Đại-sứ Mỹ có trách-nhiệm đóng dấu, chiếu khán v.v... không làm việc ngày ấy và giữa cảnh bẽ-bọn, chính tay Ông Lãnh-sự Hoa-Kỳ đã đánh máy, đóng dấu, làm tất cả thủ-tục để cho hai Ông khỏi trở việc lên đường.

— Ở Hoa-Kỳ, người ta không thấy có sự cách-biệt giữa thầy và trò, giữa kẻ trên và người dưới, giữa chủ và tớ... Đó là một cách nói, chứ ở Hoa-kỳ, không thể thuê người ở. Chỉ có những người làm giờ, giúp chúng ta trong việc quét dọn nhà cửa, lo việc bếp núc. Tài-xế lái xe riêng tới nhà chủ, để xe mình đó, lái xe cho chủ, rồi mãn giờ làm việc, lại lên xe mình, lái về nhà, là điều thường như ăn cơm bữa.

— Hoa-Kỳ là một quốc-gia tân-lập, một dân-tộc hợp-chúng, vì thế mà người Mỹ đối-xử với người ngoại-quốc rất tự-nhiên, ít có quan-niệm phân-biệt về nòi-giống, trừ vấn-đề màu da. Vấn-đề này rất phức-tạp, có đến tận nơi, ta mới thấy có làm yếu-tố tạo-thành, như nếp sống của người da đen, trình-độ học-vấn của họ v.v...

Nhận-xét sau cùng là vấn-đề tôn-giáo :

— Ở Hoa-Kỳ vấn-đề tự-do tôn-giáo được bảo-đảm hoàn-toàn. Không có sự phân-biệt giữa những người khác tín-ngưỡng. Có sự đoàn-kết chân-thành giữa các tôn-giáo, không như ở các nước chậm tiến. Ở Mỹ, ít thấy những thái-độ hiềm-khích và chống-báng nhau giữa những người khác tôn-giáo. Điều này giúp họ tiến-bộ và văn-minh mau lẹ.

Diễn-giả đã cảm-động biết bao khi được nhiều vị Viện-trưởng các Đại-học Thiên-Chúa-giáo tự lái xe tìm thăm diễn-giả, rước diễn-giả về diễn-thuyết Phát-giáo tại trường mình. Nếu ở nước ta mà được như thế thì đẹp-đẽ biết bao !

NGƯỜI HOA-KỲ ĐỐI VỚI DÂN-TỘC VÀ TÔN-GIÁO Ở VIỆT-NAM

Hiện giờ, ở Hoa-Kỳ, đang có phong-trào nghiên-cứu và tìm hiểu dân-tộc Việt-Nam. Hàng ngày báo-chí đề-cấp đến vấn-đề Việt-Nam rất nhiều. Có nhiều lớp dạy tiếng Việt, có nhiều người Mỹ nói và đọc được tiếng Việt, nhất là giới ngoại-giao và quân-nhân.

Các tầng-lớp dân-chúng, cũng như các giới học-sinh, sinh-viên, giáo-sư rất quan-tâm đến vấn-đề Việt-Nam. Có rất nhiều Viện Đại-học tổ-chức những cuộc hội-thảo về chính-sách của Hoa-Kỳ đang áp-dụng tại Việt-Nam, tán-thành cũng nhiều mà phản-đối cũng lắm. Tinh-thần tự-do và dân-chủ được biểu-lộ rõ-rệt trong các cuộc hội-thảo sôi-nổi này. Diễn-giả mong sao ở nước ta, ít nhất người dân cũng được tự-do phát-biểu ý-kiến của mình về chính-trị.

Nhưng báo-chí Hoa-Kỳ phóng-đại những mâu-thuẫn và chống-đối giữa Phật-giáo và Thiên-Chúa-giáo tại nước ta quá nhiều! Khiến Linh-mục Cao-văn-Luân và Ông có lần đã vui-vẻ bảo nhau: « Nếu chúng mình tin theo những điều mà báo-chí Hoa-Kỳ nói về hai tôn-giáo chúng ta, thì tới khách-sạn nào, chúng ta cũng phải xa nhau, chớ ở khít nhau như thế này, thì chúng mình phải đánh nhau đi mất! »

Chẳng biết ký-giả Hoa-Kỳ nhận-thức như thế là cố-ý hay vô-tình, nhưng Linh-mục Luân và Ông, trong bất cứ cuộc tiếp-xúc nào với người Mỹ, cả hai đều cho mình có bốn-phần đĩnh-chánh dư-luận tai-hại trên đây. Và cả hai cùng nhận: quả giữa những người lãnh-đạo hai tôn-giáo này, có những điểm bất-đồng ý-kiến, nhưng hiện-tình không quá thâm-thế như thế!

Một điều đáng chú-ý nữa là từ năm 1963, dân-chúng cũng như chính-giới Hoa-Kỳ đặc-biệt quan-tâm đến những hoạt-động của Phật-giáo Việt-Nam. Nhưng tiếc thay, lại có rất nhiều hiểu lầm về các hoạt-động của Phật-giáo Việt-Nam, bởi những nguồn tin xuyên-tạc hoặc do nhận-thức phiến-diện. Họ cho rằng: Phật-giáo Việt-Nam có tham-vọng chính-trị, khuyến-loạt chính-quyền, lấn-áp các tôn-giáo khác...

Diễn-giả kể lại, cuộc đối-thoại giữa một ký-giả Hoa-Kỳ và Ông:

— Xin Thượng-tọa cho biết quan-niệm của Thượng-tọa về chính-trị?

— Người Tu-sĩ Phật-giáo không được bàn-luận hoặc tham-gia một tổ-chức chính-trị nào.

— Thế sinh-viên Phật-tử xuống đường trong những ngày vừa qua có phải làm chính-trị không?

— Sinh-viên Phật-tử xuống đường, là để biểu-lộ ý-nguyện của mình, đó là một hành-động tự-vệ, chớ không phải làm chính-trị.

Vì thế mà trong các cuộc họp-báo ở Hoa-Kỳ, diễn-giả đã phủ-chính những sự hiểu lầm ấy, nhưng còn phải cố-gắng nhiều và thường-xuyên hơn nữa mới mong người Mỹ hiểu đúng nguyện-vọng và hành-động Phật-giáo Việt-Nam.

Và diễn-giả đưa ra đề-nghị này: Giáo-hội nên thành-lập Tòa Đại-diện Phật-giáo Việt-Nam tại Hoa-Kỳ và các nước bạn để liên-lạc và kịp thời đĩnh-chánh, những nguồn tin xuyên-tạc, hầu giữ tình thân-hữu với Phật-giáo-đồng và dân-chúng ở các nước bạn.

Rồi diễn-giả nói đến:

PHONG-TRÀO NGHIÊN-CỨU PHẬT-GIÁO Ở HOA-KỲ

Phong-trào này đang lên mạnh. Các học-giả triết-gia Hoa-Kỳ đang cố-gắng tìm hiểu văn-hóa Đông-phương, nhất là Phật-giáo ở Á-Đông. Ở lâm Tiểu-bang, đã có dựng chùa để thờ Phật, đã có những Trung-tâm để nghiên-cứu Phật-giáo như ở San Francisco, Los Angeles, Hawaii, Chicago... Có những người Hoa-Kỳ nghĩ rằng: Nếu họ có hiểu Phật-giáo thì họ mới có thể giúp một cách hữu-hiệu các dân-tộc Á-Đông.

Trong việc truyền-bá đạo Phật tại Hoa-Kỳ, các nhà truyền-giáo Nhật đóng một vai-trò quan-trọng, hầu hết các Đại-học danh-tiếng đều có các giáo-sư Nhật giảng-day về Phật-giáo. Ông không khỏi buồn mà thấy rằng: Phật-giáo Việt-Nam ta chưa đóng góp được gì, trong hiện-tại. Nhưng trong tương-lai thì chắc sẽ có phần; và Ông báo một tin vui: Ông được một Viện Đại-học Hoa-Kỳ mời dạy một năm.

Ở các Viện Đại-học lớn và danh-tiếng, đều có các trung-tâm chuyên dạy về Phật-giáo và văn-hóa Đông-phương, như Trung-tâm Nghiên-cứu Phật-giáo Thế-giới ở Đại-học Harvard, Trung-tâm Nghiên-cứu Lịch-sử Á-châu ở Đại-học Chicago, Trung-tâm Nghiên-cứu Văn-hóa Đông-Tây ở Đại-học Hawaii. Đặc-biệt nhất là Đại-học Wisconsin có dạy cả chương-trình của lớp Tiến-sĩ Phật-giáo nữa.

Có nhiều học-giả Hoa-Kỳ nghiên-cứu rất tường-tận về triết-học Phật-giáo. Các vị này đều là những giáo-sư Đại-học chuyên dạy về Phật-giáo. Ngoài các sinh-ngữ như Anh, Pháp, Đức, họ có thể đọc được những bộ kinh bằng chữ Sanskrit, Pali, Tây-Tạng, Mông-Cổ, Hán, Nhật v.v...

Sau một buổi thuyết-trình ở một Đại-học Hoa-Kỳ (1), có một sinh-viên lớp Tiến-sĩ hỏi Ông: « Trong chương-trình học Cổ-ngữ ở Viện Đại-học Vạn-Hạnh, sao chúng tôi chỉ thấy có một cổ-ngữ? » Diễn-giả đã nhanh miệng trả lời: « Đó là điều-kiện tối-thiểu trong chương-trình học ở lớp B.A. của trường chúng tôi ». Nhưng Ông nhắc-nhở cho sinh-viên Vạn-Hạnh thấy rằng: Sinh-viên Hoa-Kỳ phải học ba Cổ-ngữ để nghiên-cứu về Phật-giáo, mà sinh-viên ta chỉ học có một Cổ-ngữ, thì khó mà hơn người.



VIỆN ĐẠI-HỌC VẠN-HẠNH VỚI CÁC VIỆN ĐẠI-HỌC HOA-KỲ

Trong thời-gian công-đau, ngoài các việc vừa kể trên, Ông còn có nhiệm-vụ đặt liên-lạc giữa Viện Đại-học Vạn-Hạnh và các Viện Đại-học Hoa-Kỳ, yêu-cầu họ giúp về học-bổng, xin sách cho thư-viện, đề-nghị việc trao-đổi giáo-sư và sinh-viên nữa.

Vì thấy rằng: nhiệm-vụ cấp-tốc của Viện là đào-tạo giáo-sư, nên bất cứ tiếp-xúc với một Viện Đại-học nào, Ông cũng không quên xin học-bổng cho sinh-viên Vạn-Hạnh.

(1) Thuyết-trình tại Viện Đại-học Wisconsin về đề-tài « Buddhism in Vietnam, Past and Present », tức là bài « Phật-giáo Việt-giáo xưa và nay » trong quyển sách này. Bản thuyết-trình nguyên-văn bằng Anh-ngữ sẽ xuất-bản một ngày gần đây (lời nhà xuất-bản).

Được biết mục-đích của Đại-học Vạn-Hạnh vốn là đào-tạo các cấp lãnh-đạo cho Phật-giáo và quốc-gia sau này, dựa vào giáo lý của nhà Phật, nên các vị Viện-trưởng, Khoa-trưởng, Giáo-sư của các Đại-học mà Ông được tiếp-xúc rất lấy làm hoan-nghinh. Và khi họ biết: ở Viện Đại-học Vạn-Hạnh, ngoài các Phan-khoa, còn có một Trường Thanh-niên Phụng-sự Xã hội thì họ vừa ngạc-nhiên vừa thích-thú (ở Nhật cũng thế). Họ hứa sẽ gởi một số cán-bộ sang giúp trường mới-mở này.

Các Viện Đại-học mà Ông có dịp tiếp-xúc như Harvard, Wisconsin, Chicago, Columbia, California, Hawaii v.v... đều chấp-nhận giã-trị của Viện Đại-học Vạn-Hạnh.

Các Viện Đại-học nói trên đều hứa cấp học-bổng cho sinh-viên Đại-học Vạn-Hạnh, sau khi các sinh-viên này đã bằng Cử-nhân của Viện, cả Phật-học và Văn-khoa. Như học xong lớp B.A. (Cử-nhân) của Viện thì qua Hoa-Kỳ được vào lớp M.A. trở lên, chứ không phải học lại. Và chậm lắm là trong tháng 9 này Viện Đại-học Wisconsin sẽ cấp cho Viện Đại-học Vạn-Hạnh một học-bổng về lớp M.A. và Ph.D, các Viện Đại-học Harvard, Chicago, Hawaii v.v... cũng hứa như thế.

Di ảnh Cố Hòa.Thượng THÍCH THIÊN ÂN



Di ảnh của cố Hòa.Thượng Thích Thiên Ân

Trong mùa Thu tới đây, sẽ có vài vị giáo-sư từ các Viện Đại-học nói trên đến giảng-day tại Viện Đại-học Vạn-Hạnh.

Và để đưa ra một bằng chứng cụ-thể về sự giúp-đỡ thân-hữu của các Viện Đại-học Hoa-Kỳ; diễn-giã bưng lễ lên bàn ba kiện sách của Viện Đại học Chicago gửi bưu Thư-viện Đại-học Vạn-Hạnh.

Món quà chữ-nghĩa này làm thất-giã vui ra mặt, thì lại làm cho người sá-giả vẫn-hóa buồn ra mặt, vì Ông thấy người lại găm đến ta. Giá-trị của một Viện Đại-học gồm có: sự tận-tụy của giáo-sư, đức siêng-năng của sinh-viên, và số sách vở của thư-viện. Ở Hoa-Kỳ, Viện Đại-học nào cũng có một thư-viện chứa từ là năm triệu quyển sách. Nhìn lại thư-viện nhà, không khỏi đau lòng: nó mới nghèo-nàn làm sao! Nếu Ông xin hiến cho Thư-viện Đại-học Vạn-Hạnh tất cả sách thư-viện nhỏ của Ông.

Cử-chỉ hiến-dâng này được cử-tọa, nhất là anh chị em sinh-viên vỗ tay hoan-nginh một cách nồng-nhiệt.

Trên đường về nước, Ông có ghé Nhật-Bản.

VIỆN ĐẠI-HỌC VẠN-HẠNH VỚI QUỐC-HỘI VÀ CÁC VIỆN ĐẠI-HỌC Ở NHẬT

Diễn-giã đã được các Nghị-sĩ trong Quốc-hội Nhật mời đến dự lễ thành-lập Hội «Nhật-Việt Hiệp-Hội» do các Nghị-sĩ của đảng Tự-do Dân-chủ thành-lập.

Trong dịp này, Ông được mời lên diễn-đàn phát-biểu ý-kiến. Ông đã lợi-dụng cơ-hội để yấn-cầu các Nghị-sĩ Quốc-hội này tặng cho Viện Đại-học Vạn-Hạnh một Đại-tạng-kinh bằng chữ Tây-Tạng, như họ đã tặng cho một Viện Đại-học ở Đại-Hàn tháng trước. Tổng-hội Phật-giáo Nhật-Bản cũng hứa sẽ tặng cho Viện Đại-học Vạn-Hạnh nhiều học-bổng và một Đại-tạng-kinh bằng chữ Hán.

Các Viện Đại-học lớn và danh-tiếng như Viện Đại-học Tokyo, Waseda; các Viện Đại-học Phật-giáo như Viện Komazawa, Taisho, Bukkyo, Ryukoku v.v... cũng hứa giúp-đỡ và trao-đổi giáo-sư, sinh-viên với Viện Đại-học Vạn-Hạnh.

Đặc-biệt có một Viện Đại-học Thiên-Chúa-giáo ở Nhật, Viện I.C.U. (Quốc-tế Thiên-Chúa-giáo Đại-học) trong dịp diễn-giã được mời đến giảng-thuyết, cũng hứa cấp học-bổng cho sinh viên Vạn-Hạnh và thêm một việc giúp-đỡ rất thiết-thất, là sẽ gửi giáo-sư qua giúp lớp Nhật-ngữ và lớp Văn-học Nhật sẽ mở tại Phân-khoa Văn-học và Khoa-học Nhân-văn của Viện Đại-học Vạn-Hạnh trong mùa Thu này.

Thế thì ta có quyền tin-tưởng ở:

TƯƠNG-LAI CỦA VIỆN ĐẠI-HỌC VẠN-HẠNH

Vì những thành-tích và kết-quả trên, tuy chỉ mới là bước đầu, song với những chuyên công-du sắp tới đây của Thượng-tọa Thích Minh-Châu, Viện-trưởng Viện Đại-học Vạn-Hạnh, của Thượng-tọa Thích Nhất-Hạnh, Giám-đốc Trường Thanh-niên Phụng-sự Xã-hội, sự liên-lạc sẽ được thắt-chặt thêm với Hoa-Kỳ, Nhật-Bản, và sự tiếp-xúc với các nước khác, như Pháp, Anh, Đức, Ấn-Độ, Phi-Luật-Tân v.v... sẽ đưa Viện Đại-học Vạn-Hạnh đến một giá-trị Quốc-tế.

Diễn-giã hy-vọng rằng: Viện Đại-học Vạn-Hạnh sẽ có nhiều dịp trao-đổi và cộng-tác với các Viện Đại-học ở trong nước hầu đóng góp vào nền văn-hóa giáo-dục của Quốc-gia ở cấp-bậc Đại-học. Và nếu không có gì trở-ngại, diễn-giã xin đề-nghị: giữa Viện Đại-học Thiên-Chúa-giáo Đà-Lạt và Viện Đại-học Phật-giáo Vạn-Hạnh, sẽ trao-đổi giáo-sư và sinh-viên, hầu tình đoàn-kết giữa hai tôn-giáo — ít nhất là trên phương-diện văn-hóa và giáo-dục — được tốt-đẹp hơn.

Ông lại hy-vong cuộc công-du vừa qua của Ông cũng như những cuộc công-du sắp tới của các Thượng-tọa sau này, sẽ là nền-móng để cải-tiến chương-trình giáo-dục và nâng cao giá-trị của Viện Đại-học Vạn-Hạnh trên phương-diện quốc-tế cũng như quốc-nội.

Và viện đá đầu tiên của Viện Đại-học Vạn-Hạnh sẽ được đặt trong tuần sau đây (9-6-65) sẽ là viên đá của một Viện Đại-học có giá-trị quốc-tế và quốc-nội trong mục-đích đào-tạo con người cho thế-hệ mai sau. Viên đá ấy được xem như là kết-tinh của hàng bao nhiêu người có thiện-tâm thiện-chí đối với tiền-đồ của dân-tộc và đạo-giáo.

Tràng pháo tay hoan-nginh diễn-giả vừa dứt, thì Thượng-tọa Viện-trưởng Thích Minh-Châu có lời góp ý với người «Sứ-giả quốc-tế» đầu tiên của Viện Đại-học Vạn-Hạnh:

«Người ta giàu, nên hưởng bao nhiêu điều tiện-lợi.

«Chúng ta nghèo. Nhưng nghèo trong sạch, thì cái nghèo của ta cũng có giá-trị của nó.

«Nước ta nghèo và khổ, Phật-giáo Việt-Nam đã khổ và vẫn nghèo, Viện Đại-học Vạn-Hạnh hiện thiếu-thốn mọi bề, nhưng cũng chưa nghèo như trường Santiniketan của thi-hào Tagore, khởi đầu chỉ là một túp lều tranh, sau có tiếng vang cùng thế-giới và có một giá-trị quốc-tế. Vậy chúng ta không nên có tự-ti mặc-cảm, vì khởi đầu ta nghèo tiền. Chỉ ngại nếu ta nghèo tâm, nghèo chí. Giáo-sư ta giàu lòng tận-tâm giảng-day, sinh-viên ta giàu đức cố-gắng tìm-tòi học-hỏi, thì tương-lai của Đại-học Vạn-Hạnh sẽ vững-bền.

« Ông nhớ lại, lúc du-học ở Ấn-Độ có một nhà sư trẻ Tây-Tạng, lánh nạn Cộng-sản Trung-Hoa, được một người đàn-bà Pháp hàng-tâm hàng-sản đỡ đầu. Nhà sư này xin Bà giúp cho qua Pháp để học-hỏi thêm. Bà đồng ý, nhưng khuyên nhà sư này thư-thả, đợi bốn, năm năm sau hãy đi. Trong thời-gian này, hãy nghiên-cứu văn-hóa của dân-tộc Tây-Tạng cho đến nơi đến chốn. Vì Bà nhận thấy rằng: sau thế-chiến thứ hai, thường những người trẻ tuổi, thiếu kinh-nghiệm, qua du-học ở các nước văn-minh, không biết hấp-thụ cái hay của nền văn-minh ấy, mà chỉ hấp-thụ cái căn-bã. Vì vậy cần phải có nhiều căn-bản về nền văn-hóa xưa-sở trước khi xuất-dương để khỏi bị ảnh-hưởng tai-hại và thâu-thập được những gì hay đẹp của văn-minh nước ngoài.

Vậy sinh-viên ta cần biết và thấm-nhần cái cao cái đẹp của dân-tộc, để khi sang học ở những nước giàu, nếu cao phẩm-giá người Việt, chớ để cho người ta hiểu lầm dân-tộc mình. Và Ông mong giáo-sư và sinh-viên Vạn-Hạnh sẽ phát-huy cái sắc-thái đặc-biệt của dân-tộc ».

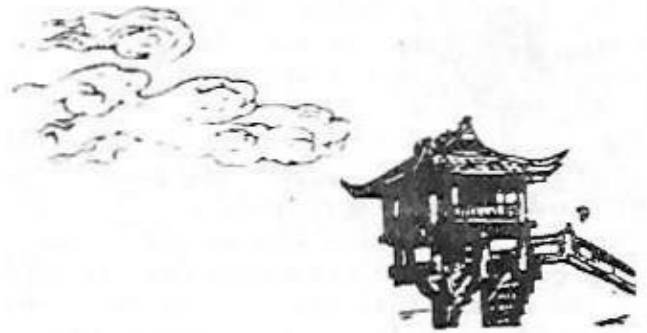
Bài này của nhà văn NGUYỄN-NGU.Í
viết dưới đầu đề:

«Chuyến công-du của Thượng-tọa
Thích Thiên-Ân tại Hoa-Kỳ và Nhật-Bản»
đăng trong BÁCH-KHOA số 203,
ngày 15-6-1965



Tài liệu lịch sử

Phật Giáo Việt Nam thời Pháp thuộc (1862-1954)



— Thượng Tọa Thích Hiền Chơn —
(tiếp theo)

9.- PHẬT HỌC ĐƯỜNG THỜI PHÁT TRIỂN NĂM (1935) ĐẾN SUY VI.

Đến năm 1935 chánh thức thành lập Phật-Học Đường Tây Thiên, lớp Đại học đầu tiên các Thầy như Đôn Hậu, Chánh Thông, Mật Thế Mật Nguyễn, Trí Thủ v.v... Trường này là của sơn môn Huế bên Tăng Già. Quý Thầy học Tăng trong Nam cũng ra Trung theo học trường này.

Nguyên nhân vì tháng 5 năm 1936 hai vị hội viên hội Lương Xuyên Phật Học là ông Nguyễn Văn Thọ (nay là Hòa Thượng Trưởng Lạc) và ông Nguyễn Văn Trọng ra Huế viếng thăm hội An Nam Phật Học và trường Phật Học Tây Thiên (Sơn Môn Huế). Hai vị này cùng thỉnh Hòa Thượng Phước Huệ về Nam nhưng bị bốn đạo và môn đồ Hòa Thượng chận chấp nhận...

Sau khi trở về hội Lương Xuyên (Trà Vinh) ông Nguyễn Văn Thọ khuyên Hội lựa học Tăng cho ra Huế học với Hòa Thượng Thập Thập. Lúc bấy giờ Phật học đường Lương Xuyên, tuyển lựa học tăng Thích Thiện Hòa (nay là Hòa Thượng Thiện Hòa viện chủ chùa Ân Quang) cùng đi với Hiền Thụy (môn đệ chùa Tuyên Linh đã tịch năm 1948) và tiếp theo đó ông Nguyễn Văn Thọ (Trưởng Lạc) hỗ trợ Thích Hiền Không cùng ra Huế học với Hòa Thượng Thập Thập trường Tây Thiên (của sơn môn Huế).

Sang năm 1937, Thầy Thiện Hoa, Chí Thiện, Bửu Ngọc và Chí Quang, Chánh Trung, được hội Lương Xuyên cũng cho ra học trường Tây Thiên. Cuối năm 1938 Hòa Thượng Thập Thập về Bình Định không dạy ở trường Tây Thiên nữa. Các Thầy học Tăng kể trên theo Hòa Thượng Thập Thập về Qui Nhơn ở trường

chùa Bạch Sa để học kinh. Qua cuối năm 1939 hội Lương Xuyên gọi các Thầy học Tăng kể trên về chỉ còn Thích Thiện Hoà ở lại và Chí Quang. Kể Thầy Thiện Hoa trở ra Qui Nhơn được bà thí chủ Dược khoa Thái Văn Hiệp giúp các Thầy một thời gian nữa rồi các Thầy đồng trở ra Huế. Thầy Thiện Hòa được hội An Nam Phật Học mời giữ chức Kiểm Khẩn cho trường Báo Quốc. Quý Thầy học Tăng đều nhận thầy trưởng Báo Quốc do ngài Đốc Giáo Trí Độ đảm trách giảng dạy rất tiên bộ (vì Thầy Trí Độ có đậu môn sư phạm dạy ở trường đời sau đó ngài xuất gia). Tư Nam Kỳ ra học trường Báo Quốc và Tây Thiên có các Thầy cả thầy hơn 20 vị, đi Huế trước 1 năm: Thiện Hòa, Hiền Thụy, Hiền Không; kế tiếp Thiện Hoa, Chí Thiện, Bửu Ngọc, Chánh Quang, Giác Tâm, Chí Quang, Thiện Trung, Thiện Lạc, Tư Thọ, Trí Tịnh, Bửu Đạt, Chánh Viên, Huyền-Vân, Quảng Luật, Thanh Tông, Huệ Phương, Chánh Đức, Thiện Lực, Đạt Vi, ... trước học trường Tây Thiên Sơn Môn Huế, chỉ 9 vị sau qua học trường Báo Quốc, còn lại có các Thầy học Tăng tư bắc kỳ vào học trường Báo Quốc, như Thầy Tâm An, Tâm Chính, Tâm Thông, Thanh Thụy.

Kể lại sau đệ nhất thế chiến, từ năm 1931 1933 mãi đến 1939 bị kinh tế khủng hoảng khắp thế giới chẳng riêng gì Việt Nam, nhưng các ngài tiên bối vẫn hồ hào cố võ chân hưng Phật Giáo tiến bước không ngừng mặc dầu bị tất cả trở lực. Tư Nam Kỳ nghĩ cứu Phật Học (1930) đến An Nam Phật Học (1932) Bắc kỳ Phật Giáo hội (1934). Ba kỳ đều lập Giáo Hội và Phật Học Trường, xuất bản báo chí v.v... Năm 1939 đệ nhị thế chiến bùng nổ (Trung Nhật và Pháp Đức khai chiến) mãi đến năm 1944 gần như tê liệt. Ở Nam kỳ Trụ Phật Học Lương Xuyên vì nạn kinh tế khủng hoảng phải đóng cửa từ năm 1938 đến 1939. May có bà thí chủ Dược khoa Thái Văn Hiệp (đệ tứ cụ Khánh Hòa) cúng dường ngân p h í

hàng năm cho Hội Lương Xuyên mở cứu trợ nuôi Tăng chúng ăn học. Vào ngày 10 tháng 4 năm 1940 tiếp đến năm 1945. Về Hội Phật Học chỉ duy trì yếu ớt tạp chí Duy Tâm Phật Học đến năm 1939 phải đình bản luôn. Ở Trung Kỳ 18 Tỉnh Hội Phật Học đóng góp về trung ương nguyệt liêm hàng tháng để duy trì hoạt động cho hội An Nam Phật Học, hội yếu dần. Báo Viên Âm sống ngoi ngóp qua ngày. Còn học đường Báo Quốc được, vì nhờ trưởng thâu học phí của mỗi Tăng sinh (hoặc nhờ hội hay thí chủ dài thọ học phí cho mỗi Tăng sinh để đóng vào nhà trường hằng tháng).

Kể đệ nhị thế chiến càng ngày càng găng thêm ở Âu Châu. Đức thôn tính nước Pháp. Năm 1940 ở Á Châu Nhật Bản đổ bộ lên khắp Đông Dương. Nhà cầm quyền thực dân Pháp kẻ như đầu hàng Nhật Bản. Đường xe hơi ở Hải Phòng Sài Gòn và sân bay Gia Lâm, Tân Sơn Nhứt, Nhật trọn quyền sử dụng. Thực dân Pháp thời này chớ ngày tàn thời. Nhưng chúng vẫn tinh nghi bắt bớ giam cầm dân ta và các nhà cách mạng yêu nước.

Còn tai hại khủng khiếp hơn nữa từ năm 44 đến năm 1945. Nhật Bản cầu kết thực dân Pháp không chớ gạo từ Nam ra Bắc Việt. Dân ta chết đói 2 triệu người phía Bắc Trung Việt (tứ quận Quảng Điền Thừa Thiên ra Bắc Việt) còn bom đạn dội từ Hải Phòng đến Sài Gòn do quân đồng minh Anh Mỹ anh kích Nhật Bản làm dân ta bị thảm hại quá nhiều. Miền Nam dân ta không vải mặc phải mặc bao bố v.v..

Bây giờ "Bắc Kỳ Phật Giáo Hội" cơ cực khốn cùng. Ở Trung Kỳ Phật Học Đường Báo Quốc vì bom đạn của Anh Mỹ (vì trưởng Báo Quốc gần nhà ga Huế). Đầu năm 1944 phải dời lên chùa Tường Vân (chùa của Ngài Tăng Thống Thích Tịnh Khiết). Cuối năm 1944, hội An Nam Phật Học thiết lập xong ở Đại Tòng Lâm tại chùa Kim Sơn (Xã Lưu Bảo quận Hương Trà tỉnh Thừa Thiên). Đầu tháng chạp 1944, trưởng Báo Quốc dời về đó, đến đầu năm 1945 Nhật đảo chánh Pháp. Trưởng này dời về Nam Kỳ do Thượng Toạ Thiện Hòa hướng dẫn.

(còn nữa)

Giác ngạn chiều thu

Trái mây thu rồi thệ ước mong
Ra đi ai vẫn hứa bên lòng
Trên bờ Giác Ngạn viên thông ấy
Có bóng chân hình hiện sắc không.

Nơi đây muôn phương nhan bên bờ
Tràng thơ trầm nhạc, lặng hồn thơ,
Ân cần viên tướng trong tâm tướng
Đợi đón thuyền nan rạng bên mờ...

An lặng trăng huyền soi ảnh thân
Ngàn năm Bát Nhã viếng vô cùng
Đập dìm thuyền lướt trên vô tận
Ảnh Đạo triền miên, sáng tỏ dần.

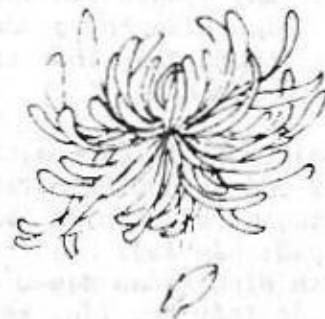
Sóng gió xây đời thành bão mưa
Ai đi! Bên Giác có trăng mùa
Đầy! Lòng kính cần khuyên người hãy
Bên chi, kiên tâm giải Đại Thừa.

Hôm nay liên tưởng những ngày mai
Thấp thoáng đâu đây bóng "dạ dài"
Đau đớn còn bao hồn khổ ái
Câu xin quy mạng của Như Lai.

Trung Thu dâng hội, vọng miên man
Bên Giác chừ đây giữa sông ngàn
Ai nói xa xăm, mơ viễn ảnh
Nhất tâm quy Phật, thoát u quan.

Chan chủa trăng, sao, sự trở về
Thuyền nan chớ Pháp, thoát nguồn mê
Thánh Tăng ghi nhớ ơn sâu nặng
Bên Giác chiều thu trọn nguyện thề.

— Thích Nữ Trí Tĩnh —



Ảnh hưởng Phật Giáo trong Thi ca Việt Nam



Bài của Phan Xuân Sanh
— Học - giả Nguyễn Doãn Can Lộc sưu lục —

(Tiếp theo kỳ trước)

**CÔ KIỀU, CON NGƯỜI ĐIỂN HÌNH CỦA NGHỆ THUẬT
VANG BÓNG MỘT LINH HỒN UỐN MÌNH THEO DÒNG
NGHIỆP QUẢ.**

Cái gì biến thành một cục máu, và cục máu đó lấy lụa thế làm sao biến thành nhan sắc thành nước mắt và niềm khổ đau vô tận? Xắn máu để thành người, một con người sống hệ lụy cùng bao nhiêu tan vỡ, và những tan vỡ ấy lại trở thành nếp sống đầy thanh sắc. Cả một đời ngang trái của cô Kiều trong Đoạn Trường Tân Thanh cho chúng ta chút hãi hùng kia:

"Một cung, gió tủi mưa sầu,

"Bốn giây rỏ máu năm đầu ngón tay.

Cô Kiều trong cuộc đời mưa gió mười lăm năm là con người điển hình của nghệ thuật cũng là vang bóng một linh hồn uốn mình theo dòng nghiệp quả:

"Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,

"Đặt mình, mình lại, thương mình xót xa.

Sau giai đoạn say sưa trong một đêm lãnh lốc và lấy lợi, khi cô Kiều tỉnh dậy, ý thức cảnh đời chưa chát để "Đặt mình, mình lại thương mình... xót xa" cũng là lúc nàng nghe rõ nghiệp báo chuyển mình trong dòng tâm thức của nàng:

"Đã đành túc trái tiền oan,

"Cũng liêu, ngọc nát hoa tàn mà chi.

Hình ảnh của một cuộc đời chìm nổi, xoay vần trong mười lăm năm, chỗ duy nhất giữa bao nhiêu biến chuyển này của đời Kiều là một dòng sông chặt chẽ bắt vít nhau mà tác động quá khứ có tương quan đến hiện tại, và hiện tại có âm hưởng trong tương lai:

*"Ri' rãng: nhân quả dỏ dang,
"Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao.*

Kinh nhân quả Phật Giáo có câu: "Dục tri tiên thế nhân, kim sanh thụ giả thí; dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thí" - (Muốn biết nhân ở kiếp trước, phải xem sự hưởng thọ ở đời hiện tại; muốn biết cái quả kết thành ở kiếp sau, phải xem hành động ở kiếp này).

Cuộc đời cô Kiều chỉ là sự thể hiện của dòng tâm thức chuyển theo luật tương quan nhân quả mà đạo Phật gọi là NGHIỆP:

"Đã mang lầy nghiệp vào thân

"Cũng đứng trách lằn trời gân trời xa.

Phân tích thân phận cô Kiều, chúng ta nhận thấy rằng cái cảm giác đau tiên khi nàng bước ra đời và bắt đầu hiểu đời là nghiệp cảm, là một cảm giác sống của tự thân nối liền với dĩ vãng và có hệ lụy trong tương lai. Cái hôm Kiều cùng hai em du Xuân trở về trong buổi chiều tà và đứng lại bên mộ Đạm Tiên, hôm ấy trời lên một tiếng ngân của tâm hồn và đánh dấu chỗ xê dịch của kiếp sống:

"Nỗi niềm tưởng đến mà đau,

"Thấy người năm đó biết sau thế nào?

Từ đây hình ảnh của một kiếp đời gió mưa bắt đầu rõ:

"Xu' đành quả kiếp nhân duyên,

"Cũng người một hội, một thuyền đầu xa".

Sau mùa xuân có én lượn, có mặt trời, có xanh và hoa lê nở, đôi Kiều đã bắt đầu đến tối, luôn luôn có một cái gì vẫn vướn lòng mãi âu lo, xao xuyến, tâm hồn không hề có một phút yên tĩnh.

Hãy nghe tiếng đàn của Kiều trong giây phút lẽ ra phải vui nhất, giây phút được yêu và người yêu đã trở về với nàng rất trọn vẹn:

...Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa
Ngon đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó cũng ngơ ngẩn sâu.
...Rằng hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào.

Vừa rồi chúng ta nhận định rằng: cô Kiều là con người điển hình của nghệ thuật, điều đó không có gì khó hiểu, ngay trong tiếng đàn của Kiều đã xao xuyến linh hồn của người nghệ sĩ dày vò giữa bao lằn khổ đau, mưa gió...
Từ tiếng đàn hiển Kim Trọng:

Rằng: hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào.
Rằng quen mặt nết đi rồi
Tê vui thôi cũng tính trời biết sao!

Qua tiếng đàn não ruột gây cho Thúc Sinh nghe trước mặt Hoạn Thư:

Bồn dầy như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng!
Cũng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nhĩ, người trong khóc thâm.

Đến tiếng đàn đối diện Hồ Tôn Hiến:

Một cung gió túi mưa sâu
Bồn dầy gió máu nằm đầu ngón tay.

Tiếng đàn có dính máu cũng chính là phần ảnh tâm hồn tan nát của người nghệ sĩ. Dòng nhạc ấy cũng là dòng đối; có thể Kiều đã kết luận sau bản đàn buộc phải đàn cho Hồ Tôn Hiến nghe.

Cung cầm tựa những ngày xưa,
Mà giường bạc mệnh bây giờ là đây.
Ngõ trần gian mở ra để đón khách má hồng

đang lẫn lộn với kiếp điều linh dưới mắt người kỳ nữ là những con đường lầy lội, cũng như giòng sông đời với họ là giòng nước mắt. Cô Kiều trong lúc nhìn sông Tiền Đường cũng đã sống nhiều tâm trạng của người kỳ nữ; nhưng trần gian đầy lầy lội đời với cô vẫn chưa tan vỡ hoàn toàn, vẫn chưa hoàn toàn tuyệt vọng, vì trên những đoạn đường nàng đi còn sót lại một ít niềm thương và đời ba hình ảnh gắn bó:

Đánh tranh chum nóc thảo đường,
Một gian nước biếc, mây vàng chia đôi.

An ủi được cô Kiều, đã sẵn có môi trường Phật Giáo.

Đạo Phật đón cô Kiều, không phải là cứu chữa từ thiện, cứu chữa một kẻ giàu sang quyền quý, thương hại kẻ nghèo nàn, cô thế. Đạo Phật đón cô Kiều chỉ có nghĩa là cô Kiều cần phải có cái nhìn Phật Giáo để nhìn rõ mình, để tự giải quyết đời mình trong bao nhiêu hy vọng có thể đập vỡ mọi bế tắc:

"Oan kia theo mãi với tình,
"Một mình mình biết, một mình mình hay.

Đã bao lần, chúng tôi nhận mạnh Kiều là ảnh hình của nghiệp, của một dòng đời duy nhất dính liền với dĩ vãng và có âm hưởng đến tương lai dựa trên luật nhân quả. Theo thuyết nghiệp báo, con người sẽ trả đúng những gì đã vay. Con người rui m a y không do một sức mạnh nào gieo phúc tác họa, mà chính do những hành động của mình cô Kiều cũng đã sống qua định lệ ấy:

"Chỉ sao phân mỏng đức dày
"Kiếp xưa đã vậy, lòng này để ai!
... "Khi nên trời cũng chiều người
"Nhẹ nhàng nợ trước đền bồi duyên sau.

Tâm ảnh hưởng Phật Giáo trong Kiều, chúng tôi không chấp nệ gọt mài trên những danh từ Phật Giáo pha trộn cùng quan điểm Lão Trang và đạo Khổng. Cái ảnh hưởng lớn nhất của Phật Giáo nơi đây chính ở chỗ thể nhập với linh hồn, thể phách với nhân vật trong truyện. Trên hơn ba ngàn câu thơ trong Đoạn Trường Tân Thanh, chỗ nào có bóng dáng có lắng đọng tâm tư đối Kiều, chỗ đó có ẩn hiện một tình thần Phật Giáo. Vì cô Kiều là ảnh hình của nghiệp cảm chuyên mình và lối mạnh. Vì chuyện Kiều là câu chuyện nghiệp cảm của một cuộc đời thăng trầm

có tương quan mật thiết với mọi đ ộ n g
tinh của thể chất và tâm linh:

*"Thiên căn ở tại lòng ta,
"Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài".*

Đạo Phật có câu: "nhất thể duy tâm tạo"
(muôn sự ở đời do tâm biến hiện). Từ giả
hình ảnh đầy khổ đau nhưng không kém về
tân kỳ để đón nhận một hình ảnh k h á c
trong sáng, êm ả và bình dị hơn...

Từ cô Kiều với những cung đàn rướm máu,
đến cô Kiều với cung đàn siêu thoát trng
âm thanh dịu dạt và êm ả:

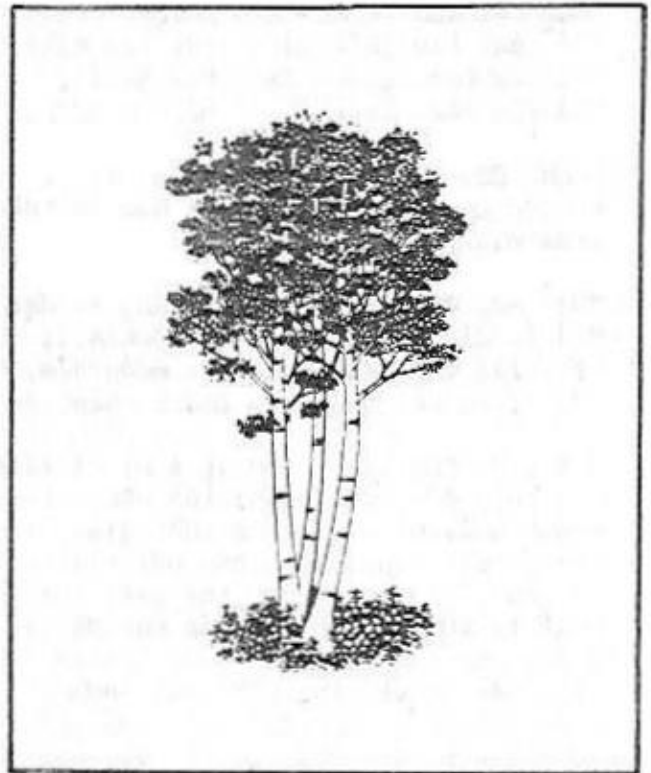
*"Phiêm đàn dịu dạt tay tiên,
"Khỏi trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa*

Nào khúc "đâm âm dương hòa", nào khúc " êm
ái xuân tình". Thật chúng ta không khỏi
phân vân trong khi đón mừng cái yên vui
của cô Kiều hôm nay mà vẫn còn l u y ến
tiếc cuộc đời xót xa, cay đắng của nàng
ngày trước; thêm một lần nữa vẫn đề nghệ
thuật và tôn giáo đặt ra ở đây; đứng về
phương diện nghệ thuật, có bao nhiêu ng
người đã chủ trương thả chọn cho Kiều
một nấm mồ để thiên thu đó nước mắt bên
mồ, mà khúc Kiều còn hơn để Kiều n h ậ n
sống những ngày thừa êm ả; đối với t ố n
giáo, người ta lại đón Kiều với một tâm
trạng bình yên hơn; người ta đặt Kiều trng
một cuộc đời, một viên tượng sống bao la
đi qua hình thức đời nhỏ bé của m ộ t
trăm năm; ở đây, Kiều cần sống thêm n ă m
mười năm hoặc chết đi, vẫn đề sống v ẫ n
không thay đổi, vì theo Phật Giáo, Kiều
không bao giờ chết mà chỉ có sự đời thay
của cuộc đời, sự chuyển dịch của tâm thức
chuyển qua bao nhiêu thể xác mới:

*"Hồn ai xác mới nghe thoi thóp,
"Vang bóng hải xiêm thoáng nhớ da.*

**ẢNH HƯỞNG PHẬT GIÁO TRONG THI CA VIỆT
NAM HIỆN ĐẠI.**

Vũ Hoàng Chương nhà thơ Việt giữa t h ế
kỷ 20 cũng đã nói nhiều mối tình c ù a
con người sống động qua không gian v à
thời gian. Nếu họ Vũ với giọng thơ nông
nàn, cổ kính đã thi vị hóa quan n i ệ m
luân hồi trong Phật Giáo, thì Hàn Mặc Tử



sau những ngày chạy vạy với số đọa đầy
ở trần gian cũng biến thể và xê dịch đến
cho gần cõi Cực Lạc, giải thoát của Đức
A Di Đà trong Phật Giáo.

HÀN MẶC TỬ

Phải nhận lấy bao nhiêu lần cay cực giữa
cõi trần, nỗi buồn của Hàn Mặc Tử không
như nỗi sầu dài qua vạn kỷ của Huy Cận;
cũng khác xa cái "không gian xám đ ờ ng s ắ p
tan thành l ệ "con người kỹ nữ; buồn của
Hàn Mặc Tử đã nghẹn ngào và ngưng đọng
thành cay đắng, đã bao lần sôi lên n h ứ
có dính lửa địa ngục. Quả thế, trần gian
đã bao lần chuyển rung và nứt rạn, hiện
ra những hình ảnh chưa một lần xuất hiện
ở thế giới này:

*"Lửa trời ai dệt với ai căng,
"Ai thả chim bay đến quảng hằng,
"Và ai gánh máu đi trên tuyết,
"Mảnh áo da của ngấm nó nang.*

Chúng ta nói rằng quả đất đã nứt rạn? -
Vâng, nó nứt ở xứ đông chua, nước mặn ; ở
đất Phan Thiết nơi lâu ông Hoàng:
Đề từ đó nhìn về khung trời Đạo Ly, Đầu
Suất, những cõi Phật xa xăm:

"Nhớ khi xưa ta là chim phượng hoàng,
"Vô cánh bay chần từng trời cao ngất...
"Bay từ Đạo Ly, đến trời Đâu Suất,
"Và lùa theo không biết mấy là hướng.

Nhưng đây là con phượng hoàng si, vì nghiệp chướng, nên lại phải bao lần thăng trầm điểu đứng nói tục lụy:

"Múa may thay cho phượng hoàng si đại
"Là ta đây đang ở kiếp muôn chim...
"Trở lại trời tu luyện với muôn đêm,
"Hớp tinh khí muôn năm thành chánh quả"

Thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà là một nơi chim cùng với người tập nập trong chánh quả. Không gian và thời gian tính trong Phật Giáo rất giống với thời gian và không gian tính của thế giới thì văn nhất là khung cảnh thơ của Hàn Mặc Tử; ở đây hồn thơ lung linh, dạt dào và mệnh mông, rất xa với thế giới tâm thường, ngăn chận của cuộc đời ngắn ngủi, bỏ lại tư khi sinh cho đến khi tử giữa cuộc đời "Ngã nghiêng đời cao bọc trăng ngủ,
"Đầy mình lôm đôm những hào quang"

"Lời nguyện gấm xanh như màu huyền diệu
"Nào nề lòng viễn khách giữa lúc mơ.
"Trời Từ Bi cảm động ứa sương mơ,
"Sai gió lại lay hồn trong kẻ lữ."

Thế giới của Phật A Di Đà là thế giới của mười phương, của hòa quang vô lượng, và đức Từ Bi vô cùng, kinh A Di Đà có lời nguyện này:

"Nam mô An Dưỡng Quốc, Cực Lạc giới, Di Đà Hải Hội, vô lượng quang như Lai" (xin nương về cõi an lành của thế giới Cực Lạc Đức A Di Đà Như Lai có vô lượng hào quang).

Hàn Mặc Tử viết bài tựa cho tập thơ xuân như ý có hỏi: "Lòng vô lượng đây không phải phép tắc màu nhiệm của đấng vô thủy vô chung?" Rồi người trả lời vào một đoạn sau: "Và xuân là phong vị thái hòa của năm muôn năm, trời muôn trời, chân 1 ứ u trên thượng tầng không khí, bằng bạc cả thế giới hà sa, chen lấn vô tận hồn tạo vật..." Hàn Mặc Tử mặc nhiên xác nhận tính chất vô thủy vô chung của tâm hồn biến trong không gian, và thời gian, mặc nhiên xác nhận tính chất rộng mở của nền thơ huyền diệu có mọc lên đạo Từ Bi

"Thơ tôi thơm huyền diệu,
"Mọc lên đạo Từ Bi".

Trong một bài khác, nhan đề "Điểm Lạ" thi sĩ tiếp:

"Đức tin thơm hơn ngọc,
"Thơ bay rồi thơ bay...
"Mau gỡ giai âm lại,
"Sốt bớt nghĩa đường say.

Đức tin ấy từ thế giới mười phương vọng về:

"Có tin thôn xa đến,
"Có điểm lạ đêm nay:
"Đông cửa mười phương lại,
"Đón ánh sáng vào đây.

Đức tin ấy được lời chim cao hơn tiếng nhạc:

"Ngoài không gian rất mát,
"Chim thanh tước ra đời...
"Nêu cao hơn tiếng nhạc
"Múa hát sẽ xanh tuổi".

Chim thanh tước, thế giới mười phương!

Một thời người ta cãi nhau rất nhiều về câu hỏi quả đất tròn hay vuông; người ta cũng từng nói đến chim cò, chim vạc, chim bồ câu, ít ai nhắc lại chim thanh tước.

Chim thanh tước, thế giới mười phương, ấy là hình ảnh tượng trưng của cõi đời thênh thang và giải thoát, của thời gian vô tận và không gian mệnh mông đã được trình bày một cách hết sức kiêu diễm và phong phú trong kinh A Di Đà. Hàn Mặc Tử từ niềm tin thơ đi rộng ra đã bắt gặp niềm tin Đạo; qua những dòng thơ lung linh, huyền nhiệm của Hàn Mặc Tử chúng ta có nhiều dịp thấy ẩn hiện một dòng linh hồn nổi từ lòng người đến trăng sao, từ Hàn Mặc Tử đến ba nghìn thế giới; một dòng linh hồn ẩn náu trong những cụm sen cổ kính mọc lên giữa dòng sông bằng ngọc, giữa suối hồ thất bảo:

"Bút Xuân thu mùa nhạc đến vừa khi,
"Khắp mười phương điểm lạ trở hoài nghi,
"Cây bằng gấm và lòng sông bằng ngọc";
Ở một đoạn khác:

"Ta ưa nhìn Bắc Đẩu rạng bình minh,
"Chiêu cùng khắp ba nghìn thế giới".
Lòng tin này, cảm tình cao xa và hồn hậu, trong suốt đêm câu nguyện trăng khuya gian đã nhiều bằng muôn học tử bi, và:

"Nở một lượt giàu sang hơn Thượng đế".
Lòng tin ấy ngoài thế gian và ngoài
nghĩ:

"Xuất thế gian chưa có tại trong lòng,
Muôn ý tứ say chìm nơi bất giác".

Chú thích hai câu thơ "Bất Giác", Hàn Mặc Tử viết: "Phật Giáo chia thế giới ra làm hai cõi - Thế gian và xuất thế gian - tức là thế giới hữu tình và thế giới vô tình, đây sánh xuất thế gian với cõi thanh tịnh của lòng".

Sau khi nêu lên một ít hình thức và tinh thần Phật Giáo ảnh hiện trong thơ Hàn Mặc Tử, để đặt vấn đề ảnh hưởng, chúng tôi tương cần phải xác định lại Hàn Mặc Tử có hẳn là một nhà thơ của tôn giáo không. Nghĩa là Hàn Mặc Tử có phải là một tín đồ điển hình cốt dùng thơ để phụng sự cho đạo mình, hay ông chỉ là một nhà thơ, trg khi ôm một lý tưởng thơ đi tìm cảm hứng đã gặp đạo và tìm được trong đạo nhiều đề tài, nhiều thanh sắc, tư tưởng để làm giàu cho thơ mình?

Theo thiên ý, Hàn Mặc Tử là một thi sĩ có nhiều lý tưởng thơ, và lý tưởng thơ này đã bao trùm cả niềm tin của ông về Tôn Giáo. Ngay trong những bài thơ ca ngợi đức tin ca ngợi những hình ảnh thiêng liêng, - Thánh Nữ Đồng Trinh, - Chúa Hải Đồng v.v.. như ở các bài "Ave Maria", "Đêm xuân câu nguyện", "Ra đời"... , Tôn Giáo và các hình ảnh tùy thuộc đã được thi vị hoá và mất dần tính cách trang nghiêm, tuyệt đối của tín điều, kinh điển:

"Bút tôi reo như châu ngọc đến vua;
"Trĩ tôi hớp bao nhiêu là khế vị...
"Và trong miệng ngâm câu ca huyền bí,
"Và trong tay nắm một nắm hào quang...
"Tàu lạy Bà, Bà rất nhiều phép lạ,
"Ngọc như ý vô tri còn biết cả,
Huống chi tôi là thánh thể kết tinh
"Tôi ủa nhìn Bắc Đẩu rạng bình minh,
"Chiều cùng khắp ba ngàn thế giới"
(Ave Maria)

Cái thói ngang tàng, bựa bải xưa nay vẫn là thói chung của các nhà thơ. Hàn Mặc Tử quý trước thánh Maria, chúng ta có cảm tưởng như ông đã quý trước nàng thơ, và hình ảnh nàng thơ với hình ảnh Ave Maria đôi khi chỉ là một, rồi thi sĩ nghiêm nghị nhiên biến thành vai trò "Giáo chủ" giữa một lúc câu nguyện trong đêm xuân:

Ta chấp tay lạy quý hoan hảo,

Ngửa trông cao, câu nguyện trăng không -
gian,
Đề vừa dâng, vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế".

Nghĩ đến một cái gì "Giàu sang hơn Thượng Đế" hẳn thi sĩ Hàn Mặc Tử đã muốn bước qua biên giới của tín ngưỡng mình.

Một lẽ khác chúng tôi rằng Hàn Mặc Tử phải là một nhà thơ của Tôn Giáo, cốt dùng thơ để phụng sự cho đạo mình, là vì những bài thơ có tinh thần Tôn Giáo rất ít so với phần sáng tác đời dảo của Hàn Mặc Tử nào "Thơ Đường Luật", "Gái quê", "Thơ diên" (Hương thơm, mặt trăng, Máu cuống, và Hồn Diên), "Thượng thanh khí", "Cầm châu duyên" đều là những thi phẩm không dính gì Tôn Giáo mà Hàn Mặc Tử đã gói gắm chính cuộc đời diên cuống và đau khổ của mình.

Khi nhận rằng đối với Hàn Mặc Tử, lý tưởng chính chỉ có thơ, và Tôn giáo là những yếu tố phụ để làm giàu cho thơ, thì chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy trong những bài thơ có tinh thần Thiên Chúa nhất của Hàn Mặc Tử như các bài "Ave Maria", "Đêm xuân câu nguyện" v.v.. đã len lỏi rất nhiều hình thức và tâm hồn Phật Giáo mà chúng ta có dịp biết đến trong các đoạn trên.

Phật Giáo ảnh hưởng đến thơ Hàn Mặc Tử, ngoài phần ảnh hưởng về ngôn từ, trong hình thức câu thơ, còn có phần cảm giác mẫu nhiệm có thể xem như những ảnh hưởng của tâm hồn thoáng đượm tinh thần Đạo Phật khi nhà thơ quên thực tại chưa cay, biến thế và hòa mình vào "Bất Giác", và cõi trời Đạo Lý, Đâu Suất, mơ về những cảnh sắc lung linh, kiêu diễm nơi chốn gì á i thoát của đức A Di Đà. Đạo Phật đến với nhà thơ Hàn Mặc Tử, và gây nên ít nhiều ảnh hưởng còn cho chúng ta có cái cảm tưởng này: tinh thần Phật Giáo thấm qua cuộc đời thi sĩ như sự tràn chiếm tiềm tàng của một niềm yêu nỗi tử nhà thơ đến người thiếu nữ hiền lành, đến Thượng Thướng đến những cô gái đồng hương, hay bất cứ ai dù là một ni cô, trong đám giai nhân từ xa xôi gửi lại:

"Mới lớn lên trăng đã thẹn thơ,
Thơm nhà tình ái của ni cô:
Giò say lướt miết trong màu áo
Hoa với tôi đều cảm động số".

Những cảm tình đôn sơ, thanh đạm đứ b m một hướng vị Phật Giáo này của Hàn Mặc Tử phải chăng là những tình cảm thức nhất? - Thực vì đôn sơ, thanh đạm; thực vì là tiếng vọng của tâm tứ, là âm hưởng c ú a một linh hồn đang xê dịch bên cánh của Tứ Bì của Đạo Phật?...

Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương, hai nhà t h ó mà chúng ta vừa nêu lên trong số những nhà thơ hiện đại chịu ảnh hưởng Đạo Phật nếu Hàn Mặc Tử sau khi mang hôn thợ phg phú từ cõi này sang cõi khác, tứ chỗ loạn động này sang chỗ loạn động kia đã cho vọng về một tâm hồn thoáng dướm t i n h- thân Phật Giáo, thì Vũ Hoàng Chương đã từ tiếng vọng tâm hồn đó để xây dựng những bài thơ kiểu diêm.

Vũ Hoàng Chương

Thơ Vũ Hoàng Chương bao giờ cũng x a o xuyên một tâm hồn vọng tứ thiên cở. Một bài thơ mở ra như thoáng hiện một hình ảnh bước tứ cửa âm ty tiên về đứng thế; hình ảnh đó chấp chớn, không rõ, có thể là một bóng ma, hay một con người huyền ảo hiện về trong giấc mơ.

"Ai lạ nghìn thu xa tâm cõi,
 "Sen vàng như động phía châu liêm
 "Nao nao khỏi biết hải thương nữ;
 "Trở gối hoa lê rụng trắng thêm".



Thơ Vũ Hoàng Chương dù nói chuyện hình ma bóng quỷ, dù chỉ ghi lại một dấu hải, một thoáng hướng xưa, nhưng luôn l u ộ n được xây dựng trên một căn bản tư tưởng vững chắc, tư tưởng này là lý thuyết tiên duyên, nghiệp báo, lý thuyết luân hồi trg Đạo Phật; các lý thuyết này như chúng ta đã có lần nhắc sơ qua vào đoạn trên được thi vị hóa bằng những hình ảnh tượng trưng. Nếu ở Đoạn Trưởng Tân Thanh c á i quá khứ của đời Kiều được giải nghĩa bằng hình ảnh của Đạm Tiên, thì trong thi phẩm của Vũ Hoàng Chương một dáng người như Đạm Tiên từ quá khứ hiện về không ngót, chúng tôi muốn nói rằng chung một, dòng tâm thức truyền qua bao nhiêu thế xác; hình ảnh của người đàn bà, của người giai nhân đã chiếm một phần quan trọng:

"Mùa nhớ thương sang mộng nở nà.
 "Tình anh nhiều kiếp thoáng dư ba.
 "Hôn ai xác mới nghe thoi thóp
 "Vang bóng hải xiêm chuyện thổ da".

Lê thường xưa nay, nơi nào hình ảnh người đàn bà rõ nhất và đẹp nhất, nơi đó tình yêu thương xao xuyên và sinh ra thiên hình vạn trạng. Cái tiềm thức yêu đứng của Vũ Hoàng Chương là vang bóng của bao nhiêu mối tình ngưng đọng lại. Khi thi hình ảnh của Hồ Ly Tinh trong "Liều trai chí dị", khi thi hình ảnh của Thời oanh trong "Tây sương ký". Mỗi một bóng dáng của một đàn bà về với thi nhân trg giấc mơ thì chỉ là tượng trưng của một kiếp trước sự búng tình của tiên nhận chấp chớn nối với cuộc đời hiện tại của người thơ:

"Qua rồi thuở ấy tình sâu nặng:
 "Trăng mới cuống si nư bán khai
 "Ta nhớ tiên thân phòng lại ngó
 "Giấc hồ thơm tóc gái liễu trai".

hoặc:
 "Lời nói như làn hương thoảng đưa,
 "Sáng trăng gợn gợn chút âm thừa:
 "Liều trai nghĩ hoặc người trong truyện
 Hay đó tình duyên một kiếp xưa".

Nguyễn Du bàn đến một mối tình c h ú a thoả nguyện, cho rằng mối tình này khó lòng tan vỡ ở bên kia thế giới:

"Nợ tình chưa trả cho ai,
 "Khôi tình mang xuống tuyền đài chưa tan.

Từ Trường Chi đến Kiều qua Vũ Hoàng Chương Giải nghĩa thì thỏa những thiên tình sử, những mối tình sâu nặng ấy, mà riêng một quãng đời ngắn ngủi, bảy tám mười năm khổ trùm chúa nổi, họa chẳng chỉ có quan niệm nhân sinh trong Phật Giáo như chúng tôi đã nhắc lại nhiều lần, chủ trương một cuộc sống trần đây vô tận, mà đi vắng, hiện tại và tương lai rất có ảnh hưởng mật thiết với nhau.

Các ảnh hưởng chuyển theo những hành động của con người chuyển đi từ giai đoạn sống này sang giai đoạn sống khác, gọi là luân hồi dựa trên luật nhân quả nghiệp báo. Cái mà Vũ Hoàng Chương gọi là tiên thân, kiếp trước, có khi hiện hình trong một chiếc hài, một làn hương rơi, một tiếng hát lời ca, một âm thanh thưa, đó chẳng qua là sự biến dạng của nghiệp yêu đương, là tâm tư của khách đa tình biến trong hành động:

"Neo ngắt chiêm bao; nhịp rung đều;
"Tâm tư ngỡ chạm bước hài thêu
"Tiên thân nua gối vườn mả là
"Vết cũ phong sâu đậm nhạc rêu.

Hoặc:

"Phách rung song song nhạc xuống chìm
"Tiếng ca bùng nổi giữa chùng đêm
"Canh khuya dĩa khách, lối gieo ngọc
"Mơ gái Tâm Dương thoáng áo xiêm

Đã sống với tình phải nhận sống một ít cuộc đời hoang phí; đời với những người thiếu nữ mà cuộc đời có liên quan ít nhiều với Đạo Phật, hiện lạnh như Trần Kiều Liên, rộn ràng như người cung nữ chớ nói làm chi, đến sâu sắc như Kiều đáng gọi là hoang phí vẫn không hơn năng thì ôi Danh Danh vừa đẹp, vừa thơ, vừa mực thước, dài sanq đã cùng với Quán-Thụy hoàn thành bản nhạc luân hồi của tình ái dưới một đêm trăng bên ngòai chùa:

"Gót sen chùa cô đêm trăng ấy,
"Vọng thâu luân hồi nhạc móng manh".

Cái đêm hợp cần ngoài vòng lẽ lối, cái đêm âm dương giao loạn này là tất cả triết lý của một cuộc đời, muốn hay không cũng phải nhận để có thể phải thai một đoạn đời mới; và cuộc giao loạn này nhất định sẽ vang động mãi mãi trong tương lai. Sự thật lý thuyết luân hồi, nghiệp báo có thể ảnh hưởng được khách đa tình, được Vũ Hoàng Chương một cách mạnh mẽ và rất tự nhiên,

vì chính nó với con người chỉ là một, nó là hình ảnh sống của chính người đó, là hiện hình từng tâm thức cá nhân; cho nên lý thuyết luân hồi này cũng chỉ là một trong những định luật nhân sinh của Đạo Phật.

Chung quanh các định luật về nhân sinh này bao giờ cũng châu tuần những niềm thương chạnh nhớ; những niềm thương này là chỗ thể hiện lòng vị tha Phật Giáo tác động tùy thời, tùy cơ, tùy tâm lý; khác một ví anh hùng, tế một sinh linh, bố thí cho một kẻ nghèo nàn v.v.. tuy các việc làm trên hình thức có khác, nhưng đều do ý niệm vị tha mà ra cả.

Đôi bài thơ đượm tinh thần Phật Giáo xuất hiện lác đác trên thi đàn Việt Nam như những hạt sương lạnh lạnh mát dịu trong khoảng sáu, bảy thế kỷ gần đây có thể giúp chúng ta ý niệm sơ qua phong thái hùng hậu, tươi lành của đời sống vị tha kia.

Vào khoảng thế kỷ 13, 14 tụng chí khí vị anh hùng Nguyễn Biểu, nhà sư chùa Yên Quốc có những câu kệ như sau:

"Vàng đúc lòng son một tâm,
"Sắt rèn tiết cứng mười phân.
"Trần kiếp vì đâu oan khổ;
"Phương hôn đến nỗi trầm luân,
"Tê độ dạn nhờ Tư phiệt;
"Chân linh ngộ được phúc thân.

Giọng thơ gọi người quá cố không kém phần danh thép, lâm liệt này, chúng ta còn thấy lại trong lời than ở bài văn tế ở vua Trưng Quang xuất hiện cùng thời đại:

"Sinh sinh, hóa hóa, cơ huyền tạo mở mở.
"Sắc sắc, không không, bụi hồng trần phỏ phối
"Bất công thù thiên địa chứng cho;
"Vô cùng hận, quý thân thể với".

Đến thế kỷ thứ 19, thế thập loại chúng sinh Nguyễn Du viết:

"Tiết đậu thu rụng dần giải thoát:
"Nước tịnh dần rưới hạt dulong chi,
"Muôn nhớ Phật lúc Từ Bi
"Giải oan cứu khổ hôn về Tây Phương".

và cùng một giọng thơ rầm thảng bảy đây tình thương cảm, Anh Thơ hạ bốn câu thật ào ào:

"Ngồi dẽ rộng bõ dài nghiêng đồ' cháo.
"Lẽ chúng sinh từng bợn một ăn mày,
"Cùng lẳng lẳng như bóng ma buồn nào.
"Đặt nhau tìm nói cũng dẽ xin may".

Mỗi tình Phật Giáo trong mùa thu lễ tất nhiên hời vãng vì thướng nhớ, - Hết thu, đông, sang Xuân mỗi tình này lại bắt đầu nông thắm theo trống chuông, ngày hội; nó đã sống dậy một cách rất khá ái tử đ á y lòng một cô bé ngày xưa trong bài t h ó "Chùa Hương" của Nguyễn Nhược Pháp:

"Đêm hôm ấy em mừng,
"Mùi trầm hương bay lửng;
"Em nằm nghe tiếng mõ,
"Rộn chim kêu trong rừng".

Đường lên chùa đã xa, mà lòng này dính lỏng khác còn xa hơn nữa. Về nơi đường xa, mec ỏ gái chùa Hương khuyên nên câu Phật:

"Mẹ bảo đường còn lâu
"Cứ vừa đi ta cầu,
"Quan Thế Âm Bồ Tát,
"Là tha hồ đi mau".

Về nơi lòng chùa dính với lòng, nằng cũng chẳng thấy cách nào khác hơn sự cầu - nguyện:

"Ngủ ngút khỏi hương vàng,
"Say trong giấc mơ màng,
"Em cầu xin giới Phật
"Sao cho em lầy chàng".

TỔNG KẾT

Ngó trần gian và ngó đạo, lòng này v ó i lòng kia, thật đã gặp nhau trong một niềm lành duy nhất. Cuộc trùng phùng giữa Phật Giáo và thi ca Việt Nam cũng như c o n đường xa thắm lên chùa Hương, cũng như cô gái chùa Hương gặp chàng Văn nhân l ố i lạc: từ' neo đường lên chùa dấu khách tin, tin thơ và tin đạo, vì nhiều lẽ, đôi khi như' cô gái chùa Hương dẽ dặt, then thùng không nói:

"Then thùng em không nói:
"Nam mô A Di Đà..."

Nhưng chắc gì lòng khách đã không tràn đầy một niềm tin Phật Giáo?

Đạo Phật đến với dân tộc Việt, với thi ca Việt Nam, đã như chàng Kim đến với nàng Kiều, và cũng như Phạm Thái đến với Quỳnh

Như:

"Khi Phạm Thái gặp Quỳnh Như thuở ấy,
"Khi chàng Kim vừa thấy được nàng Kiều .
Mỗi tình Phạm Thái Quỳnh Như còn được chàng văn nhân họ Phạm ghi thành thiên tình sử dưới nhan đề: "Sơ kính tân trang" với biệt hiệu Phó Chiêu thiên sử tục gọi là Chiêu lý. Truyện "Sơ kính tân trang" cùng với các truyện khác như "Hoa Tiên", "Sãi Vãi", "Quan Âm Thị Kính" v.v.. đều là những tập truyện đượm nhiều tinh thần Phật Giáo mà chúng tôi rất tiếc không đủ thì giờ đ ể cập đến một cách chu đáo.

Qua phần thi ca Việt Nam chịu ảnh hưởng Phật Giáo: từ hình thức diễn giải đốn số, rộng mở cửa lớp bình dân đến hình thức trình bày có phần kiểu cách hơn tại "Phan Trần", "Cung oán ngâm khúc", "Đoạn Trường Tân Thanh" v.v., trong nền thơ cổ đ i ến n cho đến lối diễn tả tự do, phóng túng của các thi sĩ hiện đại như Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương cùng một ít thi nhân lễ t ể vừa nêu ra trên... Từ niềm tin Phật c ó i mở, bình dị trong ca dao đến những h ọ c thuyết Phật Giáo về khổ đau, về nhân duyên nghiệp quả, luân hồi trong một số lớn tác phẩm thơ Việt quan trọng từ thế kỷ 13 đến bây giờ... Sau khi đã đi vào chi tiết của từng vấn đề, từng địa hạt thi ca, chúng tôi nhận thấy rằng Đạo Phật đến với thi c a Việt Nam không có vẻ cực đoan, không ép uổng và cũng không tác động bằng những tình cảm sưng. Thi ca Việt Nam cũng như nước Việt, mọi người Việt có những l ẽ sống riêng hết sức màu nhiệm cần phải đ ữ c ơ duyên, đủ phương tiện, trợ lực để có thể ý thức rõ ràng, cần phải sống đầy đặn, thành thực và chu đáo: LỄ SÔNG, THANH THỨC, THƠ VA ĐẠO, - Bàn đến Đạo Phật và thi ca Việt Nam thật chúng ta khó lòng nói hết cuộc gần bó thanh tao này, nói hết mỗi tình huynh đệ đầy nghệ thuật đã đượm nồng từ mấy nghìn năm và đã nảy nở dồi dào theo chiều tiến triển oai hùng của lịch sử Dân Tộc.

— PHAN XUÂN SANH —

(Văn Học số 38 - Sài Gòn 15 tháng 5 năm 1965 từ trang 49-61.)



THIÊN HỌC



Đại Lão Hòa Thượng Thiên Sư YOSHIOKA TOICHI soạn - nguyên tác ZEN
Thích Như Điển dịch từ Nhật sang Việt ngữ.

(Kỳ 8) HẾT.

Trong năm qua chúng tôi đã cố gắng phiên dịch quyển Thiên học của Đại Lão Hòa Thượng Thiên Sư Yoshioka Toichi, đến kỳ này tạm chấm dứt. Hẹn gặp lại độc giả trong những lần phiên dịch kỳ tới về Phật Giáo cũng như Thiên của Nhật Bản.

Để đúng với tinh thần học Phật của chư Tổ sư đã dạy "Thiên Tinh song tu", nên sang năm 1982 mục Thiên học sẽ được thay thế bằng Pháp Môn Tịnh Độ hay "Lá thư Tịnh Độ" của Ấn Quang Đại sư để Quý Phật Tử xem theo đó mà học hành tu trì.

THIÊN VÀ TRÀ ĐẠO:

Trà của Nhật Bản được truyền sang từ Trung Quốc vào thời đại Nara. Lúc đương thời nhà vua đã mời 100 vị cao tăng vào cung điện để tụng và giảng kinh Đại Bát Nhã cho nhà vua cũng như triều thần bá quan văn võ. Những vị sư này đã dùng trà tại đó và câu chuyện lịch sử này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Lúc bấy giờ trà được gói thành từng gói tròn và bỏ vào trong nước sôi - cho trà ra rồi uống. Trà này giống như một loại thuốc tốt.

Vào thời kỳ đầu của thời đại Kamakura vị Thiên Sư Dinh Tây (Eisei) là người đầu tiên

đã dạy cho người Nhật phương pháp dùng trà và sau đó ông Thôn Điền (Murata) mới chính là tổ sư của việc dạy người Nhật uống trà với nước sôi.

Ông Murata là đệ tử của Ngài Nhứt Hư ở chùa Đại Đức. Với tài năng nghệ thuật và với tâm hành Thiên của ông ta cũng học lại, ông ta đã tạo được một phương thức thực hành trà đạo cho đến ngày nay.

Trà mà chúng ta thường dùng hằng ngày là một nghệ thuật làm thăng hoa cho cuộc sống của người thế gian cũng như những người xuất thế gian, trà làm cho lục căn trở nên thanh tịnh. Vì tinh thần của trà đạo là "hòa kính thanh tịch". Điều này cũng thật đúng với tinh thần của Thiên.

Theo ngài Lợi Hưu thì "sự thực tiễn của trà đạo tức là con đường thâm cứu về chữ Phật và chú tổ sư trong quá khứ".

Theo chủ trương của Ngài Lợi Hưu thì đó là một tâm hồn thoát tục, một ý niệm cốt tinh cách quý trọng sự cao đẹp trong cuộc sống căn bản hàng ngày.

Từ thời đại Kamakura cho đến giữa thời ấy, cộ cả hơn 100 tầng si giữa hai nước Nhật Bản và triều Tống của Trung Hoa qua lại với nhau.

Sau khi Phật Giáo được truyền vào Nhật

chúng một thế kỷ thì dân chúng của Nhật Bản tin theo Thiên học càng ngày càng đông và từ đó khắp nơi trên đất Nhật, nơi nào những chùa Thiên cũng được dựng lên và bắt đầu hình thành một nét đặc thù về văn hóa của Nhật Bản. Dưới triều đại Mạc Phủ (Bakufu) người ta thường hay nói đến văn hóa Chí Đỉnh và văn hóa Đông Sơn, nhưng phải thành thật mà nói trọng tâm của những văn hóa này vẫn là tinh thần của Thiên Học. Vì Thiên tông không phải là một tông phái chi biệt, lẽ b á i những, tượng Phật, mà mục đích của Thiên là phải tự ngộ lấy ở chính mình, do đó, việc kiến trúc chùa chiền cho đẹp đẽ, hay tô tượng cho tráng lệ đều không phải thuộc về Thiên. Thiên được thấy như là một phương pháp thực tiễn mà trong đó có tinh cách tự do rất nhiều. Đây cũng là tinh cách rất đặc biệt về văn hóa của Thiên.

THỐ ĐẠO:

Người bình dân thường gọi chữ viết là "bút tích", nhưng chữ viết của Thiên Tông gọi là "mặc tích". Những mặc tích này vẫn còn lưu lại cho đến ngày nay như: An khả trang, Dịch Cơ kệ, Di kệ... nói về sự liên hệ giữa Thầy trò môn đệ và Thanh quy của chế độ Thiên Viên, liên hệ đến việc hành trì và những bài thơ kệ ngâm vịnh trong chùa đều là những mặc tích.

Sự đặc thù của mặc tích được suy nghĩ như là "văn tự của những thiên Tăng là những con người thật". Lại nữa, mặc tích biểu hiện được cá tính tự do thô lỗ và phóng đại trên nét chữ của Thiên Tăng. Đó cũng là truyền thống cách họa của họ được phát hiện.

Với cuộc sống tu hành nghiêm nhặt và đạo của một Thiên Tăng được biểu hiện trên nét chữ của họ, nếu người sơ tâm học đạo khó có thể hiểu được sự nhiệm mầu này.

Mặc tích nổi tiếng tại Nhật là của Ngài Nhật Sơn viết về "lục tổ kệ" trên giấy cao, của Ngài Đại Tăng Quốc Sư bài "Kệ Đảnh" và của Ngài Bạch Ôn bài "Tứ Tự" là những mặc tích nổi danh còn sót lại cho đến ngày nay.

HẾT

Đạ Vũ

*Ta chỉ thấy những đêm dài vô tận
Năm nghe mưa rả rích giọt bên tường
Từng giọt ngân giọt dài dây uất hận
Mưa khắp trời mưa rơi xuống ngàn phương*

*Trên bực gỗ chúc dài leo lét cháy
Gian phòng khuya im lặng nền chao mình
Ly rượu mạnh không ngó núc cạn đầy
Đã say rồi thân xác cũng ngất ngây*

*Trong đêm nay mưa khuya còn ướt át
Ta nằm im nghe nước tạt bên thềm
Say, thêm di thân ta còn biếng nhác
Chỉ nhìn trời xem sao rụng từng đêm*

*Đã khuya lắm vẫn còn nghe thánh thót
Giọt mưa rơi vội vã từ trên cành
Sức nhớ lại nghĩ mình thôi đã trót
Gối mưa ngàn đôi ngán lệ ngày xanh*

*Khi xa xôi như mơ hồ tiếng hát
Khi lại gần như âm hưởng ngàn xưa
Nước nặng trĩu lá cây rừng lác đác
Rụng ven hồ trong sương bạc đêm thưa*

*Ta đã ngủ bên ngoài mưa gió mãi
Chiều ngập ngừng lay vỡ bóng đêm tan
Trên nệm ấm ta mở màn thấy lại
Mưa đã về trên biên giới thời gian*

*Vàng rơi rụng phương trời mờ bóng dáng
Những ngày vui cùng năm tháng qua rồi
Chiều hoang dại gối sầu lên đi vắng
Cả đêm dài còn mãi tiếng mưa rơi*

*Sao mưa vẫn không ngừng trong xóm vắng
Ngập trùng giang và rét mướt kình thành
Ngàn lau bạc lung lay bờ cát trắng
Lá xạc xào khi đêm đã tàn canh*

*Phương đông dậy chân trời xa hé mở
Đóa hoa lòng còn ngát mộng vọng, hướng
Đôi đũa bạc giãc mở tình chớm nở
Có những chiều khi mưa gió đau thương*

*Thức dậy mọi phương dậy gió lộng
Năm nghe bắc lụn bước canh đồn
Diệu Đế chuông chiều tan lữ mộng
Hương giang mưa tối lạnh thi hôn.*

Phong Diễn Đăng Như Bách

PHẬT GIÁO THỰC HÀNH

I. PHÁP MÔN TỌA THIÊN

Thượng Tọa Thích Hiền Chơn



Tiếp theo

D KẾT LUẬN:

Tâm tức là Phật, Phật tức là Giác. Giác tánh này chúng sanh và Phật đều có như nhau, không sai biệt, không tịch, hơ? an toàn không còn một vật gì, không theo một pháp, không còn tu, còn chúng. Linh linh mà đầy đủ vạn đức, diệu dụng hằng sa, chẳng nhỏ tu chúng. Chỉ vì chúng sanh mê chìm đắm trong sanh tử, trải qua nhiều kiếp tham, sân, si, ái, vọng tưởng, chấp trước nhiệm ô đã ăn sâu; bắt đắc dĩ mới nói "tu"; nói "chúng" .

Nay đây, đã trải qua mấy tuần (thất), thân tâm quý vị kẻ ra đã thuần thực, nếu dụng công tu tập, sánh với trước kia, việc làm dễ hơn nhiều.

Hai mươi ngày qua tư sáng chỉ tới quý vị dậy sớm, ngủ trễ, nỗ lực dụng công (tu tập), kết quả không ngoài bốn thứ cảnh giới:

1.- Lúc mới dụng công có chỗ chưa rõ thoai đầu, tham chẳng đúng, hờ đồ theo chúng tu tập ngồi lìm đim, không vọng tưởng phân phi ấy là "hôn trầm".

2.- Khi tham được đúng thoai đầu, có điểm nắm, lại nắm chặt như cục đá như câu "thoai đầu niệm Phật là ai?". Niệm thoai đầu như thế lại cho là khởi "nghi tình" tưởng đã được khai ngộ. Quý vị đều chưa biết là nếu còn ở trên "thoai vi" mà dụng tâm (tu tập) ấy là còn ở trong pháp "sanh diệt", không thể đến một niệm "vô sanh". Tại thời thì được, nếu chấp c h o là cứu cánh thật pháp, thì sẽ không khác kỳ ngộ đạo được. Gần đây phần nhiều bị lâm ở trên "thoai vi" mà dụng công tu tập, nên Thiên tôn ít thành tựu bậc thiên tài.

3.- Nếu có hiểu "thoai đầu" có thể quán sát hiện tiền lần tới một niệm vô sanh. Hoặc biết niệm Phật là tâm, liên từ một niệm đã khởi, tham thẳng đến vô niệm tâm tướng, lần lần đến chỗ tịch tịnh. Thổ niệm đã dứt, được khinh an. Có những cảnh giới như thế xuất hiện, có khi chẳng biết thân mình ngồi chỗ nào, lại có cảm giác thấy thân là phiêu diêu bay lên, có khi thấy nhưn vật khả ái, sanh hoan hỉ. Trái lại có khi thấy cảnh giới sợ sệt, sanh tâm sợ hãi. Có khi khởi tâm dâm dục, nhiều thứ lắm không phải một v.v...

Cần phải biết rõ những cảnh như thế đều là ma, nếu chấp cho là thật thì thành bịnh.

4.- Có khi nghiệp chướng nhẹ, sự lý tu hành rõ, dụng công đúng cách, đã làm đúng qui cũ, rõ ràng vọng tưởng nếu dứt hết, thân tâm tự tại, không có cảnh giới gì nữa, thực hành đến đây, chánh là chân khởi tinh thân. Dụng công tu để tấn tới, nhưng cần phải chú ý, có lúc như cây khô, như đá chia ra nhiều đường tẻ, có những cái "hôn trầm" mà sinh ra đỉnh đôn, lại có khi được một điểm huệ giải, làm thi, làm văn tự cho là đầy đủ rồi, khởi công c a o ngã mạng.

Bốn cảnh giới trên là "bịnh". Nay đây cùng quý vị, dùng thuốc trị tâm bịnh ấy.

1.- Chưa tham đến thoai đầu, còn vọng tưởng, hôn trầm, ta phải tham quán "niệm Phật là ai?" Cái chú ai đó đợi ta phải tham đến lúc nào vọng tưởng hôn trầm bớt (ít). Chú "ai" ta không quên tham chỗ nhứt niệm khởi, cho đến khi nhứt niệm chẳng còn, tức là "vô sanh". Quán đến nhứt niệm vô sanh, ấy mới gọi là "chón quán thoai đầu".

2.- Quan hệ ở chỗ chấp trước "niệm Phật là ai?". Nếu ở trên "thoại vĩ" mà dụng công tu tập lấy pháp sanh diệt, người ấy cần chiếu theo ý tứ ở trên mà trị. Nhân chỗ khởi niệm, tham đến nhất niệm không sanh nữa.

3.- Quan hệ sự quán "vô niệm" đã được tịch tịnh khinh an, nếu thấy hiện các cảnh giới của người, ta cũng không màng, chỉ chiếu cô bốn tham "thoại đầu", một niệm cũng chẳng sanh. Nếu thấy Phật đến dứt Phật, ma đến dứt ma. Một bề chẳng đá động tới nó, tự nhiên là vô sự chớ bị sa lạc quần tà.

4.- Quan hệ hơn hết, là khi vọng niệm đã dứt, thanh tịnh rõ ràng, trong thâm tâm đều tự tại. Đúng như cổ ngữ nói: "Muôn pháp qui nhất, nhất về chỗ nào?". Do một bề đến chỗ cùng tột, thẳng đến như đứng trên đỉnh núi cao vời vợi, như đi tận đáy biển sâu, tự tại tới lui. Như trên đã dạy, tự thiên cần quán thoại đầu, là vì trong thời kỳ mật pháp, các h a n g người thường cần tánh tối tăm, nên nói pháp tu ấy. Kỳ thật tông môn Thiên này đối với bậc tối thượng nhất thừa như khi Đức Thích Ca ở trên hội Linh Sơn, ngài chỉ cầm đũa cảnh hoa lên là Ngài Ca Diếp ngộ đạo.

Đó là giáo ngoại biệt truyền, truyền riêng biệt ngoài ngôn giáo. Lịch đại Tổ Sư chỉ truyền nhất tâm, trực chỉ, nhơn tâm, kiến tánh thành Phật không bị lạc về giai cấp, và chẳng như tu chúng. Một lối nói, hoặc nửa câu, không có một pháp nào là khả đắc, không có một pháp nào có thể tu. Đúng nhiên nơi cảnh hiện tại chẳng khởi vọng, duyên theo các cảnh, như là Phật. Dụng công tu tập, quý vị cũng cần có những câu kệ. Như bài tâm ấn kệ sau đây:

Đây là diệu nghĩa. Phạm, thánh xưa nay vẫn đồng. Nếu cho là không đồng thì chẳng khác nào nói rằng ngoài cây bõ, gai mà tước được dây gai. Cái tâm đã là thông mỗi pháp, lấy đâu còn mình sấn sắc nông. Biết cảnh giả dối như huyễn, như hoá. Niết Bàn, sanh tử dung thông. Hoặc mười hai câu kệ tham thiên.

1.- Tham thiên chẳng phải huyễn, thế hội xét căn nguyên, ngoài tâm vẫn không pháp, ấy nói trời ngoài trời.

2.- Tham thiên phi học vấn, học vấn thêm thấy nghe, ánh hướng không kham truyền, ngộ rồi cũng như thừa.

3.- Tham thiên phi đa văn, đa văn thành thiên bình. Hay thay. Quán Thế Âm, nghe trở lại tự tánh.

4.- Tham thiên chẳng nói suông, nói là khách ngoài cửa, thường người nói được thiên, trướng rùa nổ thành trạnh.

5.- Tham thiên không được nói, khi nói không ngăn ngại, khi chứng động hư không, n g ô n thuyết như vi trần.

6.- Tham thiên tham tự tánh, mỗi nói đều tùy thuận, cũng chẳng cần giữa mãi, bốn nguyện là thanh tịnh.

7.- Tham thiên như hái củi, chỉ lên núi hái thôi, mỗi chỗ thoát hiện tiền, một phen tất cả xong.

8.- Tham thiên là một món, khuyên rằng, khởi sanh tử, to nhỏ đem lại tham, cười nghiêng cái núi lạnh.

9.- Tham thiên cần đãi nghi, đãi nghi dứt đấng tể, đạp ngựa Diêu Cao Phong, khi xay trời ngựa đất.

10.- Tham thiên không nói thiên, chỉ mộ nói có thiên, tâm này như chứa ngộ, phải cần cấp tham thiên.

11.- Tham thiên không thân sơ. nghiêm nhiên là gia bảo, nhân, nhi, ti, thiết, thân, điều đúng thật khó sánh.

12.- Tham thiên không giai cấp, mau lên các cõi Phật, chổng gậy mới đưa lên, phải quán tất cả nghĩa...

Niệm Phật là niệm Tâm, Tâm niệm Phật. Tham thiên là tham Tánh, Tánh tham Thiên.

(Còn tiếp)





Như huyễn, bất khả thuyết, bất khả thuyết...



Viết về kinh Hoa Nghiêm cùng cảnh giới Hoa Nghiêm quả là một việc mạo muội lớn lao... Vì sao?

Vì kinh này chỉ có thể gọi là bất khả thuyết-bất khả thuyết. Chính kim khẩu của Đức Phật đã gọi kinh này là như vậy. Chỉ có những bậc thân chứng những cõi đại tam muội mới có thể diễn nói về kinh này. Phạm phu chúng ta mang nặng tình thức thông thường mà suy lường về kinh này, thì chẳng khác nào một người mang cày thước đi đo lường hư không, đo lường đại hải. Như một con kiến muốn ngược mắt đo lường đỉnh núi tuyết sơn, vẫn vùi đầy mây trắng... Khốn nỗi là chúng ta, vốn sống trong thế giới sai biệt của ngôn tử vọng tưởng, nên đôi khi vẫn phải dùng ngôn tử vọng tưởng để cố gắng diễn nói với nhau về những cảnh giới siêu xuất vượt qua ngôn tử vọng tưởng.

Vì kinh này là vua trong các kinh, đặc nhất vô nhị của các cõi, chứa đựng vô lượng pháp môn, tướng tự như biển cả, và con sông nào cũng phải chảy ra biển cả. Thực ra, thì kinh Đại Thừa nào cũng là vua trong các kinh, có điều là trong pháp hội Hoa Nghiêm, sự triển khai chân lý và mô tả cảnh giới đã đạt tới một mức độ trang nghiêm vĩ đại kỳ đặc khó thể sánh kịp.

Vì kinh này diễn nói kỹ càng hơn cả về Chân lý rốt ráo tối thắng của chư Phật 3 đời và 10 phương, về Chân lý Duy Tâm số hiện, từ đó phát xuất ra mọi pháp môn

Vì kinh này diễn nói đến NGĂN MỀ của cùng tận nhập vào vô tận, ngăn mé của phổ biến của phổ huyễn môn của phổ huyễn nhập vào Chơn thiết thể, ngăn mé của vô lượng nhập vào Một, rồi lại từ Một khởi thành vô lượng, ngăn mé của cái bóng mờ vô minh nhập vào Chân tâm rồi lại là Chân tâm như như để khởi lên mọi cảnh giới như huyễn siêu xuất hay thô kệch.

Vì kinh này diễn nói về cái vòng huyễn hiện của mọi cảnh giới, về tính chất khế thực không hư của chúng, về những huyễn ảnh trùng trùng duyên khởi tương ứng, trùng trùng thâm thâm lẫn nhau, trùng trùng ảnh tượng lẫn nhau, trùng trùng vừa là thân vừa là coi, trùng trùng vừa là lớn vừa là nhỏ, trùng trùng vừa là kiếp

vừa là sát na, trùng trùng biến ảo t ù y theo tâm thức nghiệp lực chúng sanh và thân lực gia trì... Tâm thức càng lên cao bao nhiêu, càng là bố tình nhiệm b a o nhiêu, lại càng biến ảo ngàn ấy.

Vì kinh này diễn nói về Trí vi tế của Đại Bồ Tát để hóa giải không gian, về Trí bình đẳng ba đời để hóa giải Thời gian, về cách giữ tâm trạm nhiên bất động để hóa giải mọi sự lay động, tiến tới bậc Vô khứ vô lai.

Vì kinh này diễn nói về Quang Minh, về quang minh của Pháp thân thượng tịch - quang, về quang minh của tâm đã chuyển thành Tang thức, về những quang minh phú ra bởi những lỗ chơn lông trên thân Phật về những lỗ chơn lông gọi là Sái ca m-lô hoặc Nhứt quang minh của Như Lai hay phóng quang minh, về những quang minh vi diệu trong đó Bồ Tát xuất hiện nhiều như mây vì các quang minh ấy dật nên diệu - sắc thân Bồ Tát, về các quang minh h a y phát ra diệu âm, ... về các quang minh bị nặng nề bởi tình nhiễm và kết nên thân căn thô kệch chúng sanh.

Vì không khí của kinh này toàn là quang minh, là thân biến, là tam muội, và thân lực được thi triển liên miên để gia trì cho các Bồ Tát và chúng hội.

Vì pháp hội Hoa Nghiêm này rất là kỳ đặc

Vì Đức Bổn Sư Mâu Ni, cũng như tất cả chú Như Lai khác, mỗi khi thị hiện t h à n h Chánh Giác xong, bao giờ cũng triệu nhóm một pháp hội Hoa Nghiêm để diễn nói về những cảnh giới tuyệt đỉnh cao vợi của sự chứng nhập vô thượng bồ đề. Và ngay giờ phút này, trong rất nhiều cõi, vẫn có những pháp hội Hoa Nghiêm đứng đ ứ b c triệu nhóm, mà chúng ta không hề h a y biết.

Vì pháp hội này chỉ triệu nhóm toàn nhữg bậc Đại Bồ Tát có đầy đủ Tam muội, thân thông lực, những vị Thế gian chủ, tức là những vị vua ở các tầng trời, những vị Quý Thân vương, những Chủ Da Thân, Đ a ó tràng thân, Sơn thân, Hải thân v.v... hết thảy đều đầy đủ hạnh nguyện Phổ Hiền và thân chứng nhiều giải thoát môn..... Và tuyệt nhiên không có đệ tử người được tham dự. Chỉ trừ ở phần sau của pháp hội

có thấy xuất hiện một số đệ tử người của Phật, như Ngài Ca Diếp, Mục Kiền Liên, X á Lợi Phất...v... Song các vị đệ tử người này tuy đã thân chứng quả vị A La Hán, nhưng ngồi ở ngay nơi pháp hội, mà vẫn như đui, như điếc. Chẳng nhìn thấy gì, chẳng nghe thấy gì. Chẳng nhìn thấy thân tướng của các bậc Đại Bồ Tát, chẳng nhìn thấy những thân biến liên miên diễn ra ở nơi cảnh giới đạo tràng, cũng chẳng nghe được những lời diễn nói của các bậc Đại Bồ Tát... Vì sao vậy? Vì đạo lực không đồng, đạo l ự c còn thấp kém, tam muội lực còn thấp kém. Những diệu sắc thân của các bậc Đại Bồ Tát kia đều được dật nên bởi những thứ quang minh quá vi diệu, các thân biến cũng đều là sự biến hiện của những màn lưới huyền quang minh vi diệu, nên các vị ấy đều chứa đủ nhân lực vi tế để nhìn thấy. Chỉ trừ có Ngài Xá Lợi Phất cùng 6000 Tỷ Kheo đệ tử là được nhìn thấy ít nhiều, vì sự gia trì của thân lực của ngài Văn Thù Sư Lợi.

Vì thời gian tính của pháp hội này được ghi là kéo dài 21 ngày, nhưng cũng có thể trái dài ra từng kiếp số. Vì khung cảnh không gian của pháp hội mở đầu ở cảnh giới Bồ Đề Đạo Tràng, nhưng lần lần được di động lên cung trời Đao Lợi, cung trời Dạ Ma, Đâu Xuất, rồi đến cung trời Tha Hóa tự tại, tức là ngay nơi cung điện s a o - huyệt của Ma Vương... Và càng di động lên cao bao nhiêu, thì những pháp môn diễn nói lại càng vi diệu thâm thâm ngàn ấy.

Vì trong pháp hội này, Đức Bổn Sư Mâu Ni chỉ hiện Báo thân Tỷ Lô Giá Na ngồi chứng minh, ít diễn nói, chỉ thi triển thân lực liên miên để gia trì cho pháp hội. Chỉ Phật mới phương cũng đồng thời p h ó ng quang hộ trì... Trong khi đó, thì các bậc Đại Bồ Tát dẫn đầu bởi Ngài Phổ Hiền và Văn Thù, lần lượt được vận minh bởi các Bồ Tát khác, đã tuần tự đứng lên luận bản diễn nói về chỗ chứng nhập của mình, về những cảnh giới siêu xuất bất tử nghi, về các thứ bậc tu chứng của các vị Bồ Tát nói theo hạnh nguyện Phổ Hiền.

Vì trong pháp hội này, kệ Hoa Nghiêm nhiều như sao sa. Và hay tuyệt vời... Sau khi v a r: tập đến, các bậc Đại Bồ Tát cùng Thế Gian chủ đều lần lượt đứng lên, nói kệ t á n thân bậc Như Lai, cùng tán, thân Chân Lý Bất tử nghi là Duy Tâm sơ hiện..... Rồi

ngài Phổ Hiền mở đầu pháp hội, nhập cõi n đại tam muội diễn nói về sự huyền diệu của Hoa tạng thế giới này, nổi lên từ Diệu tâm. Ngài mô tả những đại phong luân khởi lên do Nghiệp lực, khởi lên như thế nào, xoay vần như thế nào, làm lần lần phá t hiện những thủy luân hoa luân như thế nào, rồi làm phát hiện những cõi vô sắc, cõi sắc, cõi dục như thế nào? Ngài nói rõ danh hiệu các cõi, các thế giới, các hệ giới chung, các thế giới hải ở 10 phương, cùng hồng danh chư Như Lai ngự trị tại các quốc độ đó. Ngài nói rõ các cõi hình trạng như thế nào, an lập như thế nào, nương về đâu, trụ về đâu, thành thành hoại hoại xoay vần tương tự như lá mọc rồi lá rụng... Và ngài cũng dạy rõ rằng: tất cả những thế giới hải bao la bát ngát ấy đều chỉ như những tờ bảo, những bộ phận kết lại thành những cánh hoa, rồi cánh hoa hợp lại thành một bông Đại Buội Liên Hoa, lúc nở ra lúc héo hắt đi, và bông Liên Hoa đó trụ trên cái cọng hoa gọi là Chủng chủng QUANG MINH nhụy hướng tràng.

Sau đó, là Ngài Văn Thù Sư Lợi cũng nhiều vị Đại Bồ Tát khác lần lượt đứng lên, diễn nói về tịnh hạnh, phạm hạnh. Ngài Hiền Thủ nói một bài kệ rất dài, nói rằng lòng tin thanh tịnh là mẹ của các công đức, nói về các thứ quang minh, về các thần biến tam muội đại tự tại lực của các bậc Đại Bồ Tát. Rồi một vị khác diễn nói về những công đức bất tư nghì không ngần ngại của sự sơ phát tâm, tức phát Vô thượng Bồ Đề tâm... Khi pháp hội được di động biến hiện lên cung trời Đao Lợi, thì một bậc Đại Bồ Tát, được sức gia trì của chư Như Lai, đứng lên diễn nói về Thập Trụ... Rồi lần lần diễn nói đến Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng... Khi pháp hội được di động lên cung trời Tha hoá tự tại, thì Ngài Kim Cang Tạng Đại Bồ Tát được sức gia trì của chư Như Lai, đứng lên diễn nói về thứ bậc tu chứng thâm thâm là Thập Địa.

Rồi đến Ngài Phổ Hiền diễn nói hai phẩm về Thập Định và Thập Thông, mô tả những thứ đại tam muội cùng thần lực tự tại vô ngại của các bậc Đại Bồ Tát đã bước lên những quả vị tốt cùng là Đẳng giác rồi Diệu Giác... Sau đó là phẩm thứ 30 tức phẩm A Tăng Kỳ, do chính Đức Phật Mẫu Ni nói. Trong phẩm này, do sự vấn minh của Ngài Tâm Vương Bồ Tát, Đức Phật đã trả lời bằng một bài kệ dài, và bài kệ này hầu

như làm một bản tổng kết về ý nghĩa thâm thâm vì điều bất khả thuyết của sự chứng nhập của các bậc Đại Bồ Tát, cũng như về ý thú bất khả thuyết của kinh này... Sau đó, là phẩm lý thế gian, do ngài Phổ Hiền nói... Rồi đến phẩm 39, tức phẩm nhập pháp giới, dài chừng 600 trang, mô tả bước đường tiến tu cầu đạo của Ngài Thiện Tài Đồng Tử, lần lượt đi học hỏi về Bồ Tát đạo, ở nơi hơn 50 vị thiện trí thức, trong đó có bà Ma Ya phu nhân, ngài Quán Thế Âm, ngài Di Lặc và cuối cùng là ngài Phổ Hiền... Rồi bản kinh Háu văn tam kết thúc bằng phẩm thứ 40, diễn nói về 10 hạnh nguyện - vương của ngài Phổ Hiền...

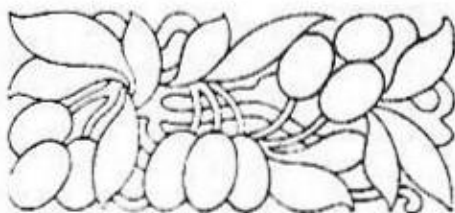
Đề gợi ít nhiều ý niệm về giáo lý Hoa Nghiêm, thiết tưởng cần lắng nghe vài câu kệ do chính Đức Thế Tôn nói trong phẩm A Tăng Kỳ:

Bất khả ngôn thuyết bất khả thuyết
Sung mãn tất cả bất khả thuyết
Trong những kiếp bất khả ngôn thuyết
Nói bất khả thuyết chẳng hết được.
Bất khả ngôn thuyết các cõi Phật
Thầy đều nghiên nát làm vi trần,
Trong một trần, bất khả thuyết cõi
Như một, tất cả đều như vậy...

.....
Nói đâu một lông có những cõi
Số đó vô lượng bất khả thuyết,
Khắp suốt hư không những đâu lông
Nói mỗi lông, số cõi cũng vậy...
Ở trên thân mỗi Đức Như Lai
Hiện bất khả thuyết lỗ chân lông,
Trong mỗi lỗ chân lông kia
Hiện những sắc tướng bất khả thuyết.
Bất khả ngôn thuyết lỗ chân lông
Đều phóng quang minh bất khả thuyết,
Ở trong mỗi quang minh kia
Đều hiện liên hoa bất khả thuyết,
Ở trong mỗi môi liên hoa kia
Đều có những cánh bất khả thuyết,
Trong cánh của bất khả thuyết hoa
Đều hiện sắc tướng bất khả thuyết.
Trong những sắc bất khả thuyết kia
Lại hiện cánh hoa bất khả thuyết,
Trong hoa quang minh bất khả thuyết
Trong hoa sắc tướng bất khả thuyết.
Trong sắc tướng bất khả thuyết này
Mỗi mỗi hiện quang bất khả thuyết,
Trong quang hiện nguyệt bất khả thuyết.
Nguyệt lại hiện nguyệt bất khả thuyết.
Trong bất khả thuyết những mặt nguyệt
Mỗi nguyệt hiện quang bất khả thuyết,

— xem tiếp trang 30—

LÝ LUẬN HỎI



I) LỜI NÓI ĐẦU:

Con người đã ai sanh ra:Sanh ra rồi để làm gì và sẽ đi đâu?ba câu hỏi này làm nhón loại luôn luôn thắc mắc bấn khoăn Và tất cả tôn giáo triết học chủ nghĩa tử trước đến nay cũng đã tìm tòi trình bày rất nhiều giải đáp.Nhưng hiện tại, con người vẫn chưa được thấy thỏa mãn, và vấn đề nhân sinh quan vẫn còn đ ề nặng trên trí óc con người.Với đạo lý luân hồi,đạo Phật đã trả lời những câu hỏi trên,và chúng ta sẽ thấy rõ địa vị con người trong Đạo Phật như thế nào.

II) NHỮNG SỰ HIẾU LÂM VỀ NHÂN SANH.-

Vấn đề nhân sanh quan có rất nhiều giải đáp không giống nhau của các tôn giáo, triết học và chủ nghĩa.Nhưng lời giải đáp ấy không ra ngoài bốn môn kiên chấp sau này:

a) chấp đoạn: Con người chỉ có với hiện tại, trong khoảng mấy mươi năm sống, đến khi chết thân thể tan ra tro bụi, kiên vàn giác tri không còn, chết rồi thì mất hẳn.Nhưng chúng ta thấy ở đời này, không có vật gì là mất hẳn.Cho đến một hột cát, một mây lông cũng không thể mất hẳn, huống nữa là cái thân hay biết nơi một con người.

b) Chấp thường: Có người cho rằng ,sau khi chúng ta chết tuy thân thể tiêu tan nhưng vẫn có một linh hồn bất tử, linh hồn ấy sẽ được lên cõi thiên đứơng luôn luôn hưởng những sự an vui khoái lạc (nếu trông nhón lành hiện tại); hay sẽ bị đọa vào cõi địa ngục chịu khổ m ả i mãi (nếu tạo các nhón ác).Chúng ta thử hỏi linh hồn bất tử có cảm giác như con người sống là có thân thể hay không thân thể.Nếu đã có thân thể như người sống rồi,sao gọi là chết?Nếu không có thân thể biết lấy gì để cảm xúc với ngoại cảnh để biết đau buồn vui sướng? Lại nhân có hạn lượng thì quả phải có hạn lượng,lẽ đâu lại có những điều bất công như vậy.Hơn nữa,với sự nhận xét thông thường chúng ta thấy rằng mọi vật đều biến đổi xê dịch,nào có cái gì trường tồn,không sanh không diệt đâu ?

c) Chấp thân trước không cần hệ đ ề n thân sau: Có người cho rằng dẫu thân này chết sanh ra thân sau,nhưng thân sau ấy không liên can gì với thân trước . Nhưng thân sau ấy vẫn là mình nghĩa là vẫn tự chấp có cái ta biết vui buồn đau

khô, sao lại không liên can. Lại một thân sinh ra đâu phải không chịu những ảnh hưởng của những nghiệp nhân tạo từ nhiều đời, thời sao lại không liên can được.

d) Chấp luân hồi theo luật tiến hóa: Có người công nhận rằng: sự vật đều có luân hồi, nhưng luân hồi theo luật tiến hóa, nghĩa là loài thực vật có thể luân hồi thành loài hạ đẳng động vật, loài hạ đẳng động vật luân hồi thành loài cao đẳng động vật. Như loài khí có thể tiến hóa thành loài người. Nhưng hiện ở đời chúng ta thấy có tiến hóa, nhưng có thoái hóa rõ ràng, vậy bằng chứng vào đâu mà lại nói rằng nhất định chi có tiến hóa.

III) NGHĨA CHỮ LUÂN HỒI TRONG ĐẠO PHẬT VÀ MỤC ĐÍCH ĐẠO PHẬT.

a) Các cõi trong Đạo Phật: Đạo Phật có chia các cõi, các loại ra làm sáu cõi phàm và bốn bậc Thánh. Sáu cõi phàm là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thiên, nhân, a tu la. Bốn bậc Thánh là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật.

b) Định nghĩa: Luân là bánh xe. Hồi là quay tròn, con người sống rồi chết, chết rồi đầu thai vào một trong sáu cõi phàm, rồi lại sống, đẻ rồi chết và cũng đầu thai lại một trong sáu cõi phàm ấy: luôn luôn như vậy không bao giờ ra khỏi, không bao giờ đứng nghỉ như chiếc bánh xe chạy tròn, không đứng.

c) Mục đích Đạo Phật: Mục đích Đạo Phật là giải thoát con người ra ngoài vòng sanh tử luân hồi, nghĩa là giúp con người chúng được một trong bốn bậc Thánh, tức là đã ra khỏi ngoài vòng sanh tử luân hồi, chúng được quả vô sanh.

IV) SỰ LUÂN HỒI CỦA MỌI VẬT:

Lý luân hồi là một luật chung lưu hành của tất cả sự vật, không riêng gì cho loài hữu tình.

1) Các loài thực vật. - Như cây vải, do hạt cây vải gieo xuống đất, mọc thành cây vải rồi có trái có hạt. Rồi đem hạt ấy trồng thành cây vải khác mãi mãi như vậy không bao giờ dừng nghỉ.

2) Mưa. - Nước biển do khí nóng mặt trời bốc hơi lên, hơi gặp khí lạnh đông lại thành mây, rồi rơi xuống thành mưa, nước mưa lại chảy về sông biển. Nước sông biển bốc hơi lên, làm mây, làm mưa, mãi mãi như vậy mà nước vẫn là nước, không bao giờ ở

mất hẳn.

3) Sức nóng: Sức nóng chứa trong cây, tìm chẳng gặp, trông chẳng thấy, song lấy hai cây chà xát, hồi lâu có lửa bật cháy. Lửa ấy đốt cây tạo thành thân khí, các cây khác hút lấy thân khí để chứa lại sức nóng như trước hoặc lửa chuyển sức nóng cho các vật khác, tạo thành nhiều công nghệ trong kỹ nghệ, nhưng sức nóng chứa bao giờ cũng tận.

V) NGUYÊN NHÂN CỦA LUÂN HỒI:

Sự sanh tử luân hồi của con người do những nguyên nhân sau đây:

1) Sức mạnh của nghiệp. - Con người sống ở đời là luôn luôn tạo các nghiệp về thân về miệng, về ý nghĩ, những nghiệp này tiếp nối nhau luôn luôn, tạo thành những sức mạnh dặt dãn con người sau khi chết rồi phải đầu thai để sống một kiếp khác. Sức mạnh của nghiệp đó càng ngày càng được tăng cường nối tiếp, nên con người luôn luôn phải sống trong sanh tử luân hồi. Có bốn thứ nghiệp thường hay dặt dãn con người đi đầu thai là Tích lũy nghiệp là những nghiệp tạo tác trong nhiều đời trước chất chứa lại, Tập quán nghiệp là những nghiệp tạo trong đời hiện tại, luôn luôn tiếp diễn nên thành thói quen, thành tập quán; Cực trọng nghiệp là những nghiệp quan trọng có năng lực tác động mãnh liệt hơn cả, nên chi phối tất cả và Cận tử nghiệp là những nghiệp lực gần lâm chung cũng rất mãnh liệt và dặt dãn con người đi đầu thai.

2) Lòng tham sống sợ chết và sự luyến ái của con người. - Không một ai là không tham sống sợ chết, nên trong khi lâm chung cố hết sức bám víu vào sự sống, tìm hết cách để cho khỏi chết, lại thêm lòng tham lam dục lạc chứa được thỏa mãn, thành thứ không lúc nào là không muốn sống để hưởng thọ những khoái lạc: Do lòng tham sống và lòng tham dục của con người nên khi phải bỏ xác thân này thì đi tìm một xác thân khác để thỏa mãn những sự ước vọng tham dục của mình.

3) Do sự mê mờ chấp trước. - Tất cả chúng sanh huân tập theo chỗ tạo nghiệp, không trực nhận bản tánh chân như bao la củ a vũ trụ, lại nhận cái biết nhỏ hẹp làm thân của mình, nhận cái sắc nhỏ hẹp làm thân của mình. Nào khác gì biển cả mênh mông không tự nhận, lại chỉ nhận một giọt nước, nhỏ là mình và cho đó là toàn thể biển cả

sống đã nhận lầm bọt nước nhỏ là biển thì quyết định không còn biết gì là biển nữa và do đó theo bọt nước mà bị biến diệt vô thường. Khi chúng ta đã nhận lầm cái nhỏ hẹp là tâm, là thân, thì phải theo tâm theo thân nhỏ hẹp này mà chịu sanh tử luân hồi.

VI) HÀNH TUỞNG LUÂN HỒI.-

Lối thọ sanh tùy theo hành nghiệp tác động sai khác không đồng nhau. Tùy tâm niệm sở thích, tùy hạnh nghiệp tạo tác mà thành những năng lực tác động rất mạnh, dắt dẫn con người đi đâu thái, và dắt dẫn vào đường nào thì sanh vào đường ấy, cõi ấy. Như hành nghiệp thuận thiện, luôn làm các việc thiện, tu hành 10 điều thiện thì được thác sanh vào cõi thiện. Nếu hành nghiệp thuận là ác, thì dắt dẫn thác sanh vào địa ngục vân vân. Kinh nghiệm cho chúng ta rõ ràng, khi lâm chung nếu khắp thân đều lạnh, hơi nóng dồn vào chân thì sanh vào cõi địa ngục, vào hai đầu gối thì sanh vào cõi súc sanh, ở nơi bụng thì sanh vào cõi ngạ quỷ, ở qua tim thì sanh vào cõi người, ở nơi con mắt thì sanh lên các cõi trời và ở trên đầu thì được sanh lên cõi Tịnh độ.

VII).- SỰ CHỨNG NGHIỆM LÝ LUÂN HỒI:

Lý luân hồi là một sự thực do Đức Phật đã trình bày, và sự thực này có nhiều bằng chứng lý lẽ chứng minh một cách rõ ràng:

1) Chính trong tứ tâm niệm, con người có thể trải qua trạng thái của sáu loài: Khi con người ôm lòng độc hại, thì cảnh địa ngục hiện khởi, khi người sanh lòng sân hận thì cảnh Tu la hiện khởi, khi người niệm điều thiện, thì cảnh giới nhơn thiên hiện khởi, không bao giờ sai chạy.

2) Cảnh giới của sáu loài nhiều khi không ở đâu xa, chính hiện tiền xung quanh cũng có thể thấy được: Trên cõi đất này, những ngục hình, những phòng tra tấn, những trại giam có những hình phạt như tra kẹp hành hình, chôn tấp, đổ nước sôi v.v... thì đó là cảnh giới địa ngục; chỗ nào bị chiến tranh tàn phá, bị chết dưới làn bom đạn thì đó là cảnh giới địa ngục. Lại đối với con của bị bỏ vào lỗ nước sôi, con luôn bị lột da đều phải sống trong cảnh giới địa ngục cả.

3) Thần đồng: Pascal trên 8 tuổi đã thông kỹ hà học, Bạch Cư Dị mới 5 tuổi đã biết

làm thơ, không thể là một sự ngẫu nhiên. Nhưng vì gọi là thần đồng đều do những đời trước đã từng có khả năng chuyên nghiệp về những môn gì, nên mới sanh ra là đã có những biệt tài siêu việt hơn người.

4) Các chuyện tiền thân: Các chuyện tiền thân do Đức Phật, các vị Bồ Tát thuật lại, một vài câu chuyện của một vài người nhớ lại kiếp trước, chứng tỏ rằng đã có rất nhiều kiếp trước, nghĩa là con người đã từng sống qua nhiều trạng thái trong sáu đường, trước khi sống trong đời hiện tại. Như ở Ấn Độ có người con gái mới 8 tuổi mà biết được chôn con gia quyến xử số của cô đời trước, là vì chính cô ấy trước đã có thân làm đàn bà rồi.

5) Sự thông cảm giữa người và người. - Có người, ta mới thấy liền sanh lòng thương yêu ngay, có người mới thấy liền sanh tâm ghét bỏ, có lẽ đó là vì nhiều đời trước chúng ta chung sống với người ấy, hoặc đã thương nhau, hoặc đã ghét nhau, nên đời này mới gặp liền có những niềm thiện cảm hay ác cảm mãnh liệt như vậy.

VIII: KẾT LUẬN:

Với đạo lý luân hồi Đức Phật đã nêu bày cho chúng ta rõ ràng: 1) nguyên nhân chính của sự đau khổ là mê mờ. Vì mê mờ mà tác động các hành nghiệp: do những nghiệp nhân ấy mà phải chịu sanh tử luân hồi.

2) Con người luân chuyển trong sáu đường đều tùy theo nghiệp nhân mà thọ quả báo, trong sự luân chuyển ấy, con người đã trải qua trạng thái của 6 loài, khi lên khi xuống tùy theo nghiệp nhân. Như vậy con người không phải là thông tri của muôn vật và rất có thể tùy theo từng tâm niệm mà giá trị con người khi cao khi thấp khập nhất định.

3) Con người đã thọ sanh trong sáu đường thối con người cùng với các loài đều có thể đáp đối nhau làm cha mẹ, và như vậy mọi chúng sinh đều là bà con anh em với nhau trong đại gia đình chúng sinh.

4) Đạo Phật nói đến luân hồi là giúp con người giải thoát ra ngoài sự sanh tử luân hồi.

(Còn tiếp)



QUỐC SỬ TẬP LỤC

Một bài sử Việt quan trọng

[Tài liệu đọc thêm]

2. Vua Hùng và nước Văn Lang



MẶC KHÁCH sưu lục



KHÁO VỆ NAM SỬ NƯỚC VĂN LANG:

Những vua đầu tiên nước Việt Nam hiệu là Hùng Vương. Sách Việt sử lược có nói rằng "Tục truyền có 18 đời vua đều gọi là Hùng Vương(1); và trước đó một nửa thế kỷ quyển Việt Điện u linh tập có kể một truyền hoang đường nói đến những vua Hùng Vương (1). Trước nữa, sách Thái bình hoàn vũ ký cũng có nói đến; và hai bản chép lại một đoạn ở sách Nam Việt chí của Thẩm Hoài Viễn soạn: "Đất Giao Chỉ rất phì nhiêu, vua nước đó hiệu là Hùng Vương"(2). Người Việt truyền tụng như vậy từ thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch tới ngày nay; và điều này có lẽ đúng. Nhưng có một điều khó giải: Sách Thủy kinh chú chép ở sách Giao châu ngoại vực ký (chữ không phải ở sách Nam Việt chí) cũng nói như vậy. Thế mà trong sách Giao châu ngoại vực ký(3) đáng lẽ chép là "hùng" thì lại thấy viết là "lạc". Hai chữ này rất giống nhau, nên dễ nhầm lẫn; lỗi ở tại người chép sách. Nhưng chữ nào đúng? May mà quyển Quảng châu ký, quyển sách cổ thứ ba, giúp ta giải quyết vấn đề đó. Sách ấy có chép chữ "lạc" viết không thể nhầm lẫn được(4). Vậy Hùng Vương mà người Nam truyền tụng là sai, phải bỏ đi: không bao giờ có Hùng vương mà chỉ có Lạc Vương thôi.

Lại ở trường hợp này, không những các tác giả Việt Nam nhầm, mà cả các sử gia Trung Hoa cũng nhầm nữa. Và lại, những sử gia Việt Nam cũng biết là sai, nhưng không dám chữa. Một người bình chú quyển Toàn th sử có viết rằng: "lạc tướng" về sau nhầm ra

là "hùng tướng"(5). Những người bình chú đó không nhận thấy là các vương hiệu cũng sai - thực vậy, sách Lĩnh Nam trích quái (mà đoạn trên kia của sách toàn thư, chỉ là đoạn tóm tắt) chép là "lạc hầu" và "lạc tướng", nhưng vẫn chép "hùng vương"(6), chứ không chép là lạc vương.

Tóm lại, ta kết luận rằng, theo các sử gia Việt Nam chép lại, tên nước "Văn Lang" (có lẽ là Bắc bộ ngày xưa), biên giới và những vương hiệu các vua trị vì này đều chép nhầm lẫn cả. Và ta nhận thấy rằng lỗi ở các sử gia Trung Hoa, từ đời nhà Đường: rồi sau này người Việt Nam lại nhầm khi sao chép các nguyên thư ấy. Tiếc rằng: không có thể biết một cách rõ ràng những nguyên thư Trung Hoa nào mà các sử gia Việt Nam đã dùng để biên chép.

Về cách tổ chức chính trị ở Bắc bộ trước thời Bắc thuộc(7) chúng tôi chỉ biết qua loa vài giọng (mà những sách cổ, kim đều sao lại cả). Sách Giao châu ngoại vực ký cuốn sách cổ nhất mà chép kỹ và rõ ràng nhất, soạn từ thế kỷ thứ 4, có viết: "Đời xưa khi nước Giao Chỉ chưa chia rành quận và huyện, thì lãnh thổ chia rành những cánh đồng gọi là "lạc điền"; trong những cánh đồng đó, nước lên, xuống theo thủy triều. Dân cư cày bừa những ruộng đó để sinh nhai: cho nên người ta gọi những dân đó là dân "lạc": các "lạc vương" và các "lạc hầu" cai trị các quận và huyện. Ở các huyện, có "lạc tướng". Đủi đời nhà Hán, mỗi lạc tướng lĩnh một cái ấn đồng có giấy chằng màu lục(8). Trong sách Quảng

châu ký (mà cuốn sử ký sách ảnh đã kê ra) cũng có một đoạn như thế, nhưng vẫn t ả t quá thành ra khó hiểu(9). Sau nữa, sách Việt Nam chí cũng có kể những việc đ ồng một cách hơi khác "Đất Giao Chỉ rất phì nhiêu Nhiều dân bị di cư đến đó. Họ là những người đầu tiên khai khẩn đất. Đất đen và bốc hơi lên mạnh lắm, nên bấy giờ, những cánh đồng đó gọi là "hùng điền" và dân là "hùng dân". Có một ông chúa gọi là "hùng vương": và vua "hùng" có các chức viên giúp việc gọi là "hùng hầu". Lãnh thổ đất "Hùng" thì chia ra cho các "hùng tướng" (10)

— M. Maspero —

(Trích ở Dân Việt Nam - Le Peuple Viet - namien số 1 tháng 5 năm 1948. Viên Đông Phương Bắc Cổ. Hà Nội, trang 6, 7, 8)

- (1) Việt điện u linh tập, t. 16a
- (2) Thái bình hoàn vũ ký, q. 170, t. 9a10a
- (3) Thủy kinh chú, q. 37, t. 7a
- (4) Sử ký, q. 413, t. 1b
- (5) Đại việt sử ký toàn thư ngoại kí, q. 1 t. 3a
- (6) Lĩnh Nam trích quái q. 1, t. 15a
- (7) Về đoạn nói về Hùng vương sách Đại Việt sử ký toàn thư chép ở quyển Lĩnh Nam trích quái liệt truyện và tóm tắt di đôi chút. Nhưng ở quyển Lĩnh Nam trích quái liệt truyện không thấy nói rằng những truyện thần tích chép lại lấy ở sách nào ra. Trong sách đó có vài tiếng Việt Nam, mà ít nhiều tiếng viết bằng chữ nôm (như tiếng vua trong truyện Lạc Long Quân), tỏ rằng những truyện đó ít ra ở một vài tr ợ hợp không chép ở sách Trung Hoa. Tôi cho rằng trong sách Lĩnh Nam trích quái Trần Thế Pháp đã sưu tập những truyện t h ả n tích liệt truyện hoặc những bản trích lục tiểu sử các vị thần hoàng làng ở Bắc bộ, cho nên các tài liệu là những truyện thần tích thời đó.
- Trái lại quyển Việt điện u linh tập bỏ những truyện đó mà thay vào những đoạn trích ở các cuốn sử ra. Tiếc rằng về cuối thế kỷ thứ 15 Vũ Quỳnh sửa đổi lại quyển Lĩnh Nam trích quái, thành ra không t h ể phân biệt được chỗ nào là nguyên văn, chỗ nào đã sửa lại. Theo quyển Việt điện u linh tập thì cuối sách Toàn thư có truyện thần tích Sơn tinh và Thủy tinh. Sách này cũng ghi rằng truyện đó trích ở quyển

Giao châu ký của Tăng Côn, viết vào cuối thế kỷ thứ chín.

(8) Thủy kinh chú, q. 37, t. 7a

(9) Sử ký, q. 113, t. 1b

(10) Thái bình quang ký, q. 482, t. 4a; xin xem cuốn Thái bình hoàn vũ ký q. 170, t. 9a, cũng có đoạn giống như vậy, nhưng không có đoạn đầu.



tiếng gọi quê hương

Tiếng gọi quê tôi
 Những câu ca dao
 Giọng hát ngọt lời
 Câu hò chơi vơi
 Bờ đê thơm cỏ
 Giã gạo dầy vơi
 Chiều bên mái gạ
 Mẹ ru trên nôi
 Lời ru vào đời.

Hàng tre xanh thăm
 Thương chim chào mào
 Cảnh vông hoa đỏ
 Bên chùa hôm nao
 Tiếng mẹ ngân cao
 Cho tròn giấc ngủ
 Giấc ngủ ban đầu
 Đẹp ánh trăng sao
 Gió đồng ngọt ngào

Bên giàn thiên lý
 Giọng hát thêm hương
 Nghe như tiếng gọi
 Tiếng gọi Quê Hương
 Vang xa đậm trưởng
 Hòa trên cây cỏ
 Vào vùng mây vờng
 Mặn tình biển cả
 Sông hồ yêu thương
 Tiếng gọi Quê Hương



Trần Đình

VIỆT NAM PHONG SỬ



(Kỳ 6)

Nguyễn Văn Mai bản dịch của Tạ Quang Phát

— Học Giả Mặc Khách sưu lục —

CHƯƠNG 23

*Lâm râm khấn vái Phật Trời,
Xin cho cha mẹ sống đời nuôi con.*

Thơ phong sử này thuộc phú.

Mẹ của Lê Đại Hành họ Đặng lúc mới thọ thai, chiêm bao thấy trong bụng sinh ra hoa sen, chốc lát thì kết hạt, bà liền lấy hạt chia cho mọi người, còn mình thì không ăn.

Đến khi sinh nở, bà Đặng thị thấy Lê Hoàn cô dáng khác thường, liền nói với người ta rằng: "Lúc trước tôi nằm mộng thấy trong bụng sinh hoa sen, đó là điềm sinh con quý, nhưng cô hạt mà không ăn, thì khi đứa trẻ này trưởng thành, tôi sợ sẽ không đự c hưởng lộc của nó".

Câu, phong dao này ý nói muốn kịp thấy con trưởng thành.

Mẹ của Đinh Tiên Hoàng là bà họ Đàm nuôi con ở Sơn động mà Đinh Tiên Hoàng thành bậc anh quân định quốc đô ở Hoa Lư.

Mẹ của Lý Thái Tổ là bà họ Phạm nuôi con ở chùa Tiêu Sơn (ở huyện An Phong phủ Từ Sơn) mà Lý Thái Tổ thành bậc linh chúa ở làng Cổ Pháp đã lập thành cơ nghiệp.

Vinh hiển thân mình để lấy đền cha mẹ, sau trước được rạng rỡ ở sử sách.

Như nay mộng ấy là mộng gì? Điềm phúc quả là như thế! Lộc hoa báo đáp là thế nào?

Về sau khi Lê Đại Hành lên ngôi Hoàng đế bà Đặng thị sớm đã tử trần. Giấc mộng thật không sai.

CHƯƠNG 24

*Con ai đem bỏ chùa này?
Nam Mô Di Phật, con thấy thầy nuôi.*

Thơ phong sử này thuộc phú.

Bắc Ninh có chùa Tiêu Sơn là một đại danh lam (cảnh chùa có danh tiếng nhất). Sư ông Lý Khánh Vân ở đây tu hành. Bên chùa có một trai phông (phông đọc sách?) thường dành cho khách hành hương ở trọ.

Lúc ấy Mẹ của Lý Thái Tổ bà họ Phạm, thưở đi chơi ở chùa Tiêu Sơn, nằm mộng thấy giao hợp với thần nhân mà thụ thai. Ngày tháng 2 năm Giáp Tuất (974) nhằm niên hiệu Thái Bình thứ 5 nhà Đinh, bà sinh ra Lý Thái Tổ. Lúc vừa mới sinh ra, bà Phạm thị liền bồng con đem đến chùa Tiêu Sơn. Sư ông Lý Khánh Vân nuôi Ngài làm con.

Ngài nhỏ bé mà thông minh, tư chất thanh tú lạ thường, lúc trẻ theo học với Sư Lục Tổ. Sư Vạn Hạnh thấy Ngài hiền quý trọng.

Khi lớn lên, Ngài làm quan cho nhà tiên Lê, làm lần thăng quan đến chức Điện tiền chỉ huy sứ.

Vua Lê Ngoại triệu băng, Ngài tự lập là m

vua(1) đặt niên hiệu là Thuận Thiên, đóng đô ở Thăng Long.

Lý Công Uân sinh ra thi sĩ Lý Khánh Vân nuôi dưỡng. Lý Công Uân nên cơ nghiệp thi sĩ Vạn Hạnh tạo thành.

Nam Mô A Di Đà Phật đã từng chứng minh công đức(đối với nhà Lý)hay chăng?.

(1) Lý Công Uân không phải tự lập 1 à m vua. Lúc bấy giờ lòng người oán hận vua Lê Long Đĩnh tàn bạo. Để thuận lòng dân, Đào Cam Mộc và sư Vạn Hạnh mới tôn Lý Công Uân lên ngôi.

CHƯƠNG 25

Ta trong cây khế ta ra,
Mình còn cạnh khế chi ta hối mình ?

Thỏ phong sứ này thuộc ty.

Trong triều thời vua Lê Ngoạ triều, Lý Công Uân làm chức Diên tiên Chi' huy sứ. Lúc ấy sấm sét đánh tét cây mộc miên, trong ruột cây có câu sấm :

Thụ căn yếu yếu
Mộc biểu thanh thanh.
Hòa đao mộc lạc,
Thập bát tử thành.
Đông a nhập địa,
Di mộc tái sanh.
Chân cung xuất nhật.
Đoài cung ân tính.
Lục thất niên gian,
Thiên hạ thái bình.

Dịch nghĩa

Gốc cây sâu tối,
Lá cây xanh xanh.

Nhà Lê(chữ hòa 和 chữ đao 刀) chữ mộc 木 hợp lại thành chữ Lê(變) rụng mất.

Nhà Lý(chữ thập 十 chữ bát 八 chữ tử 子 hợp lại thành chữ Lý 李) thành Thiên Tử.

Nhà Trần(chữ đông 東 chữ a 阿 hợp 1 a i thành chữ Trần 陳) vào làm vua trong nước

Cây khế lại mọc lên, chỉ nhà Hậu Lê lên làm vua.

Cung chân(phương đông thuộc mộc là có cây tức chữ 井 măng) mọc mặt trời(tức chữ nhật

日), nói nhà Mạc 莫 nổi lên.

Cung đoài là phương Tây 酉 ngôi sao ân, chỉ nhà Tây Sơn nổi lên.

Trong khoảng sáu bảy năm, chỉ nhà Nguyễn, (chữ lục 六 và chữ thất 七 hợp lại thành giống như chữ Nguyễn 阮) thì thiên hạ thái bình.

Sư Vạn Hạnh bàn luận riêng với Lý Công Uân: "Gần đây suy xét lời sấm thì thấy họ Lý phải nổi lên làm vua".

Vua Lê Ngoạ triều nghe được tin ấy, một hôm ăn trái khế, trong ruột thấy có hạt lý, biết rằng họ Lý sẽ nổi lên làm vua, mới sai người đi tìm kẻ nào họ Lý thì giết đi.

Còn Lý Công Uân ngày ngày thường ở một bên Vua mà vua không biết. Cho nên, người đứng thời mới đặt câu phong dao này để chế nhạo.

Nói lý và khế khác loài nhau, nhưng hạt lý lại ở trong ruột trái khế sinh ra, thật không thể liệu dò mà hiểu được. Đó là trời muốn như thế vậy. Tuy nhiên r ú t trái và nhỏ gốc(cây lý) cũng không 1 à m sao được, há lại như thế chăng?

(Còn tiếp)

tiếp theo trang 23

Nơi trong mỗi mỗi quang minh kia
Lại hiện mặt nhật bất khả thuyết...

.....
Hoặc lại ở trong một đầu lông
Bất khả thuyết KIẾP thương an trụ,
Như một đầu lông, khác cũng vậy
SỐ kiếp an trụ đều thế cả.
TAM đố vô ngại bất khả thuyết
Biến hóa chư Phật bất khả thuyết
Mỗi mỗi biến hóa các Như Lai
Lại hiện biến hóa bất khả thuyết,
Phật kia pháp thân bất khả thuyết
Phật kia phân thân bất khả thuyết
Trang nghiêm vô lượng bất khả thuyết
Qua đến mười phương bất khả thuyết
Thanh tịnh chúng sanh bất khả thuyết ...

Bài kệ A Tăng Kỳ này dài 15 trang... Có đôi lần, khi tụng xong bài kệ này, kẻ viết thấy bằng hoàng ngữ ngân, không hiểu mình là cái gì nữa. Thấy mình có lẽ cũng c h i' là một vong tướng huyền hoặc trùng trùng triển miên và bất khả thuyết.

TINH LIÊN NGHIÊM XUÂN HỒNG
(Trích tập Lăng Kính Đại Thừa)



truyện HÙNG ĐẠO VƯƠNG



[Kỳ 5]

Lê Văn Phúc và Phan Kế Bình soạn. In lần
thứ nhất tại Đông Kinh ấn quán Hà - Nội
năm 1914

Học Giả Mạc Khách sưu lục

HỒI THỨ NĂM

*Phạm Ngũ Lão gặp dịp tiên thân,
Trần Quốc Toàn cả gan nổi tiếng.*

Hùng Đạo Vương phân phát các vương hầu, tướng sĩ chia giữ các nơi đầu đây, còn Ngài thì đóng đại quân ở tại Vạn Kiếp. Mỗi ngày sai bốn con là Quốc Nghiễn, Quốc Ủy, Quốc Tạng, Quốc Nghệ, và các tể tướng là Dã Tượng, Yết Kiêu, Nguyễn Địa Lô, Cao Mang, Đại Hành, thao diễn quân thủy, quân bộ.

Các hào kiệt thiện hạ theo về với Ngài cũng nhiều. Một bữa Hùng Đạo Vương từ trại Vạn Kiếp vào kinh đô Thăng Long, đi qua làng Phú Ung (thuộc phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương) có một người tướng mạo khôi ngô, trạc ngoài 20 tuổi, đang ngồi xếp bằng tròn bên vệ đường đan sọt. Quân tiên-hồ đi đến, thét to: "Đứng đây...!" người ấy vẫn ngồi nghiêm nhiên như không. Quân lính tức mình cầm giáo đâm vào đùi cho một nhát, người ấy cũng không nhúc nhích. Khi xe Ngài đến nơi, thấy người kỳ ngộ làm vậy, mới cho đòi đến trước xe mà hỏi. Bấy giờ người ấy mới biết đùi mình bị đâm.

Hùng Đạo Vương hỏi rằng:

- Tên kia, tên họ là gì, quê quán ở đâu?
- Tâu Đại vương, tôi là người làng Phú Ung, tỉnh Hải Dương này, họ Phạm tên Ngũ

Lão, có nhà cạnh đây.

- Chớ sao ta đi qua đây, mà người cứ ngồi chững chặc làm vậy?

- Tâu Đại vương, tôi nhân trong bụng đang nghĩ một việc, vì thế Đại vương qua đây mà không biết, xin Ngài thứ tội cho.

Hùng Đạo Vương lấy làm kỳ, hỏi đến sự học hành, hỏi đầu trả lời đây, trôi trát như nước chảy, lục thao, tam lược, cùng kinh truyện, không sót chỗ nào.

Hùng Đạo Vương mừng lắm, sai lấy thuốc dầu rịt vào chỗ đau, rồi cho ngồi một xe sau, đem về kinh đô.

Phạm Ngũ Lão nguyên là người văn võ kim toàn, có chí tử thối nhỏ. Thường hay ngâm một bài thơ như sau này:

*Ngọn giáo non sông trái mây thâu,
Ba quân hùng hổ át sao Ngâu.
Công danh nếu để còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe truyện Võ Hầu!*

Khi ấy Hùng Đạo Vương đem Phạm Ngũ Lão vào châu, tiến lên thiên tử, dùng làm quan vệ sĩ. Các vệ sĩ không phục, xin đầu sứt. Ngũ Lão xin cáo về nhà ba tháng thu xếp việc nhà, rồi sẽ xin đầu sứt và lĩnh chức.

Ngũ Lão về đến nhà, mỗi ngày ra đồng, tìm chỗ nào có gò cao tập nhảy, cách vài mưới thước, nhảy vọt như không. Lập thành rỗi vào thi, đầu sứt với các vệ sĩ, tay đâm,

chân đá, nháy nhót như bay, hàng mây trăm lúc sĩ xúm vào đánh một mình không nổi, từ bấy giờ chúng mới phục.

Vua thấy người có tài, cho theo Hưng Đạo vương về Vạn Kiếp giúp việc quân nhung. Hưng Đạo vương biết Ngũ Lão là người văn võ kiêm toàn, mặt mũi khôi ngô, đang trạc tuổi trẻ, có lòng yêu mến, cho làm đ ả n anh cả bọn tì tướng bộ hạ.

Dã Tượng, Yết Kiêu cậy mình có sức khỏe và hầu Hưng Đạo vương đã lâu, thấy Ngũ Lão còn trẻ mà được làm đàn anh mình, không phục, xin tình nguyện thi võ nghệ. Hưng Đạo vương cũng nhân thế muốn xem võ nghệ các tướng, mới mở một trường đấu võ ở ngoài trại cho các tướng thi tài.

Hôm sau, Hưng Đạo vương thân ra trường diễn võ, các tướng mặc đồ nhung phục đứng sắp hàng hai bên, trong trường để 10 quả tạ, mỗi quả nặng 100 cân. Cách ngoài cửa trại 100 bước, cắm một lá cờ thêu hồng tâm ở giữa làm đích bắn. Xung quanh dàn cắm kiếm kích chính tề.

Hưng Đạo vương truyền rằng:

- Các tướng ai muốn thi võ, trước hết phải xách hai quả tạ đi lại được 100 bước.

Nói vừa dứt lời, Cao Mang ra trước, hai tay xách hai quả đi lại vừa được 100 bước thì buông. Đại Hành, Nguyễn Địa Lô bước ra cũng xách đi lại được 100 bước. Kế đến Yết Kiêu thì được 120 bước. Bốn người xách xong, đều đứng thở nhọc một hồi. Dã Tượng bước ra nói rằng:

- Các chú hèn lắm để ta đi cho mà xem! Nói xong hai tay xách hai quả, lại cấn một quả vào hàm răng, cứ thông thả đi lại vừa được 150 bước, mới bỏ xuống. Các người xem xung quanh, ai cũng vỗ tay khen là giỏi.

Phạm Ngũ Lão chạy ra nói rằng:

- Thế đã lấy gì làm giỏi mà khen. Lập tức cũng xách hai quả và cấn một quả vừa nhắc lên, giương thẳng hai cánh, rồi mới buông xuống, cũng đi thông thả, vừa đi vừa lại được 160 bước, lúc gần bỏ xuống cầm hai quả tung lên cao một trượng. Chúng đứng xem reo ầm ả lên.

Hưng Đạo vương gọi cả các tướng đến trước mặt bảo rằng:

- Các tướng sức lực tuy có kẻ hơn người kém, nhưng cũng giỏi cả, vậy ta thưởng cho mỗi người một cốc rượu. Bấy giờ các tướng bắn tên, ai bắn trúng hồng tâm, luôn ba phát, thì ta sẽ thưởng cho một tấm lụa.

Các tướng lĩnh rượu uống xong, cầm cung lên ngựa đứng chờ đôi bên vệ đường.

Phạm Ngũ Lão nói rằng:

- Đại vương truyền làm vậy, ai giỏi thì ra mà bắn đi.

Yết Kiêu quất ngựa ra trước, chạy điểu một vòng, rồi đến chỗ cũ đứng bắn, giương cung bắn ra một phát, tin giữa hồng tâm, lại bắn luôn hai phát nữa, thì một phát tin vào vòng ngoài, còn một phát tin vào lá cờ. Cao Mang thấy vậy chạy ra, cũng bắn luôn ba phát, hai phát vào giữa, một phát ra ngoài.

Nguyễn Địa Lô thấy hai người bắn tuy có tin, nhưng không được tin cả, mới giương cung quất ngựa ra, quất lên rằng:

- Xem ta bắn đây này!

Nói dứt lời, cung bật tách một tiếng, tin ngay vào giữa hồng tâm. Chúng đứng xem reo ầm ả lên. Phút lại thấy hai mũi tên nửa bay đến, cũng cắm vào cả một chỗ. Ai nấy trông thấy cũng ngạc nhiên, khen là giỏi.

Bỗng lại thấy một ngựa nhảy ra, chạy đi chạy lại, ba bốn dạo, có một tướng ngồi trên ngựa giương cung đặt tên hồ lên rằng:

- Trông tên của Dã Tượng!

Nói đoạn, bắn luôn ra ba phát, hai mũi tin giữa hồng tâm, còn một phát, phải lá cờ bay tạt ra một bên, mũi tên vụt ra ngoài. Chúng cười ầm ả lên, Dã Tượng có ý then trở vào. Phạm Ngũ Lão lấy lời khuyên giải nói rằng:

- Tướng quân bắn thế đã là giỏi đây, giá không có gió bay lá cờ thì làm gì mà chà tin cả.

Dã Tượng tướng nói khẩy mình, mới phất bản lên rằng:

- Thôi! Tôi hèn! Nhưng còn anh đây, anh thử bắn đi cho tôi xem.

Phạm Ngũ Lão tủm tỉm cười nói rằng:

- Cái gì, chứ nghề bắn thì tôi khi kém, xin các anh miễn chấp cho.

Dã Tượng nhất định không nghe, cõ ép phải ra bắn. Phạm Ngũ Lão bấy giờ mới cưỡi ngựa cầm cung đi ra, đến chỗ cắm cờ, xem các mũi tên, thì thấy bảy tám mũi tên đã cắm đều cả trong hồng tâm, mới quay ngựa chạy đi, vừa chạy vừa quay mặt bắn lại đằng sau, bật ra ba phát, mỗi phát tổng một mũi lên kia ra ngoài mà bắn vào lỗ cũ.

Tướng sĩ trên dưới cùng là người đứng xem, ai cũng vỗ tay reo ầm ả, lắc đầu le

lưỡi.

Hưng Đạo vương cũng khen:

- Tài này không kém gì Giương-do-Cơ (là người có tài bắn dơi chiến quốc).

Phạm Ngũ Lão chạy ngựa lại trước c h ỗ Hưng Đạo vương ngồi, reo lên rằng:

- Tâu Đại vương, tên này có đáng thưởng tấm lụa không ạ?

Hưng Đạo Vương sai đem tấm lụa rathường sức thấy Dã Tượng chạy đến, trồn mắt lên nói rằng:

- Đã đành anh bắn giỏi, nhưng anh có dám đấu kích với tôi không?

- Làm gì mà không dám.

Hai người liền tề ngựa ra giữa trường, đấu kích với nhau ước chừng 50 hợp. Dã Tượng tuy khỏe, nhưng không tinh nhanh bằng Ngũ Lão, chông đỡ dần dần không nổi cầm rê ngon kích tề ngựa chạy ra ngoài. Ngũ Lão sẵn vào đuổi theo, các tướng ở cả vào cản lại. Từ bấy giờ Dã Tượng và các tướng ai cũng phục Ngũ Lão.

Hưng Đạo vương sai mở tiệc cho các tướng uống rượu, rồi thưởng cho Ngũ Lão một tấm lụa và 50 lạng bạc; còn các tướng cũng thưởng cho mỗi người 30 lạng bạc. Tiệc đang vui vẻ, sức có tin về báo rằng:

- Thái tử bên Nguyễn là Thoát Hoan hội quân ở Hồ Quảng, sắp sửa kéo sang mặt Lạng Sơn.

Hưng Đạo vương vội vàng sai người phi báo về kinh đô, một mặt điều binh sai tướng kéo lên mặt Lạng Sơn phòng giữ.

Vua Nhân Tôn được tin phi báo, có ý lo quân ta không địch nổi, sai Trung đại phu là Trần Phủ mang đồ lễ sang sứ bên Nguyễn xin hoãn binh, để thưởng nghị lại.

Nguyễn chúa không nghe, sai Thoát Hoan cử việc tiến binh sang.

Vua thấy Nguyễn triều không nghe, lập tức cho triệu cả các bộ lão dân gian hội tại đền Diên Hồng, hỏi rằng:

- Quân Nguyễn kéo đến đây, nên hòa hay là nên đánh, các cụ già nghĩ làm sao?

Các bộ già ai nấy đồng thanh tâu lên rằng:

- Muốn tâu bệ hạ, nên đánh!

Vua thấy dân gian ai cũng đồng lòng, bấy giờ ý mới quyết.

Nói về Thoát Hoan phụng mệnh Nguyễn chúa sai Toa Đô, Đường Ngột Đai, dẫn 10 vạn quân thủy đi đống Quảng Châu, men qua bể sang Chiêm Thành, còn mình thì kéo quân đến ai quan, cho người đưa thư sang trước, nói là muốn đống sang đánh Chiêm

Thành.

Vua bảo sứ giả rằng:

- Tự bản quốc sang Chiêm Thành, đ ứ b ờ ng thủy, đ ứ ờ ợc, không có đ ứ ờ ợc nào tiện. Sứ giả lạy từ trở về, nói với Thoát Hoan. Thoát Hoan nổi giận, thúc quân kéo tràn đến đầu địa giới Lạng Sơn, Hưng Đạo vương liền dẫn quân ra phòng giữ các mặt.

Thoát Hoan lại sai quân Bá tổng tên là A Lý đến dụ rằng:

- Bản s ứ ợc chuyên này chỉ nhờ đ ứ ờ ợc Nam quốc, sang đánh Chiêm Thành, ch ớ không có bụng nào đâu mà ngại. Nam quốc nên mở cửa ai cho quân bản s ứ ợc đi, h ể đi đến đâu, nhờ giúp cho ít nhiều lương thảo, khi nào phá xong Chiêm Thành, sẽ có trọng t ả về sau. Nếu bằng kh ớ ợc thiên binh, thì bản s ứ ợc quyết không dong tình, phá tan b ờ c ờ i, bấy giờ dù h ớ i lai cũng không kịp. Hưng Đạo vương nổi giận m ớ ợc rằng:

- Đ ờ i tanh h ớ i kia! Ch ớ a m ớ ợc muốn đ ứ ờ ợc meo gi ợc đ ờ i đ ể ợc quốc (Nước Tân m ớ ợc đ ứ ờ ợc nước Ngu, sang đánh nước Quốc, lấy đ ể ợc nước Quốc rồi, lại quay về lấy nước Ngu) đ ờ i thế nào đ ể ợc tao? Đ ớ ợc lẽ tao c h ớ ợc đ ể ợc m ớ ợc đi là phải, nhưng tao không chấp chỉ đ ể ợc nhỏ m ớ ợc, tao h ớ ợc m ớ ợc m ớ ợc m ớ ợc về báo với chủ s ứ ợc nhà m ớ ợc, tha h ớ ợc cho đến đây mà đánh, đây tao không sợ.

Nói đoạn, sai người lôi A Lý đuổi ra.

A Lý xấu hổ lui thủ trở về, thuật truyện lại với Thoát Hoan. Thoát Hoan giận lắm, kéo quân vào mặt Lộc Châu (thuộc Lạng Sơn). Hưng Đạo vương đóng đại quân ở núi Kì Cấp (tức là phố Kì Lửa), sai đại tướng là Lê phụ Trần giữ ai Khả Li, Nguyễn Khoái giữ mặt Lộc Châu; Yết Kiêu thì đóng chiến thuyền ở bến Bãi tấn giữ mặt thủy.

Thoát Hoan thấy quan quân giữ hết các mặt, mới sai Ô Mã Nhi dẫn 3 vạn quân đánh ai Khả Li; Trương Ngọc dẫn 3 vạn quân đánh mặt Lộc châu; còn mình thì dẫn đại quân đến đánh núi Kì Cấp.

Thoát Hoan dàn trận cách núi Kì Cấp 10 dặm. Hưng Đạo vương cũng đem quân ra dàn trận. Thoát Hoan cưỡi ngựa đứng trong cửa cờ, hai bên dàn ra 10 viên chiến tướng. Trận bên này thì Hưng Đạo vương cưỡi ngựa đứng giữa, tả thì Phạm Ngũ Lão cầm siêu, hữu thì Dã Tượng cầm kích.

Thoát Hoan ra ngựa trước trận, hét rằng - Thiên triều hoàng đế, muốn đống sang Chiêm, làm sao dám ngăn trở?

Hưng Đạo vương cũng ra trước trận, m ớ ợc

rằng:

- Mày vô cớ xâm phạm nước tao, giã danhra
mượn đường; tao phụng mệnh ra đây phòng
giữ, mày biết thân phải rút quân về cho
mau, thì hai bên lại hòa hảo như trước;
nếu thị hùng đi liêu, thì chúng mày không
còn mảnh giáp mà về nước.

Thoát Hoan nổi giận, sai đại tướng là Phan
Tiếp ra đánh. Bên này Phạm Ngũ Lão m ú a
siêu quất ngựa ra tiếp chiến. Hai tướng
đấu nhau dư trăm hợp, chưa phân thắng phụ
A Bát Xích bên trận Nguyễn thấy Phan Tiếp
đánh không đỡ Ngũ Lão, mới cầm kích thúc
ngựa vào đánh hồi. Dã Tượng vội vàng cũng
múa kích ra chặn lại. Bốn tướng xông đột
đánh nhau, trống trận kêu vang như sấm,
Phan Tiếp dần dần không địch nổi Phạm Ngũ
Lão, quay ngựa chạy về, Ngũ Lão sấn v à o
đuổi theo. Các tướng bên Nguyễn xô cả ra
đánh. Bên này Hưng Đạo vương liền t h ú c
quân kéo tràn sang tiếp chiến. Quân Nguyễn
xô nhau mà chạy. A Bát Xích xuyết nửa bị
Dã Tượng tóm được. Quan quân đối đánh một
trận cực rát, quân Nguyễn tổn hại r ấ t
nhiều.

Thoát Hoan dẫn bại quân chạy một thời,
bỗng đứng thấy trong rừng trống đánh thủng
thùng, có một tướng trẻ tuổi kéo một đạo
quân ra chặn đường; trên cờ đề sáu c h ữ
"Phá cường địch, bảo hoàng ân". Thoát Hoan
khinh tướng ấy còn trẻ tuổi, sai một t ì
tướng ra đánh, vuã giao phong được v à i
hợp, tên tì tướng bị đâm chết quay xuống
ngựa, tướng ấy thừa thế đánh tràn vào. Bấy
giờ quân Nguyễn vừa mới bại trận, lại gặp
phải đám này, ai nấy kinh hồn lạc phách,
lầm lảm tháo đường mà chạy, không còn bụng
nào dám đánh, chỉ có liều chết vào c ứ u
độc Thoát Hoan chạy trốn. Tướng ấy l ạ i
đuổi đánh một thời nữa, rồi mới thu quân.
Tướng trẻ tuổi ấy nguyên là Hoài-văn-hầu
Trần Quốc Toản, từ khi trước cầm tũc không
được dự bàn, trơ về mao quân may cỡ, chức
đi đánh giặc. Khi bấy giờ phụng mệnh vua
dẫn quân lên giúp Hưng Đạo vương. Đi đến
nửa đường nghe tin Hưng Đạo vương đang
chống nhau với quân Nguyễn ở núi Kì Cấp,
mới dẫn quân đi xuyên đường rừng, c h ứ c
đánh tập hậu. Qua nhiên gặp quân Nguyễn
bại trận chạy qua, mới thả quân ra đánh
một trận, bắt được khí giới của giặc rất
nhiều.

Trần Quốc Toản thu quân về núi Kì Cấp ra
mặt Hưng Đạo vương, thuật hết lại căn do,
và nộp đồ binh khí bắt được.
Hưng Đạo vương cá mừng khen rằng:

- Ô! cháu còn ít tuổi, mà đã cả gan anh-
hùng như vậy, cũng là hồng phúc nhà nước
đây. Mỗi luu ở lại dưới trướng đề s a i
khiến.

Thoát Hoan bị thua một trận căm tức vô
cùng. Sáng hôm sau lại khởi 20 vạn quân
đến đánh núi Kì Cấp. Hưng Đạo vương dẫn
Phạm Ngũ Lão, Dã Tượng, Cao Mang, Đại Hành,
Trần Quốc Toản ra trận. Thoát Hoan s a i
A Bát Xích ra ngựa. Bên này Trần Q u ố c
Toản nháy vót ngựa ra trước. Hai tướng
đánh nhau bảy tám mươi hợp, chưa ai kém
ai. Bỗng nhiên trống nổi âm âm, quân Nguyễn
chia làm hai cánh đánh áp lại. Hưng Đạo
vương vội vàng cũng chia quân làm h a i
ngã ra cự địch. Đồi bên đánh nhau lôn bậ,
Quốc Toản một ngựa một thướng đi đến đầu
đánh giạt ra đến đây. Quân Nguyễn dần dần
núng thế lại chạy. Hưng Đạo vương thúc
quân đuổi theo, hơn 20 dặm mới thôi.
Hưng Đạo vương thu quân về núi, khen Quốc
Toản tài sức hơn người và có bụng trung
nghĩa khảng khái, thướng cho một thanh
gươm cần và một con ngựa chiến. Quốc Toản
lĩnh thướng, tạ ân trở ra. Từ bấy g i ờ
Quốc Toản nổi tiếng anh hùng, các tướng
ai cũng có bụng kính trọng.

Có thơ khen rằng:

*Giới thay! Trần Quốc Toản,
Tuổi trẻ đủ cam đảm.
Độc bụng bảo hoàng ân,
Cả gan bình quốc nan.
Cơ bay, giặc hải hùng,
Giáo trở, quân tan gian.
Lung lẫy tiếng anh hùng,
Giới thay! Trần Quốc Toản.*

Thoát Hoan thua luôn hai trận, lại càng
thêm tức, nghĩ sức quân của mình gặp mấy
quân nước Nam, mà té ra mỗi bắt đầu giao
phong đã liền thất lợi, thì còn mặt n à o
mà nhìn đến người Trung Quốc, mới triệu
các tướng đến hội nghị, định lại khởi thêm
quân đến đánh.

Sức có một tướng bước ra thưa rằng:

- Xin Thái tử khoan tâm, tôi có một kế này
dự phá được giặc.

Đó là:

*Dùng sức không xong dùng đến mẹo,
Phá đầu chẳng được phá sau lưng.*

Chưa biết người hiền kẻ là ai, mà kẻ thế
nào, sẽ xem hồi sau phân giải.

(còn tiếp) _____





Đường không biên giới

— Thích Như Điền —

(Kỳ 1)

Sau thiên ký sự về Phi Châu, Úc Châu và Mỹ Châu có nhiều bạn đọc hỏi thúc nên viết về Âu Châu và Á Châu, vì sau những lần đọc qua "Đường về Nam Cực" và "Đường qua xứ tuyết" vẫn còn mong mỏi đi du lịch cho hết năm châu, mà châu nào cũng phải có cái đặc biệt của nó, nên hôm nay tôi bắt đầu viết lại về những chuyện đi ở những châu trên.

Đối với những người sống tại Âu Châu có lẽ mong mỏi biết về Mỹ Châu hay Úc Châu nhiều hơn, ngược lại những người sống ở ngoài Âu Châu mong hiểu về Âu Châu, nên bài viết này dành riêng cho những độc giả ngoài Âu Châu vậy.

Thật ra, về Âu Châu tôi đã viết rồi, viết từ khi tôi mới "ngỡ ngàng" đặt chân đến phi trường Hamburg của Đức sau 18 tiếng đồng hồ bay từ Nhật Bản qua Alaska cách đây gần 5 năm về trước, nhưng những gì ghi vội lúc ban đầu hôm nay nhận thấy còn thiếu sót khá nhiều, nên viết lại một lần nữa để làm quà cho những vị ở xa.

Còn về Á Châu, cũng đã viết rồi, viết cách đây hơn 7 năm về trước và đã đăng trong tạp chí Khuông Việt xuất bản tại Tokyo về phong tục, tập quán, ngôn ngữ, tôn giáo, giáo dục, văn hoá, tập tục v.v. của Nhật Bản, hay gần đây nhất trong quyển "Giọt mưa đầu hạ" do chùa Khánh Anh tại Paris xuất bản, cũng đã trình bày rất nhiều về Á Châu, nói mà tôi đã được dưỡng sinh ra, làm việc, học hành, tu niệm... nhưng để khởi phụ 1 ở n g

bạn đọc, sẽ cố gắng ghi chép lại thiên ký sự Á Châu, sau khi viết về Âu Châu chấm dứt.

Ngày xưa khi còn là một chú Tiểu đang tu niệm trong một ngôi chùa Tổ Đình tại miền Trung xứ Việt, tánh tôi thường hay cãi bướng. Vì vốn sinh ra từ Quảng Nam, nên bị cái bịnh ấy. Vì ông bà ta vẫn thường nói là:

" Quảng Nam hay cãi
Quảng Ngãi hay lo
Bình Định hay co
Thừa Thiên nịch hết".

mà quả thật là như vậy, nếu ai đó lỡ sinh làm người Quảng Nam thì khó phải nói, vì cãi dữ lắm. Thờ ăm của người Quảng Nam cũng nặng vô cùng, nhất là những vùng ở Sơn Khánh, Sơn Thanh ở Quận Quê Sơn, hay Quận Duy Xuyên v.v. và người Quảng Nam đi đâu cũng bị nhái tiếng, họ khó chịu lắm, vì họ vẫn quan niệm rằng: "Chém cha không bằng pha tiếng". Tuy nhiên người Quảng Nam thì chất phát thật thà vô cùng. Chỉ cãi đâu hơi "cứng" một tí xíu thôi.

Chẳng vì thế mà một chú tiểu năm xưa năm xưa thường hay bị Thầy Bôn Sư quở rằng: "Đa văn hữu khổ". Văn ở đây không còn là sự nghe, sự thấy hay văn chương thi phú, mà là sự cãi bướng của tôi, nên Thầy Bôn Sư thường hay bảo rằng: "Mới học có mấy chữ mà đã giở trò, đầu cho con có học bao nhiêu cái bằng cứ nhân, tiên sĩ đi chẳng nữa, cũng không bằng bài kinh BÁT NHÃ đầu con".

Lúc ấy tôi nghe lời dạy của vị Thầy khá

kính chỉ biết cúi đầu đi về nói hậu liệu để nghiêm lại thứ lỗi của Thầy mình có đúng hay không, nhưng ý nghĩa thâm thúy của hai chữ "Bát Nhã" vẫn chưa hiểu được mặc dù vẫn đọc tụng hằng ngày mỗi khi dâng cúng Phật, cúng quá đường, hay thời kinh Tịnh Độ và công phu khuya. Nhìn vào chữ Hán thầy người ta viết chữ "Bàng Nhược" mà đọc ra âm tiếng Việt là Bát Nhã kê' cũng lạ kỳ. Nếu đọc Ma Ha Bằng Nhược Ba La Mật Đa tâm kinh có lẽ khó nghe haysao mà quý tổ sư đã cho đọc lại là "BÁT NHÃ", chữ chữ Phạm thì "Maha Pragna Paramitta - Sutra" là nguyên ngữ rồi đó, nhưng nghe vị Thầy khả kính dạy vậy hay vậy thôi chứ không dám cãi nữa. Vì cái học của Á Đông mình xưa nay vẫn là vậy. Học là học lại sự hiểu biết của vị Thầy, chứ ít có khả năng phát hiện trí thức của mình bằng sự nghiên cứu hay tự học hỏi. Còn Âu Châu thì ngược lại.

Đương nhiên chú tiểu thuở xưa không phải là bây giờ, nên càng ngày lời nói của Thầy tôi thấy càng hiệu nghiệm và thâm thiá hơn.

Sau bao nhiêu năm học tập với sách đèn, với kinh với kệ, với mõ với chuông hay với cái gì cũng đạt được những cái BÁT NHÃ - cái Trí Tuệ Siêu Việt chưa đạt được, nên mới thấy lời Thầy là đúng và chẳng sai tí nào. Vì Pháp Phật rất nhiệm màu và là vua trong các pháp thế gian này nên đâu có cái gì để mà sánh kịp. Thật là "Bất khả thuyết, bất khả thuyết, bất khả tư nghì"...

Mà thật thế, đã có biết bao nhiêu Thượng Toạ, Đại Đức Tăng Ni đã đổ biết bao nhiêu cái bằng Cử nhân, tiến sĩ hoặc trong hay ngoài nước về thế học cũng như đạo học, nhưng có một vị nào dám rời bài kinh BÁT NHÃ ra đâu. Bài kinh chỉ vón ven có 260 chữ nhưng chứa đựng cả một triết lý về tánh KHÔNG của nhà Phật thật viên dung vô ngại - Cái gì cũng không hết cả - thì cái bằng cử nhân, tiến sĩ nó cũng sẽ là không, nếu có ai đó chấp Có là chưa đạt được trí tuệ siêu việt của Bát Nhã rồi đó. Đó là người xuất gia, còn quý vị Phật Tử tại gia cũng vậy, đi đến chùa đừng có mang cái bằng Bác Sĩ hay Cử nhân của Quý Vị trình với Phật, vì Phật không có thừa nhận đâu, nếu có là cái thế học của Quý Vị, chứ Đạo học không cần và trước khi vào chùa nên để nó trước cổng chùa để cho chùa

được trang nghiêm thanh tịnh. Chứ vào chùa còn mang tâm niệm ngày xưa (hay bây giờ) tôi là ông này, tôi là bà nọ, thì chắc suốt đời cũng không thể thấy Bát Nhã đâu cả đây. Lại còn có nhiều vị, Bát Nhã đã không thấy, mà thấy toàn là những Nghiệp chướng nặng nề, quả thật là khổ tâm. vì:

Sân si nghiệp chướng không chừa,
Bo bo mà giữ tương đưà làm gì?

Có người thì hiểu Đạo một cách lơ mờ, rồi chuyện có nói không, chuyện không nói có, bịa đặt ra chuyện này, phao tin ra chuyện nọ, mà toàn là những chuyện không đâu, nó không có liên quan gì đến chuyện Giác Ngộ Giải Thoát cho mình cả, mà lại thuộc lâu, còn bài kinh Bát Nhã thì không thuộc và cũng chẳng thực hành theo. Nếu có hỏi họ tại sao vậy? thì được nghe trả lời rằng chữ Tàu khó hiểu quá. Khó thì thật là khó, nhưng không phải là khó. Chứ việc tìm tòi chuyện sơ hở của kẻ khác, hoặc ngòi lê dòi mách cũng là một chuyện khó vậy. Vì có chiu khó nghe người này nói qua, người kia nói lại, mới thuộc nằm lòng được chớ, rồi lại càng phát minh thêm những điểm mới nữa, thêm chỗ này, bớt chỗ kia, tạo cho câu chuyện thêm hấp dẫn và ly kỳ, thì người nghe mới há dạ, và bắt đầu đi nói lại với người khác nữa chứ! Nếu mà chánh pháp của Đức Phật hay trí tuệ Bát Nhã của chính mình được truyền sâu rộng như vậy thì e rằng mọi người đã Giác Ngộ hết rồi, chứ Ngài Địa Tạng đâu có cần ở mãi dưới Địa Ngục để chờ cứu những chúng sanh mê muội ấy. Nên vì trí tuệ Siêu Việt của bài kinh Bát Nhã mà đến chùa hay học Đạo, chứ đừng vì Nghiệp - chướng mà làm cho thân và tâm ta phải dày dọạ.

Bắt đầu nói đến Âu Châu phải nói về "Trung tâm của vũ trụ" trước. Đó là Paris - kinh đô của ánh sáng, nhưng người Đức cũng nói rằng Munich - München mới là trung tâm điểm của Âu Châu kia, như vậy dân tộc nào cũng có cái tự hào của họ và dân tộc Việt Nam chúng ta cũng chỉ thế thôi, và 4.000 năm lịch sử cũng bắt đầu từ sự tự hào này vậy?

Nói như Nguyễn Công Trứ đã mượn lời của người xưa cũng đúng:

Nhón sanh từ cổ thủy vô từ

Lưu thủ đan tâm chiếu hán thanh"

Nếu ai đó trong chúng ta đã ở Đức rồi thì có lẽ những ngôn ngữ, phong tục, tập quán, tôn giáo, văn hóa chắc không có gì lạ cả, nhưng những vị còn ở xa tận cực nam của ai dia cầu như châu Úc, hay cực Bắc như Alaska, hoặc cực Đông như Sénégal của châu Phi v.v., đều mong muốn có lần được đi t chân đến Đức để xem thử nơi đây có gì lạ và đây là những cái hay cái lạ của người Đức.

Đức có món ăn đặc biệt là bánh mì đen mà người Việt Nam chúng ta nuốt chưa bao giờ trôi qua khỏi cổ, có đời sống hơi tự hào hơn những dân tộc khác trên thế giới là cần cù làm việc để đi du lịch khắp nơi. Đức chỉ có Đại Học công lập chứ chưa có một Đại Học tư thục nào cả. Toàn thế nước Đức chỉ có chừng 30 đến 40 Đại Học tổng hợp, chẳng bù với Nhật hay Mỹ có cả hơn 950 Đại Học vừa lớn, vừa nhỏ, vừa Đại học ngắn hạn và Đại học dài hạn, và tư lập ở Mỹ hay ở Nhật nhiều hơn là công lập. Đức lạnh lùng, người Đức trầm lặng. Đức thích sống về nội tâm nhiều hơn là phô trương bề ngoài như người bạn láng giềng Pháp ở bên cạnh v.v.. chúng đó chuyện cũng d ù làm cho người Việt Nam chúng ta khó c ó thể thích hợp rồi. Khó vì ta ăn cơm nóng mà họ bao giờ cũng ăn bánh mì lạnh , vì ngôn ngữ và cách phát âm của ta dùng giọng mũi mà họ thì dùng giọng cổ và tử âm lại nhiều hơn mẫu âm và dùng đ- âm chứ không độc âm như tiếng Việt Nam. Xử ta là x ù nóng, tất cả mọi sinh hoạt đều ở ngoài , ngược lại người Đức cái gì cũng lo ngổicu rú ở trong nhà. Có lẽ Nguyễn Khuyên sống tại Đức thì thích hợp hơn. Vì ông thường hay chủ trương rằng: "ngoại diện bất cầu như mỹ ngọc, tâm trung thường tựa tự kiên kim" như trong bài Mẹ Mốc mà ai đã một lần học qua chúng trình đề nghị tại Việt Nam đều có học đến. Người Đức, hay nói d ù n g hơn người Tây phương sống có tính cách cá nhân và tiểu gia đình, trong khi d ó người Việt Nam chúng ta, hay nói đúng hơn người Á Châu sống có tính cách đại g i a đình.

Ở đây hình như "mặt trời không bao giờ có thật", một năm chỉ được có mấy ngày nắng mận nồng, trong khi đó tại quê hương t a nắng quá đủ thừa. Ở đây người ta bắt tay thân mật đầu nam hay nữ, nhưng người Việt Nam chúng ta cung hai tay lại và khề củi đầu. Đó là lễ phép, chứ không gục đầu quá

nhiều lần như Nhật Bản. Những người T â y phương hay người Đức thì lý luận rằng : "bắt tay là để chúng tỏ trong tay của họ không có dấu những vật nguy hiểm có hại cho đối phương - họ ít đánh nhau bằng tay chân, nhưng bằng mồm và bằng tư tưởng (đủ nhiên đề nhất thế chiến 14-18 và đề nhì thế chiến 39-45 họ đã dùng đến khí giới, nhưng có lẽ vì bại trận như Nhật hồi đề nhì thế chiến, nên ít ai muốn nói đến khí giới, nhưng trong hòa bình nước nào l a i chẳng chuẩn bị cho chiến tranh. Đó là cái vòng lẩn quẩn của con người còn trong vòng luân hồi sinh tử). Dân tộc ta cho chào hỏi như thế là phải, nhưng những người theo Đạo Hồi lúc gặp nhau thì hôn nhau mặc dù là đàn ông, hay gần đây những anh chàng cộng sản cũng vậy.

Người Việt Nam hiện ở rải rác khắp n ó i trên nước Đức độ chừng 24.000 người (năm 1981), chưa có thành phố nào ở trên 1.000 người ngoại trừ Bá Linh. Tư vùng tận cùng của cực Bắc nước Đức như Flensburg, hoặc cực nam như Konstanz, nơi nào cũng không tới được số đó cả. Người Việt Nam sống ở Đức không như người Việt Nam sống ở M ù y hoặc ở Pháp, muốn đi đâu thì đi, muốn ở đâu thì ở, nhất là những nơi thương mại h a y những khu kỹ nghệ, mà ở đây thành phố nào cũng giống thành phố này, không có gì đặc biệt như Paris, Tokyo, Hongkong, Singapore, hoặc Newyork. Đi khắp nước Đức chỗ nào cộ giống như vậy thôi nên người Việt Nam ở đây hơi an phận thủ thường hơn là tìm đến nói âm áp hơn hoặc giả nói thì thành náo nhiệt.

Nếu có ai đó muốn tập trung hết về T â y Bá Linh thì cũng vui, nhưng mỗi lần đi qua biên giới Đông Đức hơi ớn lạnh xương sống, giấy tờ khá phức tạp với một thủ tục chỉ đi xuyên qua thôi và còn những chuyện linh tinh không ngờ xảy ra trước được nữa. Hơn nữa - chúng ta những người tự nạn CS VN, đã sợ công sản chạy đi tìm tự do q ua đây lại dậm dẫu vào xứ công sản nữa, nên ít có người dân Tây Đức nào muốn q u a sông tại Tây Bá Linh, mặc dẫu nơi đây vật giá tương đối rẻ hơn bên Tây Đức. Nếu có chàng, họ chỉ muốn đi xem "bức tường ôn hục ngăn giữa Đông và Tây Đức" một chút thôi. Xem để hiểu thế nào là Đông Tây, là N a m Bắc, chứ xưa nay chỉ nghe nói mà thôi, và lại nếu ở Đức mà không biết được b ú c tường này quả là một điều thiếu sót .

Nếu về Bonn ở - là thủ đô tạm của Tây Đức thì cũng xin tự. Vì Bonn không phải là một thành phố kỹ nghệ hoặc thương mại như Paris hoặc New York hay Los Angeles, mà là một thành phố ngoại giao, chính trị để dành cho công chức nhiều hơn. Đó là cái khó chung của người Việt Nam hiện ở tại Đức. Đối với những vị lớn tuổi thì buồn lắm, vì hoàn cảnh chung quanh, hơn nữa còn cái đi làm suốt ngày, ở nhà chỉ thui thui một mình, đứng lâu trên tử cửa sổ nhìn xuống, nhưng ít muốn ra đường vì lạnh lẽo và ngôn ngữ không thông, nên đối với những vị cao niên, một nơi có thể làm cho họ bớt căng thẳng về thân kinh, lại là một vấn đề cần thiết. Đó là chùa chiền hay những nơi giải trí có tính cách lành mạnh, nhưng ở Tây Đức đi chùa cũng không phải dễ, vì khắp cả nước Đức chỉ có một ngôi chùa Việt Nam tại Hannover, đường xa muốn dặm, nếu muốn đi cũng khó biết đường mà đến. Tất cả đều lệ thuộc vào con cháu, nếu có nghĩ lễ hoặc thứ bảy chủ nhật mới có thể đưa đi được, nhưng con cháu cũng có chương trình riêng của họ, vì suốt tuần đầu tất tưởi làm việc trong xưởng, hãng, chỉ có những ngày cuối tuần để nghỉ ngơi hoặc tổ chức gia đình, dạy dỗ con cái v.v... nên việc đi chùa của các cụ, các Bác lớn tuổi lại trở nên khó khăn hơn. Chẳng bằng lúc còn ở Việt Nam, muốn đi đâu, hoặc đi chùa là cứ xách nón mà đi, khỏi cần ai đưa, ai tiễn. Chùa nào đi cũng tới, Phật nào cũng là Phật Việt Nam cả, nhưng ở đây thì khó lắm, nếu không đi chùa Việt Nam được có thể đi chùa Tích Lan tại Bá Linh hoặc Tây Tạng tại Hamburg và München, nhưng Quý vị lớn tuổi Việt Nam chúng ta hơi khó tính lắm. Các vị nói rằng Phật Tây Tạng và Phật Tích Lan không biết nói tiếng Việt Nam, nên quý vị có khăn cầu gì thì Phật đâu có giúp được, nên phải gấn Phật Việt Nam và phải là Phật Việt Nam mới là Phật đúng nghĩa.

Điều đó cũng thật đúng, chúng ta không có chấp trước, nhưng những tu sĩ ở những chùa Tây Tạng hoặc Tích Lan chỉ nói tiếng Anh hoặc tiếng Đức hay Tây Tạng mà Quý vị gặp những vị này thì cũng chẳng biết nói gì, chỉ biết chấp tay xá xá rồi lui. Kể cũng thật khó tâm cho Quý vị, nhưng cũng hy vọng rằng trong tương lai gần sẽ có nhiều ngôi chùa Việt Nam trên xứ Đức để cho Quý vị lễ bái, nhưng xin thưa nhỏ với quý vị một điều là bây giờ hết người đi

tu rồi, các cụ cố gắng làm sao khuyến bảo con cháu "mau tu kéo trẻ", chứ với tình thế này chẳng bao lâu nữa sẽ không có người đóng cửa chùa đứng nói gì đến việc dựng chùa, tạo tượng, đúc chuông. Cho nên ngày xưa Quý vị Tô Sư vẫn thường hay dạy những vị đệ tử xuất gia cũng như tại gia một câu thâm thúy như sau "Tạo Tạng mới khó, chứ tạo tự không có khó", mà đúng là vậy - ở Tây Đức hay ở bất cứ một nước nào tại bất cứ nơi đâu, đâu có khó khăn đến bao nhiêu chăng nữa, sau năm năm, mười năm chúng ta cũng có thể tạo dựng được nhiều ngôi chùa đồ sộ, nhưng chưa có nơi nào trên thế giới của người Việt Nam tạo dựng được một vài vị, tăng "đồ sộ" trong tương lai được cả. Vấn đề tùy thuộc vào người hiểu đạo và hành đạo, chứ không thể bắt buộc được.

Ngày xưa ở Việt Nam sao người ta đi tu nhiều quá, nhưng ra ngoại quốc thấy có ít người muốn đi tu nữa. Hay là những chúng sanh này đã "sanh hết về phương Tây" của Phật A Di Đà rồi, mà suốt mãi bao nhiêu năm trước vẫn không thấy hình bóng của một chú tiêu "Sa Di dưới gậy", hay là gậy ở ngoại quốc không có? hay thế nào đây? Quý vị nhớ nhấn nhủ với con cháu là như thế!

Có nhiều vị Cư Sĩ thường hay hỏi chúng tôi rằng: liệu như thế thì Phật Giáo Việt Nam tại Hai Ngoại còn tồn tại đến bao lâu nữa?

Nhưng hỏi để rồi không trả lời được gì cả. Vì, không có bột làm sao mà giột nên hồ. Chỉ có cách là tình nguyện tu tưng mùa của những vị cư sĩ tại gia đây thôi. Có nhiều vị không hiểu tu tưng mùa là tu như thế nào - thì đây là phương pháp. Đối với những vị cư sĩ thuần thành, nếu được cư mỗi năm vào chùa làm công quả, tu Bát-Quan trai, sống một năm chừng 5 hay 10 ngày như cuộc đời của một tu sĩ, trong khi đó cố gắng học kinh, học tụng niệm, học Phật Pháp để những nơi, nếu không có Tăng Sĩ, quý vị được đào tạo từ những khóa huấn luyện ngắn hạn ấy, thay thế cho những vị Tu Sĩ. Và cứ một năm tại chùa chia ra làm nhiều khóa, và mỗi khóa phải quy tụ được nhiều người, may ra mới giải quyết được tình trạng khan hiếm tu sĩ hiện nay. Còn ngược lại thì vô phương cứu chữa.

(Còn tiếp)

Xưa và nay



Bài thơ này được gởi từ miền Nam nước Việt. Tác giả là một vị lão thành đã sống qua nhiều thời đại trong quá khứ và giữ nhiều vai trò quan trọng trong thời đệ nhị cộng hòa. Viên - Giác hân hạnh giới thiệu với tất cả Quý độc giả bốn phương, và xin thành thật cảm ơn Tác Giả.

Ngày xưa nuôi chó giữ nhà,
Nuôi chim nghe hót, nuôi gà chọi chơi.
Heo thì dờ dấy cả hơi,
Phở phường chật hẹp ai người dám nuôi
Sợ lên cở bột lồi thối,
Sợ làm phiền tóai những người chung
quanh.

Ngày nay heo được tôn vinh,
Một khi bụng đói vệ sinh cóc cần.
Heo ngủ gác, heo chiêm sân,
Nhà nào rộng rãi có ngăn có chuồng.
Ít nghe tiếng hát chim muông,
Nuôi gà đẻ trứng ấp con kiếm lời.
Còn anh chó thật hết thối,
Vì không hộ khẩu nên dơi long dong.
Bao nhiêu mớ nạc xương lòng,
Ngá ra bầy món là xong một đời.
Vợ tôi xưa mới nức cười,
Hè ra khỏi ngõ là ngồi lên xe.
Áo dài dẫu bởi chính tề,
Sợ không trau chuốt chúng chề bạn cười
Chỉ lo ăn, chỉ lo chơi,
Công việc lao động suốt đời chào thua
Đồ gia dụng chẳng cần mua,
Gạo sứt than củi người đưa tận nhà.
Nhớ nhớ áo lượt quần là,
Năm ba chục bộ thêu hoa đủ màu.
Đề một hơi chín tí nhau,
Khỏe ra nhe nhòm chẳng âu lo gì.
Nhà ba tầng đủ tiện nghi,
Máy lạnh, điện thoại, ti vi, đèn màu.
Hai mươi năm đã qua mau,
Khác nào nước chảy qua cầu đổi thay.
Từ ngày cách mạng về đây,
Thằng tao bỗng thấy mẹ mây khác xa.
Ngày xưa áo lượt quần là,
Bây giờ một mảnh bà ba lẻ phè.

Ngày xưa một bước một xe,
Bây giờ cút bộ vỉa hè như diên.
Ngày xưa lao động không chuyên,
Bây giờ tạp nhạp làm quen đủ nghề.
Luộc khoai tráng bánh nấu chè,
Hết nghề đậu hủ đến nghề ứ men.
Ngày xưa chẻ bắp không thêm,
Bây giờ heo chị heo em dầy chuồng.
Thương heo thương quá là thương,
Mền heo mền cả mùi hương mận nồng.
Con gái chẳng dám gả chồng,
Chỉ lo nuôi khích thêm ông rế' hiền.
Con trai chẳng dám kết duyên,
Chỉ lo thêm miệng lại thêm nhức đầu.
Vả chẳng có rế' có đầu,
Lỡ ra rồi chúng mang bầu thì sao?
Ngày xưa thuốc Mỹ dôi dào,
Bây giờ hoàn tán, đốn cao cũng là.
Ngày xưa gạo chợ tận nhà,
Bây giờ nghe gọi nhào ra xếp hàng.
Ngày xưa sinh đẻ thả đàn,
Bây giờ kê hoạch cho nhân tâm thân.
Ngày xưa sắm áo, may quần,
Bây giờ đóng gạo lo ăn hàng ngày.
Ngày xưa ngủ đến nửa ngày,
Bây giờ bành mặt có ngay việc làm.
Ngày xưa máy lạnh mớ' tràn,
Bây giờ phe phẩy quạt nan cũng tỉnh.
Ngày xưa khoe đẹp khoe xinh,
Bây giờ khoe khỏe, khoe nhanh, khoe tài.
Ngày xưa chân dép chân hài,
Bây giờ xoay xoay lợi ngoài chuồng heo.
Ngày xưa xe máy vèo vèo,
Bây giờ xe đạp cũng đeo cồng thố.
Ngày xưa sửa soạn hàng giờ,
Bây giờ giành đi chải sớ mái đầu.
Ngày xưa thấy tổ con hầu,
Bây giờ làm lầy chẳng cầu cạnh ai.
Ra công thì sức đua tài,
Mình làm mình hưởng sống đời "TỰ DO".
Mới hay "Mỹ Ngụy" thườ' xưa,
"Đã đem vật chất làm hư con người".
"Nay nhớ cách mạng ba mươi",
Vợ tôi mới biết trong đời cần lao.
Luôn luôn kiêu hãnh tự hào,
Càng già càng gieo càng dai tinh thần.
"Cảm ơn cách mạng muôn phần".
.....vô danh.....

VĂN TẾ

Trước anh linh Tổ Quốc, lương tâm ray rứt mà t h a n
răng:

Hỡi ơi! Cuộc chiến kéo dài, lòng dân ly tán. Nay đã hòa
bình. Sao còn ti nạn?

Nhớ vong xưa. Hoặc công chức quân nhân. Hoặc làm ăn
buồn bán.

Cũng có kẻ còm cha áo mẹ, học thành tài tiến sĩ củ
nhân.

Cũng có người gạo chợ nước sông, tay vun miệng bạch
dinh vô sản.

Đang vui sống yên lành nơi đất mẹ, dù đói dù no cũng
chàng chút than van.

Bóng ùn ùn rời bỏ chốn quê cha, đầu sông chết cũng
dành lòng chấp nhận.

Hay là:

Đêm năm mươi triệu, xưa ông cha từng tỏ mặt anh hùng
nước bốn ngàn năm, nay con cháu lại nêu giường c a n
đảm, một ghe chài cũng dề sóng vượt biển. Mấy thùng
sắt cứng đóng bè di tản.

Người khỏe mạnh dầm mưa giải nắng, quyết ngấm c a u
hữu chí cánh thành.

Kẻ yếu đau biển dập sóng đời, đành chịu trận vô phương
cứ vãn.

Nào sóng thần tàu phá kinh hồn. Nào hải tặc hoành
hành quá ngán.

Đón đau chi mấy! ngoài biển khơi đã gặp cảnh d u ô^l i
xua.

Sung sướng gì đâu? vào đất liền vẫn còn trò vầy hãm.

Kẻ lủi chui đã thất đảo bát diên. Người chính thức
cũng khuyh gia bại sản.

Thế rồi: Bao tham cạnh xảy ra khiến lương tâm t h ' e
giới bằng hoàng: Những đoạn trường dựng lên, để dư
luận năm châu bàn tán.

Biết bao kẻ chết mòn nơi hoang đảo, vì không c ò n
lương thực nuôi thân.

Biết bao người chìm lìm giữa biển sâu, vì không gặp
tàu bè cứu nạn.

May mà đổ bộ lên Mã Lai Á, Thái Lan. Phúc mà đặt chân
đến Phi Luật Tân, Hương Cảng.

Cụ già lấm cặm, chen chặt quê người. Con trẻ u ó làm
phiên nước bạn.

Nước vừa độc lập sao hồn không góp sức dựng xây. Dân
mới tự do, sao hồn dè chạy vung tứ tán.

Người ta bảo hồn bỏ đi vì hồn sợ oán thù. Lại d ò n
rằng hồn không ở vì hồn ứa ăn bám. Hay hồn quen thân
phóng túng, mà hồn không chịu sống tập đoàn.

Hay hồn sẵn óc kinh doanh mà hồn phải chạy theo tư
bản.

Ta nay: nhìn tương lai đất nước mà đã nao nao.
 Thấy thực trạng đồng bào mà lòng chán ngán.
 Sao chẳng biết nợ nhân thế có vay có trả, dù hơn thua
 cũng không phải tình trường.
 Kiếp phù sinh sống gói thác về, đầu sương khổ' cùng chi'
 là bộ tạm.
 Trăng nước mịt mù, trời mây ảm đạm.
 Đốt nén hương lòng. Xin thần chứng giám.
 Dù thành dù bại, ý chí hồn làm hoàn vũ suy tư.
 Dầu đúng dầu sai, tâm sự hồn được địa cầu thông cảm.
 Xin nguyện cầu:
 Hồn có thiêng thì phù hộ người sau.
 Khi lâm trận được qua cầu thoát nạn. Thượng hưởng.

Bài văn tế trên đây cũng do một tác giả vô danh
 đã gửi đi từ miền Nam Việt Nam. Cho hay cái dũng khí
 của con người đến khi tung quân thì làm liều. Dầu cho
 chế độ kiểm duyệt của cộng sản có tinh vi đến đ' a u
 đi chăng nữa, cũng không thể kiểm soát nổi sức mạnh
 của quần chúng trong thế đấu tranh ngấm ngấm để chôn
 lại bao quyền cộng sản Việt Nam hiện nay trong lòng
 đất quê hương yêu dấu. Đặc San Viên Giác thành thật
 ca ngợi những Tác Giả vô danh đã đóng góp phần mình
 cho công cuộc tranh đấu vì độc lập, tự do của Tổ Quốc
 và nguyện cầu hồn thiêng của sông núi luôn phù trợ
 cho những người con yêu của Tổ Quốc trên bước đường
 đấu tranh đầy gian lao và nguy hiểm này.



Hộp thư Phật sự

- Đặc San Viên Giác phát hành 2 tháng một lần bằng tiếng Việt và một số tiếng Đức trong năm, nhằm mục đích bảo tồn và phát huy văn hóa Phật Giáo và văn hóa Dân Tộc tại nước Đức cũng như tại Hải Ngoại, không có tính cách thương mại, việc ủng hộ là tùy tâm của Quý vị độc giả, không có tánh cách bắt buộc. Quý vị nào muốn nhận được báo xin vui lòng biên thư về chùa, ghi tên họ người nhận và địa chỉ rõ ràng. Điều kiện chi' cần có thể.
- Quý vị nào thay đổi địa chỉ' cũng xin thông báo cho chùa biết trước địa chỉ' mới để' gửi báo đến quý vị đúng thời hạn và tránh khỏi việc gửi báo đi và bị gửi trả' về. Kính mong Quý vị độc giả hợp tác chặt chẽ cho.
- Ngoài ra xin nhắc lại một lần nữa với những vị đã mượn sách của chùa, xin hoàn trả' lại để' tiện bề làm mục lục sách cho thư viện. Xin thành thật cảm ơn.
- Quý vị nào muốn tham khảo Tam tạng Kinh điển bằng Hán Văn xin ghé lại thư viện của chùa để' nghiên cứu (Tam tạng gồm 100 bộ, mỗi bộ dày khoảng 2.500 trang và sẽ về thư viện trong vòng cuối tháng 11.1981).

Trong cơn lốc đỏ



(Kỳ 6)

PHẦN I: Tân binh lửa

CHƯƠNG 4: Chánh sách trước sau như một và những điều nghe thấy.

Rồi đây số phận của một triệu hai trăm ngàn quân nhân và hàng trăm ngàn công chức sẽ ra sao?

Một trang lịch sử đã lật qua.

Đài phát thanh Sài Gòn nay trở thành đài phát thanh Giải Phóng. Báo chí chỉ có tờ Sài Gòn Giải Phóng và đài truyền hình. Đó là những phương tiện thông tin tuyên truyền đường lối chánh sách của chánh phủ mới. Ảnh của Huỳnh Tấn Phát được người Trung Hoa treo trong các hiệu, buôn ở Chợ Lớn. Qua các chế độ cũ từ Bảo Đại, Ngô Đình Diệm cho đến Nguyễn Văn Thiệu, người ta đã làm thế. Ngoài ra, các khu phố trong Chợ Lớn người ta treo cờ Trung Quốc. Không thấy cờ Mặt Trận. Đó là một hiện tượng lạ.

Những tấm bích chương dán ở những vách tường, đầu ngõ, v.v... với tiêu đề "Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam" - "Độc lập tự do và trung lập" mang trong chánh sách mới điểm của chánh phủ. Với tiêu đề trên, người dân miền Nam được an da. Không thấy có chữ nào gọi là "cộng sản" cả, trái lại còn "trung lập" nữa. Về chánh sách thì có những điều như là không lấy cây kim sợi chỉ của dân, nhân dân tự do làm ăn, các cơ sở văn hóa, binh viện, trường học do người nước ngoài quản lý vẫn được phép tiếp tục hoạt động vì lợi ích của nhân dân, khuyến khích phát triển nông nghiệp, tự do tín ngưỡng, v.v...

Chẳng bao lâu ảnh của Hồ Chí Minh cũng được dân chúng treo trong nhà. Có nhà người ta đặt ảnh trên bàn thờ là nơi tôn nghiêm nhất.
"Không có gì quý hơn độc lập tự do"

"Chú tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta".

Thật khó tả bày được tình cảm của người dân miền Nam sau khi người công sản chiến thắng. Chỉ có điều mỗi gia đình có con em liên hệ đến trên mặt, nay an lòng thấy cuộc chiến đã chấm dứt, không còn cảnh huynh đệ tương tàn... Trước mắt là như thế.

Những ngày đầu chánh quyền mới ra lệnh trình diện những "binh lính, hạ sĩ quan và sĩ quan của quân đội bù nhìn thuộc chế độ cũ, cảnh sát và gián điệp...". Thông cáo được đăng trên tờ Sài Gòn Giải Phóng ngày 6.5.1975 do thượng tướng Trần Văn Trà ký. Ủy Ban Quân Quản Sài Gòn Gia Định điều hành việc hành chánh và quân sự trong thành phố. Đó là một thông cáo chánh thức, ngày trình diện bắt đầu từ 8 đến 31.5.1975. Địa điểm trình diện: sĩ quan và binh sĩ tại ủy ban phường nơi cư trú. Các tướng lãnh trình diện ở số 213 đại lộ Hồng Bàng (Chợ Lớn).

Ngô nhớ lại ngày 2.5.1975 phải hít hắt chạy đầu này đầu nọ để dò hỏi xem mình phải trình diện ở đâu. Những ngày đầu ấy không có lính rõ ràng. Ngô cũng như hàng trăm người khác chen chúc nhau làm thủ tục trình diện ở trường đại học Vạn Hạnh. Những khuôn mặt sinh viên đảm trách phân phát giấy tờ khai báo không xa lạ mấy. Họ là những thành viên cộng sản nắm vững, hoặc là những thành viên vào những giờ phút chốt. Bất kỳ ở khóm nào cũng có những khuôn mặt quen thuộc, bỗng nhiên cánh tay đeo băng đỏ, có khi được vợ trang băng một khẩu súng tiểu liên, đứng ra đảm trách những phận sự tuy không mấy quan trọng, nhưng có thể "hết ra lửa". Họ có thể là thanh niên nam nữ, có thể là những người đứng tuổi, có thể trong nhiều hạng, tuổi... Đây là một dịp ngàn năm một thuở, có đến tay thì phát. Mỗi hôm nào trước đây, anh nắm tắc-xi trong

xóm mình, hiền hòa, mộc mạc, hôm nay t h ấ y
lãng vãng trong một phòng giầy ở phường,
nghe đầu anh cô phân sự về "an ninh".

Ở đại học Vạn Hạnh, Ngô được cấp một phiếu
nhỏ xác nhận đã trình diện. Hôm sau người
ta bảo phiếu trình diện ấy không hợp lệ.
Vậy phải trình ở đâu? Lần này phải lại vạn
phòng cảnh sát quận cũ sáng sớm để h ỏ i
thăm. Nơi đây người ta chỉ lại một biệt thự
cách đó vài mét thước, nằm trên đường
Nguyễn Thông. Đến nơi, thấy ngoài cổng đứng
một bảng đen ghi vắn tắt "Địa điểm trình
diện: binh lính, hạ sĩ quan và sĩ quan nguy"
Đây là một ngôi nhà vô chủ, như n h ư n g o ã i
nhà khác, người ta đã bỏ lại tất cả để đào
thoát trước hoặc sau ngày 30 tháng 4. Đã
có hàng chục người đang chờ đợi để làm thủ
tục "đăng ký trình diện". Dần dần số người
đến đông hơn. Ai cũng tỏ vẻ sốt ruột, chờ
đến phiên mình nhận những mẫu in sẵn để
khai báo. Ở đó có một vài cán bộ quân sự
lâm c ộ v ậ n cho những người mặc thường phục
kể cả hai phụ nữ đảm nhiệm việc đăng ký.
Trông công việc có vẻ quy cũ nhưng cũng
mất hàng hai ba giờ chờ đợi. Lần này người
ta cũng cấp cho mỗi người một biên l a i
nhỏ. Ai cũng nhẹ nhom ra về.

Việc làm đầu tiên của chế độ mới là quản
lý ngay nhà của những người bỏ trốn khỏi
Việt Nam.

Chỉ trong một khu đất nơi Ngô cư ngụ đã có
năm ngôi nhà bỏ trống. Bên cạnh và phía
sau là hai ngôi nhà của Mỹ, ba cái còn lại
là của dân, trong đó có của một giáo sư đại
học. Người ta cứ đến bậm chuông, kêu c ầ u
ngày mấy lần, có khi cả ban đêm. Mỗi lần có
chuông reo là cả gia đình lên ruột, nhất
là Ngô "sĩ quan nguy". Nói thế chứ chánh
quyền mới có biết ai là "nguy" đâu. Bình
thường trong nhà có bảy người. Trước những
ngày cuối của cuộc chiến, lên đến trên mười.
Hai buồng ngủ đều ng ồ n g a n g những va-
li và túi xách, sẵn sàng để lên đường... Ai
cũng hồi hộp. Lúc này chỉ có chú Sáu hoặc
Ngô ra tiếp khách thôi. Hàng rào và cửa
ng ộ đ ả đ ược b ắ t k ỉ n b ằ n g những tấm tôn cao
khởi đầu để bên ngoài không nhìn thấy bên
trong, trước khi miền nam sụp đổ, và để
phòng nạn cướp bóc.

Một buổi sáng có tiếng chuông reo. Ngô ra
ng ộ, b ắ t c ả n h ậ n q u a l ỗ n h ỏ thấy ba
cậu bộ đội trẻ, đội nón tai bèo, mang AK47.

Ngô vội mở cổng, với nụ cười gương mặt hạ
người vào. Ở phòng khách vắng lặng. Vào đến
nơi, rất tự nhiên, ba cậu tuổi chưa q ầ u a
mười tám, mạnh ai nẩy ngồi không cần mời.
- Đây có phải nhà ông Mạnh không anh? một
cậu hỏi bằng giọng miền bắc.

- Ở đây không có ông Mạnh, Ngô đáp, vừa
khô chịu vì câu hỏi thì ít mà vì c ầ i
cách ngồi trên ngoài hai chân gác l ề n
bàn tròn, rất khó xem của mấy cậu này.

- Chúng tôi đi tìm nhà ông ấy để quản lý
vì đã bỏ ra nước ngoài.

- Tôi không biết... Đây là nhà chúng tôi.
Các anh làm nhà rồi, Ngô đáp.

Thấy việc cắt vấn không kết quả, một cậu
trong bọn cất tiếng sang chuyện khác:

- Bây giờ Mỹ rút quân rồi, nước nhà
độc lập, anh có vui mừng không, tình c ầ m
gia đình anh đối với cách mạng thế nào?

- Chúng tôi rất vui mừng, Ngô đáp cho xong
chuyện.

- Phải thế chứ! Gia đình anh có khó khăn
gì không?

- Cảm ơn các anh, bình thường.

Dù có bực mình thế mấy chăng nữa, Ngô cũng
không quên mỗi mấy cậu bộ đội uống trà.
Bây giờ bầu không khí có vẻ bớt căng thẳng
Ngô hỏi:

- Sau khi vào nam, các anh thấy sao về
cuộc sống ở đây?

Không cần phải suy nghĩ, một cậu nhanh
miệng:

- Phồn vinh giả tạo cả.

Cậu ta nhìn ra ngoài cửa sổ, đưa mắt nhìn
giải lâu cao bên kia khu hang phim, nói
tiếp:

- Như những thứ kia là do bọn đế quốc Mỹ
xây dựng cả.

- Cửa tử nhân đồ anh.

Bây giờ ngôi biệt thự to của Mỹ phía sau
đã có bộ đội đóng quân. Sáng sớm nào họ
cũng tập thể dục, tiếng chân, tiếng gi ầ y
dép hòa lẫn tiếng reo hò theo nhịp các
động tác, khoảng hai mét phút trong h ệ m,
làm ai còn say ngủ cũng phải thức giấc.

Người ta đã bắt đầu đi trình diện chánh-
thức tại các quận trong thành phố từ ngày
8.5.1975. Quận ba, địa điểm trình diện là
trường nữ trung học Gia Long. Ngày đ ầ u
đông nghẹt, không chen chân được, bên trong
đã có hàng trăm người, bên ngoài con s ố
còn đông hơn. Cảnh công sát đông kín, khô
ai vào ra được nữa. Mãi đến ngày 11.5. 75
Ngô mới vào được bên trong sân trường

(Còn tiếp)

Thơ



Mong chờ sự chết

Ta chờ sự chết từng giây
 Như người sản phụ đợi ngày khai hoa
 Sao ta mãi trẻ không già?
 Mãi gần phiên nào, mãi xa Niết Bàn?

— Đàng Trinh Wallenstäter —



Thơ không thơ

(Thân kính tặng báo Viên Giác đề đề vào số 4-trang 49 tháng 8/81)

— Thích Nữ Trí Tánh —

Thơ vốn "không thơ" từ thưở nào!
 Ai đi biết nói, nói làm sao?
 Như như bất động VIÊN hoàn GIÁC
 Trăm chữ ngàn câu chả thấm vào.
 Thơ đã là thơ rang sắc màu
 Thanh nhiên trong trắng suốt huyễn dao
 Chân như tịnh lạc vang nguồn sông
 "Không" "Có" viên thông tự thưở nào.

Giới thiệu

• Dân Ca Quốc Nhạc Phương Ca sau hai tháng nghỉ hè đã bắt đầu hoạt động lại với những việc sau đây:

- Bắt đầu thuê cuốn băng tựa đề "Anh Đào Vàng"

- Soạn thảo cuốn sách đầu tiên về Đàn Tranh tựa đề "Phương Ca Dân Ca Quốc Nhạc" Kỹ Thuật - Đàn Tranh và Bài Bản.

Ngoài ra Phương Ca cũng đã cho phát hành cuốn băng "Anh sáng Thiên Chúa" thuộc về giáo lý cho trẻ em. Mọi liên lạc xin thư về: Phương Ca: 35, Ave. du 8 Mai, 95200 - Sarcelles, FRANCE:

• Hằng năm chùa Khánh Anh tại Pháp có Phát hành Lịch Sách Tư Vi và lịch treo tường. Đặc biệt năm nay có in thêm loại lịch treo tường hình màu, sáu tấm tuyệt đẹp. Quý vị Phật Tử tại Đức có thể liên lạc về chùa Viên Giác Hannover để có những lịch trên.

- Lịch sách tư vi (342 trang) 16DM kể cả cước phí bưu điện trong nước Đức.

- Lịch treo tường Nhâm Tuất 13DM kể cả cước phí bưu điện trong nước Đức.

- Lịch 6 tấm giá 11DM kể cả cước phí (lịch này còn rất giới hạn).

Quý vị có thể trả tiền mặt trong thư gói, hoặc gửi thẳng vào số Konto của nhà chùa tại Đức.

• Cụ Bli Văn Bảo tại Canada có thực hiện 6 loại thiệp chúc xuân với nhiều màu sắc rực rỡ. Trên mỗi thiệp đều có hai câu đối Tết.

Vậy Quý vị nào muốn có những mẫu thiệp ở trên, xin liên lạc về cụ Bli Văn Bảo 15 Rochedale Ave. Toronto, Ontario, M6E 1W9 - Canada.

Sang tiệm

Một gia đình Việt Nam sắp rời khỏi nước Đức, muốn sang gấp một tiệm bán thực phẩm Á Châu và đồ kỷ niệm tại Hannover, giá cả phải chăng, nơi có nhiều khách hàng lui tới.

Xin liên lạc về:

Tiệm 0511/13886

Tử gia (sau 19 giờ) 0511/649234.



Tin giờ chót

Chính quyền Cộng sản VN âm mưu giải tán
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (Ấn Quang) đang bị áp lực giải tán (như Viên Giác số 5 đã loan tin). Thượng Tọa Thích Minh Châu, Đại Biểu Quốc Hội thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 1981 đã gửi một thông cáo cho Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh, cho Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam T.P.H.C.M, và Ban Tôn Giáo của nhà nước tại thành phố lên án Thượng Tọa Thích Quảng Độ, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là "phá hoại công cuộc thống nhất Phật Giáo" và "ngang nhiên thách thức với chính phủ và mặt trận Tổ Quốc".

Thượng Tọa Thích Quảng Độ hiện là người lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất chống lại áp lực của chính quyền nhằm giải tán Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất để thành lập một tổ chức Phật Giáo mới hoàn toàn nằm dưới sự sai khiến của Đảng và Nhà Nước.

Áp lực giải tán Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã có từ trên ba năm nay, nhưng vì sức kháng cự của các cấp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nên Chính quyền và Ủy Ban Liên Lạc Phật Giáo Yêu Nước, công cụ của chính quyền vẫn chưa thực hiện được. Thượng Tọa Quảng Độ đã từng bị nhà nước giam giữ trong hai năm cùng với nhiều lãnh tụ Phật Giáo khác. Thượng Tọa đang đứng trong một tình thế hết sức nguy hiểm, và có thể bị bắt giam lại bất cứ lúc nào. Vì đức can đảm và công trình tranh đấu của Thượng Tọa cho nhân quyền tại Việt Nam, Thượng Tọa Thích Quảng Độ và Thượng Tọa Thích Huyền Quang đã được Mairead Corrigan và Betty Williams đề cử giải Nobel Hòa Bình trong năm 1979.

Đại đa số tăng sĩ trong Hội Đồng Lãnh Đạo Viện Hóa Đạo và các Tỉnh Giáo Hội của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong phiên họp tại chùa Ấn Quang ngày 9/9/81 đã đồng thanh cương quyết chống lại áp lực giải tán Giáo Hội của họ. Tuy nhiên chính quyền đang thực hiện nhiều chính sách độc tài để đàn áp. Ngày 11 tháng 10 năm 1981 chính quyền đã bắt giữ các Thượng Tọa Quảng Độ, Huyền Quang, Thông Bửu, Thông Huệ không cho đến tham dự buổi họp tại chùa Ấn Quang và chỉ thả các vị ra về sau khi buổi họp chấm dứt. Buổi họp này đã bị nhà nước và Ủy Ban Văn Động Thống Nhất Phật Giáo của Thượng Tọa Minh Châu thao túng.

Cũng nên biết là ngày Vu Lan năm nay, trên 40 vị Tăng Ni Việt Nam tại các nước trên thế giới đã gửi thông điệp về Viện Hóa Đạo nhất tâm thỉnh cầu duy trì cơ cấu tổ chức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất để khỏi phụ lòng Hòa Thượng Thích Quang Đức và các Thánh Tử Đạo đã hy sinh làm nền tảng cho sự thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Bản Tin của Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại.

Chúng tôi loan tin này, cũng như lần trước Viên Giác đã loan tin về sự đàn áp của CS VN đối với Phật Giáo nhằm đánh thức dư luận trên thế giới và chúng tôi rằng ngày nào Dân Tộc Việt Nam còn đau khổ, là Phật Giáo Việt Nam còn hiện thân để giúp người và cứu đời, để chống trả lại những cái gì bất công, bạo tàn và thù hận.

BAN VẬN-ĐỘNG
THỐNG-NHẤT PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM
Văn phòng 2 Chùa Xá-Lợi
89 Bà Huyện Thanh Quan Q3
Tp. Hồ-Chí-Minh
ĐT: 94.103

CỘNG-HÒA XÃ-HỘI CHỦ-NGHĨA VIỆT-NAM
Độc-Lập Tự-Do Hạnh-Phúc
-o-o-o-o-o-
Phật-Lịch 2.525
๕

BAN VẬN-ĐỘNG THỐNG-NHẤT PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

T H O N G - B Á O

Kính gửi : TRUNG ƯƠNG CÁC TỔ CHỨC, GIÁO-HỘI,
HỆ PHÁI PHẬT-GIÁO TRONG CẢ NƯỚC.

Kính thưa quý vị,

Thường trực Ban Vận-Động Thống-Nhất Phật-Giáo Việt-Nam họp vào ngày 15-9-1981 tại trụ sở văn phòng 2, Chùa Xá-Lợi, Tp. Hồ-Chí-Minh để giải quyết những vấn đề cơ bản về việc tổ chức Hội nghị Đại biểu Thống-Nhất Phật-Giáo Việt-Nam.

Hội nghị đã nghe Ban Thư ký báo cáo tình hình các tổ chức Giáo-Hội, Hệ phái Phật-Giáo tham gia góp ý kiến, sau khi bàn dự-thảo Hiến-Chế Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam gửi đi vào ngày 12-8-81.

Đến nay, Văn phòng 2 Ban Vận-Động đã nhận được các văn bản góp ý về dự thảo Hiến-Chế, lược kê theo thời gian như sau :

- Văn thư góp ý kiến của Giáo-Hội Thiên-Thai Giáo-Quán-Tông.
- Biên bản cuộc họp thảo luận góp ý kiến của Giáo-Hội Tăng-Già Nguyên-Thủy Việt-Nam.
- Bản văn nhận định về dự thảo Hiến-Chế của Ban Quản-Trị Hội Phật-Học Nam-Việt.
- Văn thư và bản văn góp ý của Giáo-phái Khất-Sĩ Việt-Nam.
- Biên bản phiên họp Viện Tăng-Thống và Viện Hoàng-Dạo Giáo-Hội Phật-Giáo Cổ-Truyền Việt-Nam thảo luận góp ý dự thảo Hiến-Chế.
- Văn thư và bản văn góp ý của Ban Liên-Lạc Phật-Giáo Yêu Nước Thành phố Hồ-Chí-Minh.
- Bản văn góp ý của Ban Trị Sự Trung Ương Hội Phật-Giáo Thống-Nhất Việt-Nam.

Ngoài ra, còn có một số cá nhân Tăng Ni, Phật tử gửi thư góp ý kiến.

Riêng trong Ban Chỉ-Dạo Viện Hóa-Dạo Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất đã diễn ra những sự kiện khác thường.

Văn thư số 38 đề ngày 10-8-1981 của Ban Vận-Động cùng với Bản dự thảo Hiến-Chế gửi ngày 12-8-1981, do tri khách chùa Ấn-Quang ký nhận và chuyển đến Viện Hóa-Dạo, không biết vì lý do gì đã thất lạc. Văn phòng 2 Ban Vận-Động phải rút rút văn thư số 38 lưu trữ văn phòng cùng với bản dự thảo Hiến-Chế gửi đến Viện Hóa-Dạo lần thứ 2 vào ngày 20-8-1981.

Ngày 27-8-1981, văn phòng 2 Ban Vận Động nhận được văn thư số 037-VHD/VF đề ngày 26-8-1981 của Viện Hóa-Dạc gửi đến, thông báo là "không thể trả lời góp ý kiến về dự thảo Hiến Chế kịp theo thời gian qui định của Ban Vận Động", và xin Ban Vận Động gửi thêm cho Viện Hóa-Dạc 60 bản dự thảo Hiến-Chế, kịp thời phổ biến cho các cấp Giáo-Hội Tỉnh và Quận, Huyện thuộc thành phố Hồ-Chí-Minh với lý do để lấy ý kiến đóng góp về Bản dự thảo Hiến Chế.

Ngày 28-8-1981, văn phòng 2 trực tiếp gửi 60 bản văn dự thảo này đến tận văn phòng Viện Hóa-Dạc. Nhưng theo chúng tôi biết Thượng-Tọa Quảng-Độ không chịu gửi 60 bản dự thảo Hiến Chế đó cho các cấp Giáo-Hội như trong văn thư của Viện Hóa-Dạc yêu cầu.

Ngày 9-9-1981, Viện Hóa-Dạc tổ chức phiên họp nhằm triệu tập Hội-Dồng Viện Hóa-Dạc và Chánh Đại-Diện Quận, Huyện Thành phố Hồ-Chí-Minh để thảo luận góp ý bản dự thảo Hiến Chế. Trong khi thành phần chính thức được mời dự Hội nghị là 29 người thuộc thành viên Viện Hóa-Dạc và Chánh Đại-Diện Quận, Huyện Thành phố Hồ-Chí-Minh, thì Thượng-Tọa Quảng-Độ với âm mưu đã sắp đặt sẵn, lợi dụng cuộc họp này đã huy động 75 Tăng Ni không có tư cách dự Hội nghị nói trên đến phòng họp để làm áp lực. Thượng-Tọa Quảng-Độ đã theo tưng một cách trắng trợn suốt thời gian Hội nghị. Sau khi mời Hòa-Thượng Thích-Trí-Thủ lên bàn chủ-tọa, Thượng-Tọa Quảng-Độ tự xưng phong làm thuyết trình viên, chiếm lĩnh diễn đàn hội nghị, tiếm quyền Chủ-Tọa và tự điều khiển Hội nghị. Thượng-Tọa Quảng-Độ đã đưa ra nhiều luận điệu vu khống và hạ nhục Hòa-Thượng Thích-Trí-Thủ như : "Hòa-Thượng Viện-Trưởng đã khai tử Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, Hòa-Thượng Viện-Trưởng đã nhận chìm con thuyền cũ để được qua con thuyền mới". Thượng-Tọa Quảng-Độ đã công khai tuyên bố trước hội nghị "Tham gia công cuộc thống nhất Phật-Giáo hiện nay là khai tử Giáo-Hội, góp ý kiến vào dự thảo Hiến Chế là chấp nhận việc thống nhất Phật-Giáo". Rồi Thượng-Tọa Quảng-Độ tự tuyên bố không thảo luận bản dự thảo Hiến chế. Cứ mỗi luận điệu có tính cách xách động của Thượng-Tọa Quảng-Độ thì lập tức một số Tăng Ni vô tay hổ trợ.

Trước hành động ngang ngược đó của Thượng-Tọa Quảng-Độ, Hòa-Thượng Viện-Trưởng nhận thấy không thể tiếp tục họp nữa được, nên tuyên bố "đây là việc làm có ý nhằm trụt phét tôi. Vậy nên bầu người khác chủ tọa", và Hòa-Thượng bỏ ra khỏi hội nghị. Hòa-Thượng Thích-Trí-Tịnh và những vị khác trong Ban Chỉ-Dạo Viện Hóa-Dạc cũng tỏ thái độ phản đối và rời khỏi hội nghị. Các vị Chánh Đại-Diện Quận, Huyện Thành phố Hồ chí Minh hết sức bất bình cũng rời bỏ phòng họp.

Từ tình hình diễn biến đó, Hội nghị Thường trực Ban Vận Động Thống Nhất Phật-Giáo Việt-Nam nhận định như sau :

1)- Tiếp theo sau sự nghiệp thống nhất vĩ đại của đất nước: thống nhất hai miền Bắc Nam, thống nhất về mặt nhà nước, thống nhất về chính trị, quốc phòng kinh tế văn hóa xã hội, cả nước tiến lên Chủ nghĩa Xã hội, thì công cuộc vận động thống nhất Phật-Giáo Việt-Nam là yêu cầu cấp bách, chính đáng chung của các tổ chức

Giáo-Hội, Hệ phái Phật-Giáo cả nước và hoàn toàn đáp ứng nguyện vọng chân chính của Tăng Ni và đồng bào Phật tử Việt-Nam. Do đó, các tổ chức Giáo-Hội, Hệ phái Phật-Giáo hoàn toàn tin nhiệm Hòa-Thượng Thích-Trí-Thụ làm Trưởng Ban Vận Động Thống Nhất Phật-Giáo Việt-Nam, chủ trì công cuộc thống nhất Phật-Giáo cả nước. Ban Vận Động Thống Nhất Phật-Giáo Việt-Nam cương quyết tiến hành sự nghiệp thống nhất Phật-Giáo cả nước.

2)- Thượng-Tọa Quảng-Độ đã lạm dụng chức vụ Tổng Thư-Ký Viện Hóa-Dạo để hành động thao túng, lạm quyền, vi lệnh hạ nhục Hòa-Thượng Thích-Trí-Thụ, Viện-Trưởng Viện Hóa-Dạo, đồng thời là Trưởng Ban Vận Động Thống Nhất Phật-Giáo Việt-Nam.

Hành động đó của Thượng-Tọa Quảng-Độ không còn thuộc phạm vi nội bộ Viện Hóa-Dạo, mà nhằm mục đích triệt hạ uy tín toàn Ban Vận Động Thống Nhất Phật-Giáo Việt-Nam phá hoại công cuộc thống nhất Phật-Giáo, phản lại nguyện vọng tha thiết của tuyệt đại đa số Tăng Ni và đồng bào Phật tử cả nước, ngang nhiên thách thức với Chính-phủ và Mặt trận Tổ quốc Việt-Nam, đã và đang khuyến khích giúp đỡ công cuộc thống nhất Phật-Giáo cả nước.

Hội nghị nhất trí quyết nghị :

1.- Yêu cầu Trung ương các tổ chức, Giáo-Hội, Hệ phái Phật-Giáo, Ban Chỉ-Dạo Viện Hóa-Dạo Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, cần có thái độ thích đáng đối với Thượng-Tọa Quảng-Độ để giữ gìn kỷ cương trung Đạo và bốn phận người công dân trong nước Cộng-hòa Xã-hội Chủ-nghĩa Việt-Nam.

2.- Yêu cầu các tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật-Giáo, thông báo nội dung và thái độ về việc này cho toàn thể Tăng Ni và đồng bào Phật tử cả nước được biết.

3.- Ban Vận Động Thống Nhất Phật-Giáo-Việt-Nam báo cáo toàn bộ sự việc này với Ủy-Ban Trung Ương Mặt-Trận Tổ-Quốc Việt-Nam và Ban Tôn-Giáo Trung Ương.

Tp. Hồ-Chí-Minh, ngày 17 tháng 9 năm 1981
Thừa Ủy-Nhiệm của Thường trực Ban Vận Động
Thống Nhất Phật-Giáo Việt-Nam

Chánh Thư Ký

(Đã ký và đóng dấu)

DANH SÁCH KÍNH GỬI :

- Ủy-Ban Nhân-Dân Tp. Hồ-Chí-Minh Thượng-Tọa THÍCH-MINH-CHÂU
- Ủy-Ban Mặt-Trận Tổ-Quốc Việt-Nam
Thành phố Hồ-Chí-Minh "Đề trình"
- Ban Tôn-Giáo Thành phố Hồ-Chí-Minh "Đề trình"
- Toàn thể thành viên Ban Vận Động TNPGVN "Đề kiến"
- Lưu 2 văn phòng.

SAO Y NGUYỄN VĂN/

Kính gửi :

- Quý HT, TT, DD trong Ban Chỉ-Dạo VHD.
- Ban Đại-Diện GH. các cấp.
- Các Tu-Viện, Tự-Viện thuộc GH.

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT
VIỆN HÓA-ĐẠO

PL. 2525, Tp. Hồ-Chí-Minh, ngày 23-9-81





Chánh điện CHUA XA LỢI tại VIỆT NAM



Lễ Rằm tháng 10 của Đồng bào
Phật tử Việt nam tại AAHUS
ĐAN MẠCH

Tin tức



■ Ngày 30 và 31 tháng 10 năm 1981 Đại Đức Chi Bộ Trưởng đã đến Sinderfingen (gần Stuttgart) để chủ lễ cầu an và thuyết giảng về giáo lý của Đức Phật cho đồng bào Phật Tử nơi đây. Được biết đây là một làng Việt Nam đầu tiên tại nước Đức gồm hơn mấy chục gia đình qui tụ lại với nhau một chỗ và hơn 90% những người Việt sống nơi đây đều là Phật Tử.

Tham dự buổi lễ này ngoài những Phật Tử tại làng Việt Nam ra còn có Đại Diện của trung tâm Độc Lập và một số quý vị Phật Tử vùng lân cận. Buổi lễ đã kết thúc trong tinh thần tư bi và lợi tha của Phật Giáo. Sau đó Đại Đức CBT được một số quý anh chị em tại Goppingen mời đến tham dự một cuộc họp với đồng bào mời đến về vấn đề hội nhập vào đời sống mới tại nước Đức. Trong buổi nói chuyện này Đại Đức CBT cũng đã giới thiệu sơ qua về tình hình Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức.

■ Vào ngày 7 và 8 tháng 11 năm 1981 Đại Đức Thích Như Điền và Đại Đức Thích Minh Phú đã được Chi Hội Phật Tử Việt Nam tại Aachen mời đến chủ lễ và tham dự lễ rằm tháng 10 với đồng bào Phật Tử nơi đây. Mặc dầu hiện tại Sự Giác Minh không còn ở tại Aachen để hướng dẫn trực tiếp đồng bào Phật Tử nữa, nhưng vì thế mà tinh thần của những người con Phật nơi đây lại sút giảm. Chi Hội ở đây vẫn trên đà hoạt động. Buổi lễ trên đã quy tụ gồm 70 người, và cũng đã kết thúc trong một bầu không khí thật coi mở.

■ Lễ Cầu An cho đồng bào Phật Tử tại München và các vùng phụ cận được tổ chức vào ngày 18.10 âm lịch (14.11.1981) dưới sự chứng minh của Đại Đức Thích Trí Hoà và buổi lễ có một số thay đổi nhỏ.

Thay vì buổi lễ được tổ chức tại chùa Tây Tạng thì lại được tổ chức tại nhà của một

Phật Tử, vì chùa Tây Tạng bị đột bất ngờ. Mặc dầu phải đền tư gia làm lễ cũng như thời tiết thật xấu, nhưng một số Phật Tử Việt Đức đã đến được để nghe Đại Đức Trí Hoà thuyết pháp cũng như chủ lễ cầu an hôm đó.

Đại Đức Thích Trí Hoà cũng đã nhấn mạnh đến với mọi Phật Tử tham dự rằng: "Đức tin là mẹ sinh ra các công đức". Dù người không biết nhiều về giáo lý nhưng một lòng tin kính Phật Pháp Tăng thì công đức cũng còn hơn người chỉ biết hiểu nhiều mà không thực hành. Nếu học cao biết rộng mà chỉ biết làm giàu cho mình, chẳng khác nào như một món đồ trang sức bề ngoài còn bên trong thì rỗng tuếch. Nhưng nếu sự hiểu biết thâm sâu kia còn được soi sáng bằng niềm tin thành khẩn, thì còn chi quý báu cho bằng!

■ Từ 19-22.11.1981 Đại Đức CBT đã đi Đan Mạch (AAHUS) để làm lễ rằm tháng 10 cho đồng bào Phật Tử. Nhân dịp này ĐĐ cũng đã đến gặp bà chủ tịch Hội Đồng tự nạn tại Đan Mạch để bàn thảo về một ngôi chùa cho đồng bào Phật Tử Việt Nam tại Đan Mạch. Được biết ngôi chùa này sẽ do sự giúp đỡ của chính quyền Đan Mạch và sự hỗ trợ của đồng bào Phật Tử địa phương. Chính quyền và những cơ quan xã hội từ thiện sẽ giúp đỡ tiền thuê nhà để làm chùa hằng tháng còn những chi tiêu khác do Phật Tử đảm trách.

Nhân buổi lễ cầu an hôm sau (21.11) Đại Đức Thích Như Điền cũng đã kêu gọi đồng bào Phật Tử tại Aahus đóng định kỳ hằng tháng để lo vấn đề trên. Mọi người đã hoan hỷ và đã thành tâm đóng góp mỗi tháng là 850 Krone. Nhân dịp này cũng xin kêu gọi những Phật Tử ở xa như Copenhagen hay những vị ở vùng phụ cận Aahus cũng nên cố gắng ủng hộ hằng tháng để tiếp tay cho đồng bào Phật Tử tại Aahus có được một cơ sở Phật Giáo đầu tiên tại Đan Mạch một cách vững vàng hơn. Trên đường về lại Tây Đức, ĐĐ cũng đã ghé thăm một số Phật Tử tại Kiel.

■ Từ ngày 20-27.11.1981 Hội Phật Giáo Tây Tạng tại Đức đã mượn chùa Viên Giác để tổ chức những buổi học tập giáo lý và ngôi Thiên cho người Đức, Anh, Mỹ theo Phật Giáo. Khoảng 40 Phật Tử đã tham dự lễ này.

Thông bạch



NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÃU NI PHẬT
Kính gửi: Chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng
Toạ, Đại Đức Tăng, Ni, trụ trì, viên chủ,
các chùa, tự viện và Niệm Phật Đường Phật
Giáo Việt Nam trên khắp năm châu.

Kính Bạch chư tôn!

Thế theo hạnh nguyện hoằng pháp lợi sanh
tại quốc độ Tây Đức, chư Tăng Ni và đồng
bào Phật Tử tại đây trong quá khứ đã cố
gắng duy trì và phát huy văn hóa tông giáo
cổ truyền của Dân Tộc cho người Việt cũng
như người Đức, nên đã được chính quyền
Đức và các cơ quan tư thiện xã hội đã giúp
đỡ không ngừng chùa tại đây về cả h a i
phương diện vật chất lẫn tinh thần.

Đến năm 1982 chùa Viên Giác tại Tây Đức
sẽ đề nghị với chính quyền liên bang trợ
tài khoản 1982 có phần ghi lại "DẤU CHẤM
TRUYỀN ĐẠO VÀ HÀNH ĐẠO" của chư tôn Giáo
phẩm cũng như của những đồng bào Phật Tử
hữu danh khác kể từ sau hoặc trước n ă m
1975 cho đến nay, thành một quyển sách, để
sau này những kế hậu học có cơ hội t ì m
lại được nguồn gốc phát triển Phật Giáo
Việt Nam tại Hải Ngoại. Nên chúng tôi xin
đề đầu đánh lễ chư vị tiên bối, kính mong
chư vị tư bi mẫn nập điền vào mẫu giấy
sau đây, gửi trả lại chùa Viên Giác đ ể
chúng tôi cố gắng soạn thảo cuốn sách
trên chóng thành tựu.

Công đức ấy thực vô lượng vô biên.
Hiệp chúng

Trân trọng kính bạch,



Như điền
tự viện chùa Viên Giác.

Tên chùa (Niệm Phật Đường, Tự Viện).....
.....
Địa chỉ.....
Số điện thoại
Thành lập ngày tháng năm
GIỚI THIỆU CHUNG:
diện tích.....
giới hạn.....
Cách kiến trúc

Giá trị.....

Thành phần Ban Đại Diện:
Hội Trưởng: Mr.....Pháp danh....
Phó Hội Trưởng: " "
Tổng thư Ký: " "
Thư Quỹ: " "
Uy Ban:

Sinh hoạt hằng tháng.....

Sinh hoạt hằng năm.....

GIỚI THIỆU VỀ TIỂU SỬ CỦA VỊ VIÊN CHỦ HAY
VỊ TRƯ TRÌ trong sự nghiệp hành đạo và
truyền đạo tại Việt Nam cũng như ngoại -
quốc.

Bị chú: Xin chư tôn gửi kèm theo 1 hình
đen trắng của chùa (9x12cm) và 1 củachư tôn